



**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**



NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á

BIÊN BẢN GHI NHỚ

DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BÓN THẤP

Khoản vay số 2968-VIE (SF)

ĐOÀN ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ



Hà Nội, Tháng 9 năm 2016

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á (ADB)

BIÊN BẢN GHI NHỚ

KHOẢN VAY 2968-VIE: DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BÓN THẤP

ĐOÀN ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ

Từ ngày 12 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016

I. GIỚI THIỆU

1. Ngày 12 tháng 12 năm 2012, ADB đã phê duyệt khoản vay với tổng số vốn 48,170,000 SDR (tương đương với 74.000.000 USD) cho nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đối với Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bón thấp (Dự án LCASP). Hiệp định Vay được ký kết vào ngày 7 tháng 3 năm 2013, có hiệu lực vào ngày 5 tháng 6 năm 2013 và sẽ đóng tài khoản vay vào ngày 30 tháng 6/2019.

2. Tác động dự kiến của Dự án là giảm ô nhiễm môi trường do chất thải nông nghiệp, với chất lượng nước tốt hơn do giảm chất thải chăn nuôi. Kết quả dự kiến là gia tăng tác động của Quản lý toàn diện chất thải nông nghiệp (ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bón thấp), với việc gia tăng sử dụng năng lượng Khí sinh học (KSH) sạch và phân bón hữu cơ. Để đạt được kết quả này, các đầu ra của Dự án là (i) Quản lý chất thải chăn nuôi; (ii) Tín dụng cho các chuỗi giá trị sinh học; (iii) Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bón thấp và (iv) Quản lý dự án hiệu quả. Việc thực hiện các hợp phần và tiểu hợp phần đang được thực hiện thông qua cơ quan chủ quản (EA), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) do Ban Quản lý Dự án Trung Ương (Ban QLDA Trung ương) thuộc Ban Quản lý các Dự án Nông nghiệp (APMB) và 12 cơ quan thực hiện (IAs) bao gồm các Ủy ban Nhân dân tỉnh của 10 tỉnh tham gia dự án (Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định, Hà Tĩnh, Lào Cai, Nam Định, Sóc Trăng, Sơn La và Tiền Giang) và 2 định chế tài chính (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - VBARD và Ngân hàng Hợp tác Việt Nam – Co-opBank).

3. Đoàn đánh giá Giữa kỳ của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)¹ đã tới Việt Nam từ ngày 12 tới ngày 30 tháng 9 năm 2016 để làm việc với Chính phủ Việt Nam nhằm (i) rà soát tiến độ thực hiện tổng thể dự án; (ii) rà soát sự tuân thủ các hiệp định vay và đánh giá xem các hiệp định này còn thích hợp hay phải điều chỉnh, hoặc hủy bỏ do các điều kiện thay đổi; (iii) đánh giá khả năng đạt được tác động, kết quả và đầu ra của Dự án, và sự cần thiết phải tái cơ cấu hoặc tái xây dựng cấu trúc Dự án, và do vậy, có thể ảnh hưởng tới kết quả và tác động dự kiến của Dự án; (iv) sửa đổi và cập nhật Khung Giám sát và Thiết kế Dự án (DMF) về những phần cần phải tái cơ cấu hoặc thay đổi các mục tiêu trước mắt của DMF, và những phần có thông tin tốt hơn về các mục tiêu và chỉ số thực tế có sẵn từ khi thành lập Dự án; (v) sửa đổi và cập nhật Sổ tay hướng dẫn QLDA (PAM) (nếu cần thiết); và (vi) cập nhật kế hoạch thực hiện

¹ Đoàn Đánh giá bao gồm Ông Sanath Ranawana, Chuyên gia cao cấp kinh tế tài nguyên thiên nhiên (Trưởng đoàn), Ông Leonard Leung, Chuyên gia kinh tế Nông nghiệp và Tài nguyên thiên nhiên, Ông Phạm Quang Phúc, Chuyên gia Môi trường, Bà Nguyễn Thanh Giang, Chuyên gia Phát triển Xã hội (Giới), Bà Trương Thị Minh Huệ, Trợ lý Chuyên viên phân tích dự án, Bà Đỗ Thị Huyền, Tư vấn viên (Môi trường), Bà Trần Thúy Hải, Tư vấn viên (Giới) và Bà Ngô Thúy Quỳnh, Tư vấn viên (An toàn xã hội).

chi tiết với kế hoạch dự kiến trao thầu và giải ngân các khoản vay ADB và vốn đối ứng cho các hoạt động chính của Ban QLDA Trung ương.

4. Đoàn công tác đã gặp các đại diện của (i) Cơ quan chủ quản (EA); (ii) 12 cơ quan thực hiện; (iii) các đơn vị thuộc MARD (Vụ Hợp tác Quốc tế; Vụ tài chính; Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Cục Chăn nuôi), (iv) Các cơ quan Chính phủ (Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); (v) Đại diện các dự án về KSH khác (SNV, LIFSAP) và (vi) Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Danh sách những người đã gặp và tham dự cuộc họp tổng kết được trình bày trong Phụ lục 1.

5. Biên bản ghi nhớ này (MOU) của Đoàn công tác Giữa kỳ được thảo luận trong cuộc họp tổng kết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016 nhằm tổng hợp các phát hiện và các hoạt động được thông qua. Cuộc họp tổng kết được tổ chức dưới sự chủ trì của Vụ trưởng Vụ hợp tác Quốc tế Trần Kim Long. Các ý kiến được phản ánh, được thống nhất và ghi lại trong Biên bản Ghi nhớ này sẽ được trình lên cơ quan cấp cao hơn của Chính phủ và ADB để xem xét và chấp thuận.

II. RÀ SOÁT TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

A. Tiến độ chung

6. **Các hoạt động tiếp theo đã được thống nhất từ Đoàn đánh giá gần đây nhất:** Các hoạt động tiếp theo đã được thống nhất và tình hình triển khai các hoạt động này được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1: Tình hình thực hiện của các hoạt động được thống nhất từ Đoàn đánh giá trước

TT	Vấn đề	Hoạt động được thống nhất	Khung thời gian	Đơn vị chịu trách nhiệm	Tình trạng
1	Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi	(i) Cơ sở dữ liệu KSH - Đấu thầu - Hoạt động	T10/2015 T6/ 2016	CPMU	Đã thực hiện Đã thực hiện
		(ii) Nghiên cứu quy định Môi trường về chất thải chăn nuôi – đề xuất và lập TOR	T10/ 2015	CPMU	Đã thực hiện
		(iii) Tìm kiếm nguồn vốn để Bộ TNMT tham gia	T10/ 2015	ADB PO	Chưa thực hiện
		(iv) Hoàn thành Báo cáo tình trạng và đề xuất / khuyến nghị	T3/ 2016	MONRE/CPMU	Chưa thực hiện
		(v) Lập TOR cho kiểm tra thực tế	T10/ 2015	CPMU	Đang thực hiện
2	Hợp phần 2: Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học	(i) Ký hợp đồng tư vấn tín dụng	1/12/2015	CPMU	Đã thực hiện
		(ii) Báo cáo cuối cùng về nghiên cứu tín dụng	6/2016	Tư vấn	Đã thực hiện
		(iii) Báo cáo tóm tắt cho đoàn công tác giữa kỳ về các thay đổi được đưa ra đối với các quy trình và	8/2016	CPMU	Đã thực hiện

TT	Vấn đề	Hoạt động được thống nhất	Khung thời gian	Đơn vị chịu trách nhiệm	Tình trạng
		nguồn tín dụng			
3	Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp	(i) Soạn thảo chiến lược nghiên cứu	30/10/2015	CPMU	Đã thực hiện
		(ii) Rà soát các mô hình theo Chuỗi giá trị và các mẫu đề xuất	30/10/2015	CPMU/EA	Đã thực hiện
		(iii) Phương thức đấu thầu và thủ tục mua sắm áp dụng cho các mô hình	30/10/2015	ADB PO	Đã thực hiện
		(iv) Đề xuất mô hình trình diễn hoàn chỉnh cấp tỉnh đầu tiên cùng với gói thầu mua sắm được đề xuất và thảo luận với ADB về thủ tục đấu thầu mua sắm thích hợp	30/10/2015	CPMU	Đã thực hiện
		(v) Quy trình thực hiện mô hình cấp tỉnh và hướng dẫn đấu thầu	30/11/2015	CPMU	Đã thực hiện
4	Hợp phần 4: Quản lý dự án	(i) Báo cáo kiểm toán	30/12/2015	CPMU/Audit	Đã thực hiện
		(ii) Đánh giá kỹ thuật cho Gói thầu Tư vấn QLDA (ADB)	15/9/2015	ADB PO	Đã thực hiện
		(iii) Đề trình lên ADB TOR của chuyên gia tư vấn kinh tế nông nghiệp và chuyên gia lập kế hoạch kinh doanh	30/9/ 2015	CPMU	Đã thực hiện
		(iv) Phê duyệt Đề trình 1 Gói thầu điều tra cơ bản	30/8/2015	ADB	Đã thực hiện
		(v) Cập nhật, điều chỉnh Sổ tay hướng dẫn QLDA (PAM)	30/10/2015	CPMU/ADB	Đã thực hiện
		(vi) Cập nhật kế hoạch đấu thầu	30/9/ 2015	CPMU	Đã thực hiện
		(vii) Đăng tải kế hoạch đấu thầu điều chỉnh lên website	30/10/2015	ADB	Đã thực hiện

7. Đoàn công tác và Ban QLDA Trung ương ước tính tiến độ thực hiện tổng thể của Dự án tính đến 31/8/2016 đạt được 16,40% (Phụ lục 2) dựa trên tiến độ của các hợp phần dự án trong 57% thời gian của khoản vay. Phụ lục 3 thể hiện tình trạng và ghi nhận các kết quả đạt được theo các chỉ số của từng hợp phần như mô tả trong DMF. Nhìn chung, Dự án đã đạt được tiến độ tốt về mặt đáp ứng các mục tiêu ban đầu ở các mức độ tác động và kết quả. Hai trong số hai chỉ số tác động đã và đang đạt được và kỳ vọng đạt được vào năm 2024 bao gồm: (i) lượng chất thải xả vào nguồn nước giảm tối thiểu 69,4% và (ii) lượng khí CO₂ thải ra trong mỗi 1m³ hàm khí sinh học của Dự án LCASP là 0,54 tấn. Hai trong số ba chỉ số kế quả đang được thực hiện bao gồm (ii) Tối thiểu 88,4% năng lượng sản xuất bởi chuỗi giá trị khí sinh học được sử dụng và (iii) Khối lượng công việc hàng ngày của phụ nữ và trẻ em giảm 2,85 giờ.

8. **Thay đổi đối với khung DMF.** Đoàn công tác nhận thấy cần thiết phải sửa đổi khung DMF ban đầu để (i) hợp lý hóa các hoạt động theo mỗi đầu ra (chủ yếu đầu ra số 1 và 3); và (ii) sửa đổi các chỉ số và các mục tiêu của đầu ra để gắn kết tốt hơn các chỉ số với hoạt động. Không có sự thay đổi về các chỉ số của tác động và kết quả. Bảng DMF điều chỉnh tương ứng với các chỉ số đầu ra tương ứng và các hoạt động được trình bày trong Phụ lục 4.

9. **Cập nhật các chính sách liên quan của chính phủ:** Xét thấy tiềm năng to lớn trong việc giảm phát thải nhà kính bằng việc sản xuất và sử dụng hiệu quả KSH từ chất thải chăn nuôi, Bộ NNPTNT đã có Quyết định số 3119/QĐ-BNN-KHCN (ngày 16/12/2011) về việc *Phê duyệt Đề án phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp và nông thôn đến năm 2020* trong đó đưa ra mục tiêu xây dựng 500.000 công trình KSH đến năm 2020. Quyết định này đã được tái khẳng định lại và tăng cường thông qua Quyết định số 2068/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt Chiến lược phát năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, trong đó có nêu mục tiêu phát triển KSH từ chất thải chăn nuôi (từ 5% năm 2015 tới khoảng 50% năm 2030 và hầu hết chất thải chăn nuôi được xử lý vào năm 2050). Quyết định bổ sung số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 4/9/2014 về *chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 – 2020* cho phép hỗ trợ 1 lần lên tới 50% chi phí xây dựng công trình KSH với mục đích xử lý chất thải, cao nhất là 5 triệu đồng cho một hộ gia đình. Cùng với các quyết định nêu trên, chính phủ cũng nhắm tới việc xây dựng 500.000 công trình KSH vào năm 2020. Đến nay chính phủ đã hỗ trợ cho khoảng 230.000 công trình KSH chủ yếu từ các dự án ODA bao gồm dự án SNV, ADB và Ngân hàng thế giới. Gần đây nhất, trong cam kết của Chính phủ giảm thiểu khí nhà kính tại sự kiện COP21 được khẳng định trong những Dự kiến Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (INDC) cũng đề cập tới mục tiêu xây dựng thêm 500.000 công trình KSH trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030.

10. **Cập nhật hỗ trợ của các Đối tác Phát triển:** Trong số các đối tác phát triển, SNV đóng vai trò chính trong việc phát triển và hỗ trợ Chương trình KSH Quốc gia (NBP) trong 13 năm kể từ năm 2003. Dự án SNV đã hỗ trợ các hoạt động trong 41 tỉnh không trùng lặp với các tỉnh được hỗ trợ của Dự án LCASP. Giai đoạn 2 của Dự án hỗ trợ SNV kết thúc vào tháng 6/2016, giai đoạn 3 và giai đoạn cuối với tổng số vốn 8 triệu USD sẽ được dự kiến chấp thuận trong tháng 10/2016 và được triển khai tới tháng 12/2020. Trong giai đoạn 3, SNV tiếp tục hỗ trợ cho chính phủ trong việc (i) hỗ trợ tài chính nhằm tăng cường phát triển cho các đối tượng quản lý KSH (VD: các đội thợ xây/thợ lắp đặt) và hỗ trợ cho các đối tượng này trở thành các nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp với sản phẩm KSH chất lượng cao, dịch vụ uy tín với giá cả cạnh tranh phục vụ người dân có nhu cầu về KSH; (ii) trợ cấp cho các hộ gia đình thuộc diện nghèo để xây dựng công trình khí sinh học; (iii) kiểm soát chất lượng và nhập dữ liệu đăng ký tín chỉ các bon; (iv) tăng cường năng lực cho các cơ quan liên quan chủ chốt; và (v) hỗ trợ nghiên cứu phát triển (R&D) và ứng dụng công nghệ đổi mới trong lĩnh vực KSH. Như đã nêu trong điểm (ii) SNV sẽ hỗ trợ 5.000.000 VND cho mỗi hộ xây lắp công trình KSH, tuy nhiên, nguồn hỗ trợ này chỉ giới hạn đối với các huyện nghèo như quy định tại Nghị quyết 30A ngày 27/12/2008 về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững tại 61 huyện nghèo. 10.000 công trình KSH cỡ nhỏ là mục tiêu của kế hoạch hỗ trợ này. Đối với các huyện khác khi vận hành các công trình KSH, SNV hướng tới khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng các bể phân giải chất lượng cao và đào tạo cho người sử dụng. Các doanh nghiệp sẽ được nhận một khoản chi phí khi chứng minh đã xây lắp thành công một công trình KSH cỡ nhỏ và một người sử dụng cuối cùng được đào tạo. SNV đặt mục tiêu xây dựng 90.000 công trình KSH cỡ nhỏ theo cơ chế thanh toán dựa trên kết quả này. Ngân hàng Thế giới hỗ trợ cho xây dựng công trình KSH cỡ nhỏ theo Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP) tại 12 tỉnh. Trong dự án này, các hộ gia đình nhận được khoản hỗ trợ là 200 USD (khoảng 4,4 triệu đồng) cho việc xây dựng công trình KSH cỡ nhỏ. Dự án đã hỗ trợ gần 10.000 công trình KSH cỡ nhỏ trong giai đoạn 1 và đặt mục tiêu xây dựng thêm 10.000 công trình KSH cỡ nhỏ trong giai đoạn 2.

B. Tiến độ thực hiện Dự án theo Hợp phần

Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi

11. **Mục tiêu ban đầu.** Các chỉ số thực hiện chính trong hợp phần này gồm: (i) 36.000 công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 40 công trình khí sinh học quy mô vừa, và 10 công trình khí sinh học quy mô lớn và cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị đi kèm được xây dựng và vận hành tới năm 2018. Tối thiểu 5% tổng số công trình khí sinh học quy mô nhỏ sẽ được xây dựng cho dân tộc thiểu số tại 3 tỉnh được lựa chọn; (ii) 36.000 người sử dụng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 500 thợ xây, 160 kỹ thuật viên, 10 kỹ sư và 10 nhà thầu được đào tạo và đăng ký tại các hiệp hội khí sinh học tới năm 2018. Tối thiểu 50% học viên về sử dụng khí sinh học là phụ nữ; 20% học viên về xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, và 20% học viên được đào tạo về quản lý khí sinh học và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; và (iii) cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học được quản lý hiệu quả tới năm 2014, bao gồm việc đăng ký dưới tên cả vợ và chồng.

12. **Tiến độ giữa kỳ: Công trình khí sinh học quy mô nhỏ.** Tính tới ngày 31/8/2016, Dự án đã vượt mục tiêu và hỗ trợ được 38.478 công trình khí sinh học quy mô nhỏ với khoản vốn tài trợ còn lại cho khoản mục vay này vẫn còn đáng kể. Đoàn đánh giá dự tính rằng số vốn phân bổ ban đầu để hỗ trợ cho các công trình khí sinh học đủ để đạt được tổng mục tiêu 51.000 công trình khí sinh học quy mô nhỏ. Đoàn đánh giá đã tới thăm các hộ gia đình tại một số tỉnh có lắp đặt công trình khí sinh học quy mô nhỏ và nhận thấy rằng các công trình này có tác động tích cực tới môi trường sinh-vật lý, cũng như các điều kiện kinh tế-xã hội của hộ gia đình. Trong trường hợp không có công trình khí sinh học quy mô nhỏ, các hộ gia đình chăn nuôi lợn sẽ xả nước thải trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua một bể lắng) vào nguồn nước. Công trình khí sinh học quy mô nhỏ chính là một cách thu giữ khí nhà kính, làm giảm mùi hôi của chất thải, và xử lý lượng chất thải một cách hiệu quả đến mức độ cho phép có thể tưới vườn gia đình hoặc xả vào những nguồn nước nơi mà các chất dinh dưỡng được hấp thụ bởi các sinh vật thủy sinh. Ngoài ra, công trình khí sinh học quy mô nhỏ cung cấp một nguồn nhiên liệu sạch và đáp ứng đầy đủ các nhu cầu đun nấu trong hộ gia đình. Do đó, các hộ gia đình đã có thể tiết kiệm các chi phí tiện ích (trung bình khoảng 250.000 VND mỗi tháng). Nhiều hộ gia đình đã bắt đầu có các hoạt động tạo thu nhập (như nấu rượu) nhờ vào lượng khí gas dư thừa sẵn có. Việc sử dụng khí sinh học cũng làm giảm việc phụ thuộc vào củi gỗ, do đó làm giảm áp lực vào rừng tự nhiên ở khu vực xung quanh và cũng góp phần giảm mức độ ô nhiễm không khí trong nhà vốn là một nguyên nhân hàng đầu dẫn đến các bệnh đường hô hấp.

13. **Công trình khí sinh học quy mô vừa quy mô vừa và công trình khí sinh học quy mô lớn.** Tính tới ngày 31/8/2016, Dự án đã hỗ trợ xây dựng 4 công trình khí sinh học quy mô vừa² tại tỉnh Phú Thọ và 3 công trình khí sinh học quy mô vừa tại tỉnh Hà Tĩnh. Trong chuyến công tác của Đoàn đánh giá, Tỉnh Hà Tĩnh báo cáo đã hỗ trợ thêm 2 công trình khí sinh học quy mô vừa và Tỉnh Nam Định báo cáo đã hỗ trợ 2 công trình khí sinh học quy mô lớn³. Một số tỉnh khác báo cáo đã nhận yêu cầu hỗ trợ xây dựng công trình khí sinh học quy mô vừa nhưng chưa có phản hồi còn thiếu hướng dẫn kỹ thuật hoặc thợ xây được cấp chứng chỉ xây dựng công trình khí sinh học quy mô vừa. Khó khăn chính trong việc thực hiện mục tiêu này chính là số tiền hỗ trợ cho nông dân để đầu tư cho một công trình khí sinh học quy mô vừa hoặc lớn còn hạn chế. Khoản hỗ trợ tài chính cho Phát triển Thị trường Các bon (ICMD) của Dự án (10 triệu VND cho một công trình khí sinh học quy mô vừa và 20 triệu VND cho một công trình khí sinh học quy mô lớn) chỉ góp một tỉ lệ nhỏ so với tổng số vốn đầu tư được dự toán là khoảng 50 - 100 triệu VND cho một công trình khí sinh học quy mô vừa và trên 100 triệu VND cho một công trình khí sinh học quy mô lớn. Hầu hết các nông dân đã đầu tư vào công trình khí sinh học

² MBP có thể tích 51 – 499 m³.

³ LBP có thể tích tối thiểu 500 m³.

quy mô vừa hoặc lớn đều đơn giản là nhằm tuân thủ các quy định về môi trường. Phần lớn các nhà đầu tư vào công trình khí sinh học quy mô vừa hoặc lớn chỉ sử dụng khí gas để đun nấu. Một số ít đầu tư vào máy phát điện nhằm chuyển đổi khí sinh học thành điện năng nhưng nhiều người trong số họ đã gặp phải vấn đề máy móc bị hỏng hóc do hàm lượng lưu huỳnh cao trong khí sinh học làm ăn mòn động cơ máy phát điện. Trong trường hợp không chuyển đổi khí sinh học thành điện năng, công trình khí sinh học quy mô vừa và lớn sản sinh ra một lượng khí sinh học vượt quá nhu cầu về nhiên liệu đun nấu hằng ngày của một trang trại. Do công trình khí sinh học quy mô vừa và lớn không đem lại kết quả hữu hình đáng kể trong đầu tư, người nông dân thường không sẵn sàng đầu tư bất chấp lời đề nghị hỗ trợ tài chính ICMD của Dự án.

14. Hơn nữa, nếu lượng khí sinh học dư thừa từ công trình khí sinh học quy mô vừa hoặc lớn bị giải phóng vào khí quyển, thì hiệu quả của công trình trong việc giảm phát thải khí nhà kính còn không đáng kể. Điều này có thể được giải quyết bằng việc đốt lượng khí gas dư thừa, tuy nhiên người dân thường miễn cưỡng đốt lượng khí sinh học dư thừa do e ngại một số tai nạn cháy nổ có thể xảy ra. Đoàn đánh giá đã tới thăm hai trang trại đã lắp đặt công trình khí sinh học quy mô vừa không có hỗ trợ từ Dự án. Trong cả hai trường hợp, công trình khí sinh học đều không còn hoạt động và chỉ được sử dụng đơn giản như một ao lưu trữ bùn thải. Một số công trình bị hỏng do sử dụng vật liệu HDPE kém chất lượng. Nhìn chung, rõ ràng là người dân còn thiếu các kiến thức kỹ thuật về vận hành và bảo dưỡng các công trình và không có động lực để sửa chữa các vấn đề hỏng hóc xảy ra.

Bảng 2: Hiện trạng xây lắp công trình khí sinh học theo tỉnh (tính đến 31/8/2016)

TT	Tỉnh	Công trình khí sinh học được xây dựng							Nguồn vốn ICMD đã hỗ trợ
		Nhỏ	Vừa	Lớn	Tổng	Tỷ lệ	Dân tộc thiểu số	Tỷ lệ	
1	Lào Cai	1.825	0		1.825	4,7%			1.281
2	Sơn La	1.571			1.571	4,1%	577	1,50%	1.128
3	Phú Thọ	6.685	4		6.689	17,4%			4.452
4	Bắc Giang	6.274			6.274	16,3%	327	0,85%	4.900
5	Nam Định	3.465			3.465	9,0%			3.017
6	Hà Tĩnh	3.893	3		3.896	10,1%			3.460
7	Bình Định	6.316			6.316	16,4%			5.003
8	Tiền Giang	2.304	0		2.304	6,0%			1.966
9	Bến Tre	3.978			3.978	10,3%			2.441
10	Sóc Trăng	2.167	0		2.167	5,6%	805	2,09%	1.839
	Tổng	38.478	7	0	38.485	100%	1.709	4,44%	29.487

15. **Tập huấn về biogas:** Dự án đã đào tạo được 39.905 người sử dụng cho công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 321 thợ xây, 330 kỹ thuật viên, 28 kỹ sư và 10 nhà thầu. Dự án cũng đã phát hành (i) sổ tay hướng dẫn xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học quy mô nhỏ; (ii) sổ tay hướng dẫn vận hành công trình khí sinh học quy mô nhỏ; (iii) sổ tay hướng dẫn vận hành công trình KSH loại HDPE quy mô vừa và lớn. Tổng Dự án đã thực hiện được khoảng 1.500 lớp đào tạo. Ban QLDA các tỉnh đã giới thiệu các hộ gia đình có thể được hỗ trợ ICMD về việc sử dụng đội thợ xây đã được đào tạo và cấp chứng chỉ về xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ. Các hộ gia đình phải sử dụng đội thợ xây đã được cấp chứng chỉ như một điều kiện để nhận hỗ trợ ICMD. Đoàn đánh giá đã gặp gỡ một thợ xây được cấp chứng chỉ báo cáo về nhu cầu của

người dân đối với dịch vụ về công trình khí sinh học quy mô nhỏ của họ rất cao, và họ có thể xây dựng khoảng 70 – 100 công trình khí sinh học quy mô nhỏ mỗi năm. Tuy nhiên thợ xây được đào tạo xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ không được Ban QLDA các tỉnh giới thiệu để xây dựng công trình khí sinh học quy mô vừa. Do đó, theo Đoạn 13 ở trên, hiện vẫn còn thiếu thợ xây được cấp chứng chỉ trong việc xây dựng công trình khí sinh học quy mô vừa, đây chính là một trở ngại trong việc thúc đẩy hoạt động này của Dự án. Đoàn đánh giá kết luận rằng cần phải đào tạo thêm thợ xây và kỹ thuật viên nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về công trình khí sinh học. Kỹ thuật viên cũng nên được đào tạo nhằm tư vấn cho người dân về cách sử dụng và xả phế phụ phẩm sau khí sinh học một cách hợp lý. Đối với vấn đề này, Đoàn đánh giá khuyến nghị rằng Ban QLDA Trung ương nên phối hợp với Chương trình khí sinh học quốc gia (NBP) nhằm phát triển chương trình đào tạo này. Cần đào tạo cụ thể một nhóm nhỏ các kỹ thuật viên và thợ xây cho mỗi tỉnh về việc hỗ trợ công trình khí sinh học quy mô vừa.

Bảng 3: Đào tạo người sử dụng, thợ xây, kỹ thuật viên, kỹ sư và nhà thầu (tính đến 31/8/2016)

TT	Tỉnh	Đào tạo người sử dụng, thợ xây, kỹ thuật viên, kỹ sư và nhà thầu (Hợp phần 1)								
		Người sử dụng	Người sử dụng là nữ	Thợ xây	Thợ xây là nữ	Kỹ thuật viên	Phụ nữ tham gia quản lý và các vấn đề kỹ thuật	Kỹ sư	Kỹ sư là nữ	Nhà thầu
0	CPMU							28	4	10
1	Lào Cai	1,835	411	43	3	33	6			
2	Sơn La	1,212	308	27	0	13	2			
3	Phú Thọ	7,228	2,828	51	6	46	13			
4	Bắc Giang	5,720	1,247	17	1	15	3			
5	Nam Định	2,897	1,060	0	0	11	4			
6	Hà Tĩnh	5,187	2,300	93	2	56	14			
7	Bình Định	6,143	2,768	23	0	47	7			
8	Tiền Giang	2,226	966	21	0	15	2			
9	Bến Tre	5,074	1,499	26	5	23	2			
10	Sóc Trăng	2,383	570	20	0	71	1			
	Tổng	39,905	13,957	321	17	330	54	28	4	10

16. **Cơ sở dữ liệu Khí sinh học Quốc gia** Đoàn đánh giá ghi nhận rằng các công trình khí sinh học được hỗ trợ bởi Dự án được lưu chép trên một cơ sở dữ liệu riêng cho dù Đoàn đánh giá trước đó có kiến nghị lồng ghép cơ sở dữ liệu này với cơ sở dữ liệu đang được duy trì bởi NBP. Tuy nhiên Dự án đã bắt đầu kế hoạch này bằng việc cung cấp gói thầu phần mềm cho NBP – hiện thuộc quản lý của Cục Chăn nuôi - nhằm tạo điều kiện tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn về công trình khí sinh học vào một hệ thống cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học quốc gia. Trong thời gian còn lại, Dự án sẽ hỗ trợ NBP đảm bảo quản lý hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu đó bằng việc tăng cường năng lực nhằm cung cấp hệ thống tương tác chung giữa hai nguồn cơ sở dữ liệu. Tới năm 2017, tất cả các dữ liệu từ Dự án LCASP và các chương trình khí sinh học khác của Bộ NN&PTNT sẽ được báo cáo thông qua Cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học quốc gia. Đến cuối Dự án, các tỉnh dự kiến sẽ có đủ năng lực để cập nhật cơ sở dữ liệu theo đúng thực tế.

17. **Giám sát môi trường.** Dự án sẽ cung cấp cho mỗi tỉnh một gói trang thiết bị nhằm thực hiện giám sát môi trường các công trình khí sinh học. Trang thiết bị bao gồm các thiết bị di động và cố định để kiểm tra chất lượng nước và không khí. Hoạt động này sẽ giải quyết các yêu cầu về tuân thủ Thông tư số 4/2016 ban hành tháng 6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về *Hướng dẫn thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN-62*. Hoạt động đào tạo sẽ nhắm tới các cán bộ liên quan thuộc chi cục chăn nuôi và thú y cấp tỉnh cũng như các cơ quan cấp tỉnh và trung ương có liên quan, và sẽ tập trung vào các kỹ thuật kiểm tra chất lượng môi trường. Sau khi mua sắm trang thiết bị và đào tạo đội ngũ cán bộ (dự kiến trước Quý IV/2017), Ban QLDA các tỉnh sẽ phối hợp với chi cục chăn nuôi và thú y cấp tỉnh nhằm kết hợp hoạt động giám sát môi trường như một phần của việc kiểm tra ngẫu nhiên được thực hiện thường xuyên.

18. **Tín chỉ carbon:** Dự án có một hoạt động về bảo đảm tín chỉ CER cho các công trình khí sinh học hỗ trợ bởi Dự án. Do biến động của thị trường thị trường carbon và nỗ lực bán tín chỉ CER từ Dự án Tăng cường Chất lượng và An toàn trong Sản xuất Nông nghiệp (QSEAP) được tài trợ bởi ADB không thành công, tới nay chưa có thêm hoạt động nào thực hiện trong vấn đề này.

19. **Đề xuất thay đổi đối với công trình khí sinh học quy mô nhỏ.** Theo các điểm được nêu từ Đoạn 9 đến Đoạn 12 trên, Đoàn đánh giá đồng ý với đề xuất của chính phủ về việc tăng mục tiêu số công trình khí sinh học quy mô nhỏ được Dự án hỗ trợ thêm 14.000 công trình (từ 51.000 lên 65.000) với một khoản hỗ trợ ICMD tăng tương ứng từ 3 triệu VND lên 5 triệu VND theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Để phù hợp với chính sách của NBP, khoản hỗ trợ ICMD sẽ được giới hạn trong các hộ gia đình đáp ứng ít nhất một trong những tiêu chí sau: (i) xếp loại hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo Quyết định Số 59/2015/QĐ-TTg (ngày 19/11/2015) ban hành về các mức độ hộ nghèo được áp dụng trong giai đoạn 2016-2020; (ii) đăng ký người giữ vai trò trụ cột trong gia đình là nữ giới; và (iii) thuộc các nhóm dân tộc thiểu số. Đoàn đánh giá nhấn mạnh rằng nguồn vốn hỗ trợ được phân bổ lại cho khoản ICMD là 5 triệu VND chỉ có thể được áp dụng cho các nhóm hưởng lợi mục tiêu này (VD: Không thể áp dụng tăng ICMD cho các đối tượng hưởng lợi thuộc mục tiêu 51.000 công trình ban đầu).

20. **Công trình khí sinh học quy mô vừa.** Theo các điểm được nêu tại Đoạn 13-14 như trên, Đoàn đánh giá và chính phủ đã nhất trí cung cấp hỗ trợ toàn diện cho công trình KSH quy mô vừa. Các bên thống nhất tăng mức ICMD cho công trình khí sinh học quy mô vừa từ 10 triệu VND lên 50 triệu VND có hiệu lực từ sau Đoàn đánh giá. Tuy nhiên để tuân thủ khoản tài trợ ICMD, đối tượng hưởng lợi phải cam kết sử dụng tất cả các khí gas sinh ra từ công trình. Điều này có thể thực hiện bằng cách: (i) hạn chế tối thiểu lượng chất thải đưa vào một công trình khí sinh học như tách các chất thải rắn hoặc áp dụng các biện pháp chăn nuôi tiết kiệm (VD: sử dụng vòi phun sương làm mát cho lợn) và/hoặc (ii) sử dụng khí sinh học cho các mục đích khác ngoài đun nấu (VD: sưởi ấm, thắp sáng,...) hoặc phát điện nhằm đáp ứng các nhu cầu của trang trại (để làm mát,...). Dự án cũng cần cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các công trình khí sinh học quy mô vừa (VD: kỹ thuật viên và thợ xây được cấp chứng chỉ) trong suốt quá trình thiết kế, xây dựng và đặc biệt trong giai đoạn vận hành công trình. Công trình khí sinh học quy mô vừa hỗ trợ bởi Dự án nên được liên kết chặt chẽ với hoạt động của các trình diễn và ứng dụng nghiên cứu thuộc Hợp phần 3.

21. **Công trình khí sinh học quy mô lớn.** Do tính chất phức tạp trong việc hỗ trợ cho các công trình khí sinh học quy mô lớn, Đoàn đánh giá và chính phủ đã nhất trí rằng Dự án không hỗ trợ công trình khí sinh học quy mô lớn ngay sau Đoàn đánh giá. Tại tỉnh Nam Định, PPMU đã cam kết hỗ trợ hai công trình khí sinh học quy mô lớn, PPMU sẽ tiếp tục cung cấp hỗ trợ kỹ thuật nhằm đảm bảo vận hành công trình khí sinh học quy mô lớn đúng quy trình.

22. **Đào tạo.** Đoàn đánh giá và chính phủ đã nhất trí rằng các thông tin và nhận biết chung về lợi ích của khí sinh học nên được phổ biến rộng rãi hết mức có thể và không bị hạn chế tới các đối tượng hưởng lợi có mong muốn được hỗ trợ ICMD. Hoạt động đào tạo kỹ thuật về thiết kế, xây dựng và vận hành công trình khí sinh học sẽ bị hạn chế trong giới hạn đội thợ xây và kỹ thuật viên hỗ trợ cho công trình khí sinh học quy mô nhỏ và vừa. Những kỹ thuật viên này cũng cần được đào tạo để tư vấn cho nông dân về sử dụng và thải bỏ chất thải sau khí sinh học phù hợp (phối hợp với NBP). Hoạt động đào tạo về thiết kế, xây dựng và vận hành công trình khí sinh học quy mô lớn sẽ được dừng lại.

23. **Hỗ trợ thị trường carbon.** Đoàn đánh giá và chính phủ đã nhất trí rằng những nỗ lực nhằm bán Tín chỉ CER được tích lũy thông qua phát triển sinh học nên được tập trung xử lý bởi chính phủ thay vì thông qua các hoạt động dự án. Do NBP đã đi đầu trong lĩnh vực này, Dự án LCASP sẽ không hỗ trợ cho một sáng kiến riêng biệt nào và thay vào đó sẽ hỗ trợ cho NBP để có thể đưa các công trình KSH xây mới của Dự án LCASP vào hồ sơ đăng ký tín chỉ các bon của NBP. Do vậy Đoàn đánh giá và chính phủ đã thống nhất bỏ hoạt động 3.1 Xây dựng và đăng ký chương trình hoạt động (POA) đối với công trình KSH quy mô nhỏ, vừa và lớn, trong trường hợp đáp ứng được các yêu cầu của thị trường các bon”.

24. **Những hoạt động được gộp lại trong DMF.** Nhằm có được mối liên hệ thích hợp hơn giữa các chỉ số đầu ra và các chỉ số hoạt động tương ứng, Đoàn đánh giá và chính phủ đồng ý sáp nhập các hoạt động sau:

- (i) Hoạt động 1.4 "Tăng cường năng lực cho các cơ quan có liên quan nhằm giám sát các công trình khí sinh học đã xây dựng vào năm 2018" và Hoạt động 1.7 "Giám sát vận hành các công trình khí sinh học với các hạng mục môi trường đảm bảo sử dụng hiệu quả các công trình KSH với cơ sở môi trường đầy đủ vào năm 2018" sẽ được sáp nhập vào Hoạt động 1.2 trong DMF sửa đổi " Tăng cường năng lực cho các cơ quan có liên quan nhằm chuyển giao và giám sát các công trình khí sinh học đã xây dựng đến tháng 6/2019".
- (ii) Hoạt động 1.1 "Xây dựng các mô đun đào tạo, tập huấn về ứng dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp và tổ chức đào tạo cho những người giám sát, vận hành chuỗi giá trị khí sinh học và các bên liên quan khác để áp dụng và phổ biến trong các tỉnh dự án vào năm 2018" và Hoạt động 1.8 "Đào tạo và cấp chứng nhận kỹ thuật viên, nhà thầu, thợ xây qua các cơ quan có liên quan để xây dựng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học và cho phép các định chế tài chính tham dự các buổi đào tạo như vậy vào năm 2018" sẽ được sáp nhập vào hoạt động 1.4 trong DMF sửa đổi "Nâng cao năng lực về thiết kế, xây dựng, và giám sát các công trình KSH đến tháng 6/2019".
- (iii) Hoạt động 1.5 "Giám sát lượng giảm phát thải khí CO2 hàng năm và thu nhập từ chứng nhận giảm phát thải các bon vào năm 2018" và Hoạt động 1.6 "Tăng cường năng lực cho các cán bộ chính phủ và các cơ quan có liên quan để tiếp tục quản lý phát triển khí sinh học vào năm 2018" sẽ được sáp nhập vào Hoạt động 1.5 trong DMF sửa đổi "Tăng cường năng lực và cung cấp trang thiết bị cho các đơn vị liên quan để quản lý cơ sở dữ liệu KSH quốc gia đến 2017".

Hợp phần 2: Dòng tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học

25. **Mục tiêu ban đầu.** Các chỉ số hoạt động chính của hợp phần này là: (i) 50% dòng tín dụng sẽ dành cho các tài khoản và/hoặc tài khoản đứng tên phụ nữ tới năm 2018; (ii) Các sản phẩm tài chính tài trợ cho cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học được thông qua hai định chế

tài chính tới năm 2018 và (iii) khoản hỗ trợ ICMD sẽ được chuyển đầy đủ tới tài khoản của 36.050 đối tượng hưởng lợi tới năm 2017.

26. **Tiền độ giữa kỳ.** Cả hai định chế tài chính (FIs), Ngân hàng NN&PTNT (VBARD) và Ngân hàng Hợp tác xã (Coopbank), đã gặp khó khăn trong việc cung cấp các khoản vay cho các trang trại chăn nuôi. Trong 32,583 triệu USD được cung cấp, các ngân hàng mới chỉ giải ngân được 0,391 triệu USD (8.599 triệu VND) tính tới ngày 31/8/2016 theo Bảng 4 dưới đây. Tiền độ giải ngân bị chậm trễ do một số lý do sẽ được giải thích trong các đoạn tiếp theo.

Bảng 4: Tiền độ của dòng tín dụng (tính đến 31/8/2016)

TT	Tỉnh	Dòng tín dụng _ Số lượng khoản vay						
		Số khoản vay_VBARD	Số khoản vay đứng tên phụ nữ	Số khoản vay_Coopbank	Số khoản vay đứng tên phụ nữ	Tổng Số khoản vay	Tổng số khoản vay đứng tên phụ nữ	Tỷ lệ
1	Lào Cai	159	122			159	122	76,73%
2	Sơn La					0	0	
3	Phú Thọ					0	0	
4	Bắc Giang	39	7	39	7	78	14	17,95%
5	Nam Định					0	0	
6	Hà Tĩnh					0	0	
7	Bình Định			40	12	40	12	30,00%
8	Tiền Giang					0	0	
9	Bến Tre					0	0	
10	Sóc Trăng					0	0	
	Tổng	198	129	79	19	277	148	53,43%

27. **Nhu cầu hạn chế về tín dụng cho người sử dụng công trình KSH quy mô vừa và lớn.** Các trang trại quy mô công nghiệp được khuyến khích xây dựng công trình khí sinh học. Tuy nhiên, do khả năng tiếp cận kỹ thuật còn hạn chế, các trang trại không thể sử dụng lượng khí sinh học một cách hiệu quả. Hầu hết khí sinh học được xả vào khí quyển. Trong trường hợp này, có rất ít cơ chế hỗ trợ cho người nông dân đầu tư công trình khí sinh học quy mô vừa hoặc lớn ngoài việc đáp ứng các quy định về môi trường. Hy vọng được đặt ra cho Hợp phần 3 của Dự án sẽ chứng minh được các tiện ích của khí sinh học và thúc đẩy các nhu cầu về công trình khí sinh học và tín chỉ khí sinh học.

28. **Mức độ tiếp cận nguồn tín dụng của các trang trại quy mô nhỏ còn hạn chế.** Đoàn đánh giá đã nhận thấy một lượng nhu cầu tín dụng cao đối với các công trình khí sinh học quy mô nhỏ từ các trang trại quy mô nhỏ. Đánh giá nhu cầu tín dụng do Ban QLDA Trung ương thực hiện chỉ ra rằng nhu cầu tín dụng của các tỉnh từ 50-85% các hộ được khảo sát từ các

tình. Cho dù người dân đánh giá cao các lợi ích của khí sinh học nhưng chưa quan tâm nhiều đến các khoản vay do các lý do sau:

- (i) **Yêu cầu tài sản đảm bảo:** Số vốn đầu tư thông thường của một công trình khí sinh học quy mô nhỏ chỉ khoảng 13 triệu VND. Trong khi các khoản vay dưới 50 triệu VND không yêu cầu tài sản thế chấp, Ngân hàng NN&PTNT và Ngân hàng Hợp tác vẫn thường áp dụng hình thức này như một biện pháp an toàn tăng cường. Những hộ nông dân nhỏ lẻ không sẵn sàng thế chấp giấy chứng nhận sở hữu đất (sổ đỏ) cho các khoản vay nhỏ.
- (ii) **Yêu cầu trước khi cho vay:** Một số chi nhánh của Ngân hàng NN&PTNT (VD: Lào Cai, Phú Thọ, Bắc Giang) yêu cầu người nông dân phải xây dựng trước (VD: tìm nguồn tài chính cần thiết) công trình khí sinh học, sau đó mới tìm kiếm khoản tiền bồi hoàn sau khi công trình được kiểm tra và chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật. Yêu cầu này đã làm ảnh hưởng tới việc triển khai dòng tín dụng tới chương trình cho vay lại – và đặc biệt, một điểm kém hấp dẫn của dòng tín dụng này đó là lãi suất cho vay chỉ thấp hơn 10% so với lãi suất hiện hành trên thị trường.
- (iii) **Mức độ tiếp cận dịch vụ ngân hàng:** Các chi nhánh của Ngân hàng NN&PTNT và Ngân hàng Hợp tác xã chỉ có đến cấp huyện. Do thiếu các điểm giao dịch tại cấp xã đã làm tăng chi phí giao dịch của người dân, đặc biệt trong việc trả nợ thường xuyên.
- (iv) **Phạm vi cho vay khí sinh học bị giới hạn:** Người dân thích đa dạng hoá mục đích cho vay nhằm cho phép họ sử dụng khoản vay cho các mục đích khác ngoài việc xây dựng công trình khí sinh học, như mua sắm và đầu tư chăn nuôi.

29. **Tính thụ động của các định chế tài chính.** Cả hai ngân hàng đều không tích cực trong việc thúc đẩy dòng tín dụng khí sinh học đến các đối tượng khách hàng tiềm năng. Một cuộc khảo sát được thực hiện bởi chuyên gia tư vấn về tín dụng đã chỉ ra rằng chỉ có rất ít người được phỏng vấn đã từng nghe về nguồn tín dụng khí sinh học từ các định chế tài chính này. Tại một số chi nhánh huyện, thậm chí chính các cán bộ ngân hàng cũng chưa được biết về dòng tín dụng này. Các ngân hàng đã hạn chế lợi ích của hoạt động cho vay này do quy mô khoản vay nhỏ trong khi chi phí giao dịch để giải ngân khoản vay cao. Ngân hàng NN&PTNT và Ngân hàng Hợp tác xã đã không thể đưa ra bất kỳ phương án giải quyết nào để cải thiện tình hình giải ngân của dòng tín dụng này.

30. **Đề xuất bổ sung một định chế tài chính mới:** Đoàn đánh giá đã xem xét đề xuất của CMPU về việc đưa Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP) tham gia làm một định chế tài chính (FI) bổ sung. Một số tiêu chí được xem xét bao gồm:

- (i) Điều kiện tổng thể của Ngân hàng Chính sách Xã hội phù hợp với mục tiêu của Dự án;
- (ii) Hoạt động tài chính của Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- (iii) Khả năng thu hồi nợ và nền tảng khách hàng của các chương trình hiện tại (như chỉ số hoạt động); và
- (iv) Khả năng chi trả và khả năng hấp dẫn của chương trình cho vay khí sinh học đề xuất.

31. Ngân hàng Chính sách Xã hội thoả mãn tất cả các yêu cầu trong các tiêu chí nói trên. Ngân hàng Chính sách Xã hội đặc biệt phù hợp với các khoản giao dịch cho vay nhỏ do có một mạng lưới tiếp cận cộng đồng rộng lớn. Mô hình kinh doanh của ngân hàng dựa trên các tổ

chức đoàn thể tại địa phương như hội phụ nữ và hội nông dân nhằm tạo thuận lợi cho việc đăng ký vay vốn, sàng lọc đối tượng vay vốn và thu hồi nợ.⁴ Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách Xã hội còn cử các điểm giao dịch di động tới 11.000 xã vào những ngày cố định trong tháng nhằm cung cấp các dịch vụ ngân hàng tại trụ sở UBND xã.⁵ Tại đây, tất cả các chương trình cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội và lãi suất cho vay hội đều được công khai để người dân được biết. Trong khi đó, cả hai định chế tài chính hiện tại đều chỉ có mức độ thâm nhập sâu nhất là cấp huyện. Ngân hàng Chính sách Xã hội là một giải pháp phù hợp cho Hợp phần 2 do các đặc thù về giao dịch các khoản vay nhỏ và mạng lưới. Đánh giá chi tiết về việc đưa Ngân hàng Chính sách Xã hội tham gia làm một định chế tài chính được thể hiện Phụ lục 5.

32. Kết luận, Ngân hàng Chính sách Xã hội là một đơn vị phù hợp để thực hiện Hợp phần 2: (i) Ngân hàng Chính sách Xã hội có một nền tảng khách hàng rộng lớn về các trang trại nhỏ và các hộ gia đình, đây cũng là đối tượng hưởng lợi mục tiêu của chương trình cho vay nhằm tối đa hoá việc giảm phát thải khí nhà kính; (ii) các chương trình hiện có của ngân hàng đã chứng minh kinh nghiệm và năng lực thực hiện chương trình khí sinh học, trong đó các khoản vay tương đối nhỏ cho những đối tượng của chương trình cho vay; (iii) các điều khoản cho vay dự kiến sẽ hợp lý và hấp dẫn đối với các trang trại nhỏ. Vấn đề về việc Ngân hàng Chính sách Xã hội phụ thuộc vào trợ cấp của chính phủ không phải là một trở ngại để trở thành một định chế tài chính.

33. Đoàn đánh giá đã gặp gỡ với đại diện Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước để đánh giá khả năng bổ sung Ngân hàng Chính sách Xã hội tham gia dự án. Về nguyên tắc, đại diện của cả Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước không có phản đối sự bổ sung của một định chế tài chính để cải thiện việc thực hiện Hợp phần 2. Tuy nhiên, đánh giá đủ điều kiện và tính hợp lệ của Ngân hàng Chính sách Xã hội cần được Ngân hàng Nhà nước thực hiện và có ý kiến của Bộ Tài chính. Tùy thuộc vào kết quả đánh giá, có thể bổ sung Ngân hàng Chính sách Xã hội như một định chế tài chính của Dự án, gồm các công việc ký kết Hiệp định Dự án giữa ADB và Ngân hàng Chính sách Xã hội và Hiệp định cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Chính sách Xã hội

34. **Đề xuất thay đổi.** Đoàn đánh giá và chính phủ đã nhất trí các hành động sau:

- (i) Chỉnh sửa Hợp phần 2 "Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học thành Hợp phần 2 "Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học và đầu tư quản lý chất thải nông nghiệp thân thiện với môi trường" trong bản DMF sửa đổi.
- (ii) Chuyển kết quả đầu ra 2.3 " Quỹ khuyến khích tài chính của ICMD được chuyển hoàn toàn vào 36.050 tài khoản của người thụ hưởng vào năm 2017" sang Hợp phần 1 trong DMF sửa đổi bởi vì chỉ số đầu ra này liên quan đến việc khuyến khích phát triển thị trường carbon, không phải dòng tín dụng. Hoạt động 2.2 "Giám sát giải ngân vốn phát triển thị trường carbon thông qua trung gian tài chính năm 2018" sẽ được chuyển đến phần 1 trong DMF sửa đổi và được sửa đổi thành Hoạt động 1.3 "Giám sát giải ngân các khoản trợ cấp cho người thụ hưởng như là một khuyến khích tài chính để triển khai các tiểu dự án đến tháng 6/2019".
- (iii) Áp dụng giải ngân theo Đơn rút vốn dựa trên thanh lý hợp đồng (chứ không phải bồi hoàn) đối với hai định chế tài chính hiện tại nhằm đảm bảo các định chế tài chính này có thể sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có trong tài khoản tạm ứng của họ.

⁴ Để chi trả cho các dịch vụ này, các tổ chức đoàn thể nhận chi phí hoa hồng khoảng từ 0.36% đến 0.60% mỗi năm cho các khoản vay. Chi phí hoa hồng chiếm khoảng 20% tổng thu nhập từ lãi suất cho vay của VBSP.

⁵ Mỗi một chi nhánh trong số 600 huyện được trang bị 2 điểm giao dịch, tương đương 1.200 điểm.

- (iv) Bổ sung Ngân hàng Chính sách Xã hội là một định chế tài chính tham gia Dự án. Nguồn vốn ADB phải được giải ngân cho việc xây dựng công trình khí sinh học cũng như đầu tư các công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp phù hợp⁶. Ngân hàng Chính sách Xã hội phải đối ứng 15% vào mỗi khoản vay theo Hiệp định vay. Tuy nhiên Ngân hàng Chính sách Xã hội có thể bổ sung các gói cho vay tới các hộ gia đình nhằm hỗ trợ tài chính cho các mục đích như xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc mở rộng quy mô chăn nuôi. Mục đích này nhằm làm tăng mức độ hấp dẫn của chương trình khí sinh học tới các hộ gia đình có nhu cầu vay vốn với nhiều mục đích khác nhau. Cũng như đẩy nhanh tiến độ giải ngân của nguồn vốn ADB.
- (v) Chuẩn bị một lịch trình thực hiện khoản vay phụ thực tế đối với các định chế tài chính (dự kiến trong Quý II và III năm 2017) tới tháng 3/2017. Nếu xét thấy các định chế tài chính thực hiện không đạt mục tiêu, một phần của Hợp phần 2 có thể sẽ bị xem xét cắt bỏ tại Đoàn làm sạch Mùa xuân của ADB và Bộ KH&ĐT.

Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp

35. **Mục tiêu ban đầu.** Các chỉ số thực hiện chính của hợp phần này bao gồm: (i) Các gói sản xuất nông nghiệp các bon thấp được phổ biến rộng rãi tại 10 tỉnh dự án trong năm 2016; (ii) Một chiến dịch nghiên cứu và chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp dài hạn dựa vào cộng đồng được soạn thảo chi tiết trong năm 2014, bao gồm truyền thông, quảng bá và các kế hoạch lồng ghép; và (iii) Các lỗ hổng kiến thức nghiêm trọng về sản xuất nông nghiệp các bon thấp được xác định, ít nhất 21 gói thầu về nghiên cứu, tuyên truyền và lồng ghép được tiến hành theo danh sách ưu tiên tới năm 2018. 30% các đề tài nghiên cứu sẽ bao gồm các vấn đề về giới tới năm 2016.

36. **Tiến độ giữa kỳ. Nghiên cứu ứng dụng dựa trên trang trại:** Dự án chủ trương hỗ trợ các nghiên cứu về quản lý chất thải của sản xuất nông nghiệp các bon thấp, với mục tiêu xác định rõ các giải pháp thiết thực cho các vấn đề liên quan đến chất thải nông nghiệp mà các tỉnh dự án đang phải đối mặt. Hoạt động này bị chậm tiến độ do thiếu hướng dẫn cụ thể về các thủ tục đấu thầu và việc sắp xếp thực hiện trong các văn kiện của Dự án (RRP và PAM). Sự chậm trễ trong việc thuê tư vấn LIC cũng kéo theo sự chậm trễ của hoạt động này. Do thiếu hướng dẫn cụ thể, Ban QLDA Trung ương đã tham vấn ý kiến của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường nhằm xây dựng một chiến lược nghiên cứu bao gồm 77 đề tài nghiên cứu với các hoạt động được tiến hành bởi các viện nghiên cứu trực thuộc Bộ NN&PTNT. Tuy nhiên ADB đã chỉ ra rằng các Ban QDA tỉnh đã không chủ động tham gia vào việc tìm kiếm các đề tài nghiên cứu. Kết quả là những địa bàn nghiên cứu không hoàn toàn phù hợp với các vấn đề quản lý chất thải nông nghiệp của các tỉnh dự án. ADB cũng lưu ý rằng, các viện nghiên cứu trực thuộc cơ quan chủ quản (Bộ NN&PTNT) sẽ không được phép tham gia các gói thầu của Dự án. Ban QLDA Trung ương, với sự hỗ trợ của tư vấn LIC, sau đó sẽ tiến hành đánh giá nhu cầu từ dưới lên để xác định nhu cầu nghiên cứu của các tỉnh và xây dựng sáu gói thầu nghiên cứu sẽ được đấu thầu theo phương thức QCBS (xem bảng 5 dưới đây). Gói thầu đầu tiên đã được đăng báo ngay trước đợt Đánh giá giữa kỳ. Đoàn đánh giá giữa kỳ và Ban QLDA Trung ương đã xem xét lại Điều khoản tham chiếu của các gói thầu còn lại trong thời gian Đánh giá giữa kỳ. Những gói thầu này sẽ được đăng báo ngay sau kỳ Đánh giá giữa kỳ sau khi ADB xem xét các Điều khoản tham chiếu. Ban QLDA Trung ương dự kiến trao thầu các gói thầu vào tháng 7 năm 2017.

Bảng 5: Danh sách các đề tài nghiên cứu (tính đến ngày 31/8/2016)

⁶ Bao gồm: máy tách phân, máy phát điện, các biện pháp tiết kiệm nước (như vòi tưới nước tiết kiệm), máy trộn, máy sấy hoặc bể ủ phân để sản xuất phân bón hữu cơ,...

Số gói thầu	Tên gói thầu	Giá dự toán (USD)
25	Nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi và phế phụ phẩm sau khí sinh học theo chuỗi giá trị	1.200.000
26	Nghiên cứu cải tiến công nghệ khí sinh học và việc sử dụng hiệu quả khí sinh học theo chuỗi giá trị	1.000.000
27	Nghiên cứu công nghệ chăn nuôi lợn tiết kiệm nước	600.000
28	Nghiên cứu việc sử dụng hiệu quả chất thải trồng trọt theo chuỗi giá trị	1.000.000
29	Nghiên cứu xử lý bùn thải trong nuôi tôm	800.000
30	Nghiên cứu các kỹ thuật canh tác giảm phát thải khí nhà kính	1.018.000

37. **Mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp các bon thấp.** Một hoạt động khác trong hợp phần này là các mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp các bon thấp. Mục tiêu của các mô hình là trình diễn các hoạt động quản lý chất thải chăn nuôi có tiềm năng nhân rộng trong vùng dự án. Ban QLDA Trung ương sau khi thảo luận với Ban QLDA các tỉnh đã xác định được bảy gói mô hình trình diễn như trong bảng 6 dưới đây. Đồng thời cũng thiết lập một cơ chế làm việc khách quan và minh bạch nhằm: (i) thông báo cho các bên hưởng lợi các hoạt động trình diễn dự kiến; (ii) lựa chọn một bên hưởng lợi có trang trại nơi hoạt động trình diễn được tiến hành; (iii) thống nhất vai trò trách nhiệm của Dự án và bên hưởng lợi trong suốt quá trình thực hiện hoạt động trình diễn; và (iv) đồng ý các điều khoản và điều kiện trong việc nhượng quyền sở hữu các trang thiết bị sau khi kết thúc dự án. Mỗi gói thầu mô hình trình diễn sẽ được tiến hành ở một số tỉnh nơi có các hoạt động thực tiễn tương tự và có khả năng nhân rộng. Đoàn đánh giá ghi nhận rằng trong nhiều trường hợp mô hình trình diễn được đề xuất chỉ cung cấp một phần giải pháp (hầu như là máy tách phân); trong khi mục đích của các điểm trình diễn là trình diễn một giải pháp hoàn chỉnh cho việc quản lý chất thải chăn nuôi của trang trại. Một giải pháp hoàn chỉnh có thể bao gồm các phương thức để giảm lượng chất thải được sinh ra (như các biện pháp tiết kiệm nước, .v.v.) và để tận dụng toàn bộ chất thải được sinh ra (như tách phân, các phương pháp sử dụng toàn bộ khí sinh học được sinh ra, .v.v.) Tiêu chuẩn của một điểm trình diễn là phải đáp ứng yêu cầu một mô hình sản xuất nông nghiệp các bon thấp có thể sử dụng nhằm thuyết phục những nông dân khác hiểu được lợi ích của việc ứng dụng những biện pháp tương tự. Đoàn đánh giá đề nghị Ban QLDA Trung ương và Ban QLDA các tỉnh phải xem xét lại những giải pháp can thiệp đã đề xuất theo mỗi gói thầu nhằm đảm bảo đáp ứng kỳ vọng này

Bảng 6: Danh sách các gói thầu Mô hình trình diễn (tính đến 31/8/2016)

Số gói thầu.	Tên gói thầu	Tỉnh	Giá dự toán (USD)
32	Mô hình sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ	Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định, và Phú Thọ	1.340.909

33	Mô hình sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ	Hà Tĩnh, Nam Định, Sóc Trăng, Sơn La, và Tiền Giang	1.109.092
34	Mô hình quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi thông qua ứng dụng công nghệ máy phát điện khí sinh học, máy tách phân	Bình Định, Hà Tĩnh, Nam Định và Sóc Trăng	322.727
35	Mô hình sử dụng hệ thống máy tách phân di động để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ quy mô nhóm hộ	Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định và Lào Cai	477.272
36	Mô hình sử dụng máy phát điện khí sinh học	Bình Định, Hà Tĩnh, Lào Cai, Sóc Trăng và Tiền Giang	513.637
37	Mô hình sử dụng nước thải công trình khí sinh học làm phân bón cho cây trồng	Sóc Trăng và Bình Định	204.545
38	Mô hình sử dụng phân bò làm nguyên liệu nuôi giun quế	Sóc Trăng	77.273

38. Một số tỉnh quan ngại rằng các bên hưởng lợi của các hoạt động trình diễn có thể sẽ không muốn mua các trang thiết bị sau khi dự án kết thúc. Ban QLDA Trung ương đã giải thích rằng sẽ chuẩn bị một bản phân tích khả năng tài chính và tính kinh tế cũng như kế hoạch thanh toán để thống nhất giữa hai bên như một phần của thỏa thuận giữa Dự án và người hưởng lợi.

39. **Hệ thống thông tin sản xuất Nông nghiệp các bon thấp:** Dự án mục tiêu xây dựng một hệ thống phổ biến thông tin về sản xuất nông nghiệp các bon thấp. Ban QLDA Trung ương đã đề xuất xây dựng một thư viện điện tử để các viện nghiên cứu liên quan có thể đăng tải các tài liệu liên quan đến sản xuất nông nghiệp các bon thấp. Tuy nhiên, bản đề xuất thiếu rõ ràng về cách thức truy cập cho những đối tượng hưởng lợi dự kiến (nông dân và các doanh nghiệp tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề quản lý chất thải nông nghiệp). Hơn nữa bản đề xuất bao gồm một khoản đầu tư lớn (hơn 0,6 triệu USD) cho một hệ thống máy tính nối mạng và phần cứng khác mà không có một kế hoạch rõ ràng về việc duy trì và nâng cấp sau khi dự án kết thúc. Đoàn đánh giá cũng lưu ý rằng hệ thống có thể được sử dụng hiệu quả cho một phạm vi ứng dụng rộng hơn (như công cụ giáo dục từ xa, dùng để phổ biến thông tin về kết quả của các hoạt động nghiên cứu và trình diễn, v.v.). Theo đó, các bên thống nhất Ban QLDA Trung ương trước hết phải mời tuyển tư vấn cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin nhằm thiết kế một hệ thống thông tin toàn diện mà người dùng cuối cùng có thể truy cập. Nhà cung cấp dịch vụ phải chuẩn bị hồ sơ đề xuất để đấu thầu và cài đặt hệ thống, đồng thời giám sát sự xây dựng và lắp đặt hệ thống. Ban QLDA Trung ương đã trình TOR (Đề trình lần 0) cho gói thầu này để xin ý kiến của ADB vào tháng 9/2016 và dự kiến trao thầu vào quý II năm 2017. Gói thầu thiết bị cho hệ thống thông tin dự kiến trao thầu vào quý I năm 2018.

40. **Bản đồ vùng sinh thái nông nghiệp:** Dự án đã hỗ trợ phát triển công cụ lập bản đồ GIS dựa trên các vùng sinh thái nông nghiệp và thống kê số liệu (đến cấp huyện) về chất thải nông nghiệp từ cây trồng và vật nuôi. Công cụ này sử dụng dữ liệu hàng năm do Tổng cục Thống kê công bố và rất hữu ích cho việc lập kế hoạch quản lý chất thải nông nghiệp và ra quyết định đầu tư. Công cụ này có thể truy cập thông qua các trang web của Dự án và Cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn (DCRD). Dự án sẽ cập nhật thông tin hàng năm trong suốt

thời gian thực hiện dự án và dự kiến Cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn (DCRD) sẽ tiếp tục duy trì sau đó. Đoàn đánh giá lưu ý rằng công cụ này có thể được cải thiện bằng cách phát triển phần mềm để cập nhật dữ liệu kỹ thuật số hơn là nhập dữ liệu thủ công như hiện nay.

41. **Tăng cường năng lực sản xuất nông nghiệp các bon thấp.** Dự án hỗ trợ năm chương trình đào tạo nghề cho nông dân (biên soạn giáo trình cho đào tạo nghề cho nông dân được tiến hành bởi Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển Nông thôn) về các đề tài sau: (i) sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phân chuồng và bùn mía; (ii) kỹ thuật sửa chữa và bảo trì thiết bị sử dụng khí sinh học; (iii) nuôi trùn quế từ phân gia súc, gia cầm và chất thải nông nghiệp; (iv) sản xuất phân hữu cơ sinh học từ chất thải chăn nuôi dạng rắn; và (v) sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phế phụ phẩm trồng trọt và bã thải hàm khí sinh học. Dự án đã cam kết hỗ trợ Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển Nông thôn thuộc Bộ NN&PTNT xây dựng thêm 03 chương trình đào tạo về các lĩnh vực: (i) Sản xuất đệm lót sinh học cho chăn nuôi; (ii) sản xuất thức ăn gia súc từ phế phụ phẩm trồng trọt; và (iii) sản xuất than sinh học từ phế phụ phẩm trồng trọt. Đoàn đánh giá đã ghi nhận rằng một số đề tài này cũng chính là nội dung của các đề tài nghiên cứu nhưng tại cấp độ hộ gia đình và không được phát triển hoàn chỉnh bằng mức độ chuỗi giá trị tại các gói thầu nghiên cứu.

42. Đoàn đánh giá và chính phủ đã thống nhất hợp lý hóa rất nhiều các hoạt động đào tạo theo Hợp phần 3. Ban QLDA Trung ương với sự hỗ trợ của tư vấn LIC, sẽ cập nhật các kế hoạch đào tạo tổng thể, thể hiện rõ sự cần thiết các hoạt động đào tạo liên kết với các hoạt động nghiên cứu và các hoạt động trình diễn, đồng thời xác định các đối tượng hưởng lợi và dự toán chi tiết của ngân sách.

Bảng 7: Số người được đào tạo về sản xuất Nông nghiệp các bon thấp (tính đến tháng 8.2016)

S T T	Tỉnh	Số người được đào tạo về sản xuất Nông nghiệp các bon thấp (Hợp phần 3)			
		Nông dân	Nữ	Cán bộ khuyến nông	Nữ
0	CPMU			236	54
1	Lao Cai	555	211		
2	Son La	0	0		
3	Phu Tho	798	504		
4	Bac Giang	337	234		
5	Nam Dinh	829	363		
6	Ha Tinh	361	151		
7	Binh Dinh	1.021	167		
8	Tien Giang	172	58		
9	Ben Tre	322	60		
10	Soc Trang	1.002	338		
	Tổng cộng	5.397	2.086	236	54
	Tỷ lệ		38,65%		22,88%

43. **Thay đổi đề xuất:** Đoàn đánh giá và chính phủ thống nhất rằng:

- (i) Kết quả 3.3 "Lỗ hổng kiến thức nghiêm trọng về ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp được xác định và ít nhất 21 nghiên cứu được thực hiện, các gói truyền thông và lồng ghép thực hiện theo một danh sách ưu tiên tới năm 2018. 30% các nghiên cứu bao gồm các vấn đề giới vào năm 2016" sẽ được sửa đổi thành Kết quả 3.1 " Chiến lược nghiên cứu CSAWMP được xây dựng và nghiên cứu ứng dụng của ít nhất 6 đề tài được triển khai đến tháng 6/2019".
- (ii) Kết quả 3.1 "Gói ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp thành lập được phổ biến ở 10 tỉnh tham gia vào năm 2016" sẽ được sửa lại thành Kết quả 3.2 " Ít nhất 7 mô hình CSAWMP trình diễn và phổ biến hiệu quả tại 10 tỉnh tham gia đến tháng 6/2019".
- (iii) Kết quả 3.2 "Chiến lược nghiên cứu và chuyển giao công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp dài hạn, dựa vào cộng đồng được xây dựng vào năm 2014, và bao gồm kế hoạch truyền thông, phổ biến, và các kế hoạch lồng ghép" sẽ được sửa lại thành Kết quả 3.3 "Ít nhất 7.000 nông dân, 700 cán bộ khuyến nông, và 200 nhà nghiên cứu được đào tạo về CSAMWP đến tháng 6/2019. Ít nhất 50% nông dân và 30% cán bộ khuyến nông được đào tạo là phụ nữ".
- (iv) Hoạt động 3.3 "Đào tạo cán bộ nghiên cứu và cán bộ khuyến nông về ứng dụng hiệu quả các công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp vào năm 2018", Hoạt động 3.4 "Phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, đề cương bài giảng về các kỹ thuật công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp phù hợp để đào tạo nghề cho nông dân vào năm 2018" và Hoạt động 3.7 "Đào tạo cán bộ khuyến nông và nông dân về các công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp vào năm 2018" sẽ được sáp nhập thành Hoạt động 3.3 trong sửa đổi DMF "Tăng cường năng lực các cán bộ nghiên cứu, cán bộ khuyến nông và nông dân, bao gồm chương trình đào tạo dạy nghề, các gói đào tạo tập huấn, và thăm quan học tập về CSAWMP đến tháng 6/2019.
- (v) Hoạt động 3.2 "Thiết lập một hệ thống thông tin (thư viện điện tử, tạp chí, và các cơ sở dữ liệu) cho chia sẻ công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp và đào tạo năm 2018" và Hoạt động 3.5 " Nâng cấp các bộ bản đồ dựa trên ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp cho 7 vùng sinh thái nông nghiệp nhằm dự báo các tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu và cung cấp các thông tin hỗ trợ cho lập kế hoạch nông nghiệp vào năm 2017 "sẽ được sáp nhập vào Hoạt động 3.4 trong DMF sửa đổi "Thiết lập một hệ thống thông tin (thư viện điện tử, bộ bản đồ các vùng sinh thái nông nghiệp và hệ thống học tập từ xa) để phổ biến kiến thức và nhận thức về CSAWMP đến tháng 6/2019 "
- (vi) Các hoạt động trình diễn sẽ được chỉnh sửa lại nhằm tổng hợp toàn bộ các biện pháp can thiệp cho phép các điểm trình diễn trở thành các điểm mẫu về quản lý chất thải nông nghiệp cho trang trại. Đoàn đánh giá và chính phủ cũng thống nhất rằng các hoạt động đào tạo sẽ được hợp lý hóa để thể hiện sự hợp lý rõ ràng cho các hoạt động đào tạo (các hoạt động này góp phần vào tác động của Dự án và các mục tiêu đầu ra), và mối liên kết giữa các hoạt động nghiên cứu và mô hình trình diễn.

Hợp phần 4: Quản lý dự án hiệu quả

44. **Mục tiêu ban đầu.** Các chỉ số hoạt động quan trọng đối với hợp phần này là: (i) Ban QLDA Trung ương và Ban QLDA 10 tỉnh được thành lập và vận hành bởi các cán bộ có kinh nghiệm với đầy đủ trang thiết bị trong Bộ NN&PTNT vào quý I năm 2013. Ít nhất 30 % cán bộ là nữ và một đầu mối về giới được chỉ định vào năm 2014; (ii) PPMS với dữ liệu phân chia theo giới và dân tộc thu thập và báo cáo hoạt động hiệu quả tại 10 tỉnh vào năm 2015 và (iii) điều phối thị trường Carbon và 36.000 chủ sở hữu khí sinh học được tổ chức thông qua các hiệp hội vào năm 2014.

45. **Tiến độ giữa kỳ. Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh:** Ban QLDA Trung ương và 10 Ban QLDA tỉnh được thành lập vào quý II năm 2013 với đầy đủ cán bộ. Tính đến 31/8/2016, 55/120 cán bộ (tương đương 46%) của Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh là nữ. Đầu mối về giới đã được chỉ định vào tháng 7.2016. Các số liệu báo cáo phân tách theo giới trong Báo cáo giữa kỳ còn hạn chế. Tất cả Ban QLDA tỉnh đều phối hợp tốt với Ban QLDA Trung ương. Ban QLDA Trung ương nhận được sự hỗ trợ tích cực của Bộ NN&PTNT trong đó có cả vai trò của Thứ trưởng.

46. **Tư vấn hỗ trợ thực hiện dự án (Tư vấn LIC)** (chính thức gọi là Dịch vụ Tư vấn Quản lý dự án) được huy động mới từ tháng 11 năm 2015 (30 tháng sau khi khoản vay có hiệu lực). Kể từ khi huy động, công ty đã thay 9/24 chuyên gia do các hoàn cảnh cá nhân. Đoàn đánh giá nhận thấy sự thay thế tư vấn thường xuyên sẽ gây ra sự chậm trễ trong quá trình thực hiện dự án. Tuy nhiên hiện nay tư vấn LIC đã huy động đủ và đang hỗ trợ tích cực cho Ban QLDA Trung ương và Ban QLDA các tỉnh.

47. Dự án có một hoạt động về khai thác tất cả các thị trường các bon tiềm năng vào năm 2014. Tuy nhiên, như đã giải thích trong đoạn 23 ở trên, tính đến thời điểm đánh giá giữa kỳ hoạt động này chưa được thực hiện.

48. **Thay đổi đề xuất.** Từ những lý do trình bày ở đoạn 23, Đoàn đánh giá và chính phủ đã thống nhất bỏ mục (iii) trong Hợp phần 4 “Điều phối viên thị trường các bon và 36.000 chủ sở hữu công trình khí sinh học được thành lập thông qua các hiệp hội vào năm 2014” và hoạt động 4.3 “Tìm kiếm tất cả các thị trường các bon tiềm năng vào năm 2014” trong bản DMF sửa đổi.

C. Đấu thầu xây lắp, hàng hóa và dịch vụ tư vấn

49. **Tiến độ giữa kỳ.** Tổng giá trị hợp đồng đấu thầu xây lắp, hàng hoá, dịch vụ là 3,37 triệu USD, tương đương 5% tổng chi phí dự án (67,92 triệu USD). Các gói thầu chính được trao thầu là Dịch vụ Tư vấn quản lý dự án, Kiểm toán dự án, Tư vấn cá nhân, Điều tra cơ bản, Phần mềm Kế toán, Hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu, Bộ Bản đồ về các vùng nông nghiệp, Phim tư liệu và Tài liệu về Sản xuất nông nghiệp các bon thấp. Căn cứ vào Kế hoạch Đấu thầu đã được phê duyệt, các gói thầu chính trong vòng 18 tháng tiếp theo bao gồm Kiểm tra thực tế Chuỗi giá trị khí sinh học, 6 gói nghiên cứu, Thiết bị quản lý số liệu khí sinh học và giám sát môi trường chăn nuôi, Hệ thống thư viện điện tử (2 gói), Kiểm toán dự án (Pha 2), Phần mềm giám sát và đánh giá dự án cho Ban QLDA Trung ương và Ban QLDA 10 tỉnh, 7 gói mô hình trình diễn, tổng cộng 11,35 triệu USD.

50. **Những hành động cần thiết.** Đoàn đánh giá quan ngại quá trình tuyển dụng tư vấn cho gói thầu Kiểm tra thực tế Chuỗi giá trị khí sinh học theo các hoạt động tiếp theo đã được thỏa thuận trong suốt thời gian đánh giá giữa kỳ, Điều khoản tham chiếu (TOR) của gói thầu phải được làm rõ vào tháng 10 năm 2015. Tuy nhiên, Đề trình 0 bao gồm TOR và Dự toán vẫn chưa được làm sáng tỏ bởi ADB cho đến ngày 17/8/2016. Đoàn đánh giá tái khẳng định tầm quan trọng của gói thầu để kiểm tra các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được đáp ứng và nguồn trợ cấp đã

đến được tay người hưởng lợi và yêu cầu dự án đẩy nhanh tiến độ tuyển tư vấn cho gói thầu để có thể huy động tư vấn vào tháng 6 năm 2017.

51. Đoàn đánh giá đề nghị Dự án bổ sung ít nhất một (1) gói thầu cung cấp hệ thống máy phát điện và thiết bị khác cần thiết cho các điểm trình diễn để đạt các mục tiêu như đã nêu trong đoạn 36 cho các hộ/trang trại tham gia vào gói thầu 32 và 33 (Mô hình sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ). Đoàn đánh giá yêu cầu Dự án xem xét cẩn thận tình hình của từng hộ/trang trại trong Gói thầu 32 và 33 xem họ có đốt bỏ ga thừa hay thải ra không khí, và thuyết phục họ sử dụng hệ thống máy phát điện khí sinh học (tự đầu tư hoặc được dự án cung cấp). Kế hoạch đấu thầu cần được cập nhật và trình ADB vào tháng 11 năm 2016.

D. Báo cáo của Dự án

52. Báo cáo Tiến độ hàng quý, bao gồm các báo cáo tổng thể cho Đoàn đánh giá giữa kỳ, chỉ tập trung mô tả các hoạt động nhưng thiếu lời giải thích rõ ràng về các hoạt động đóng góp vào kết quả đầu ra và tác động của Dự án. Hơn nữa, dữ liệu báo cáo không đồng nhất cũng như thiếu nhất quán trong việc ghi dữ liệu tại các thời điểm cụ thể... Đoàn đánh giá ghi nhận những khó khăn trong việc tổng hợp thông tin từ các nguồn khác nhau nhưng nhấn mạnh về sự cần thiết lưu trữ và quản lý thông tin đồng bộ và kịp thời hơn. Đoàn đánh giá cũng nhắc lại sự cần thiết phải báo cáo tiến độ hàng quý theo các chỉ số trong DMF với dữ liệu phân chia theo giới và dân tộc cũng như đánh giá về đóng góp của PPMU cho các kết quả đầu ra. Sau khi đã có sự điều chỉnh các hoạt động và các chỉ số đầu ra, hy vọng rằng các báo cáo sau này (dựa trên các chỉ số kết quả đầu ra và tác động) sẽ được cải thiện đáng kể.

E. Tài chính và giải ngân dự án

53. **Trao thầu và giải ngân:** Theo Ban thông tin tài chính khoản vay của ADB, đến ngày 31/8/2016, lũy kế trao thầu là 9,18 triệu USD so với tổng vốn dự án 67,92 triệu USD, tương đương với 13,52% so với thời gian triển khai dự án là 57%. Đến 31/8/2016, lũy kế giải ngân là 13,456 triệu USD so với tổng vốn dự án 67,92 triệu USD, tương đương với 19,81% so với thời gian triển khai dự án là 57%. Tổng giải ngân bao gồm vốn trong tài khoản tạm ứng 3,5 triệu USD cho Ban QLDA Trung ương và 3,4 triệu USD cho 2 định chế tài chính, nhưng không bao gồm 2 đơn rút vốn đang chờ phê duyệt với số tiền là 0,659 triệu USD. Tuy nhiên, Ban QLDA Trung ương đã ghi nhận số lượng trao thầu là 13,761 triệu USD và số tiền giải ngân 10,464 triệu USD. Đoàn đánh giá yêu cầu dự án gửi yêu cầu PCSS (Bảng tóm tắt hợp đồng dự án – số hiệu quản lý hợp đồng) và các đơn rút vốn để thu hẹp chênh lệch số liệu giữa ADB và Ban QLDA Trung ương và tăng tỷ lệ giải ngân.

54. Mức trần giải ngân đã trở thành một vấn đề ở tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Phú Thọ khi nhu cầu đối với nguồn vốn ODA vượt xa số lượng được phân bổ. Kết quả là khoảng 2.000 hộ gia đình ở Phú Thọ đã không nhận được hỗ trợ ICMD ngay cả sau khi họ xây dựng các công trình KSH cỡ nhỏ. Để tạm thời giải quyết vấn đề này Ban QLDA Trung ương đã đồng ý ứng trước kinh phí từ tài khoản tạm ứng của Ban QLDA Trung ương để PPMU Phú Thọ và các Ban QLDA tỉnh cam kết hoàn trả cho tất cả các hộ gia đình vào cuối năm 2016.

55. Dự kiến kế hoạch trao thầu và giải ngân cho đến khi kết thúc dự án được chuẩn bị dựa trên các kế hoạch thực hiện chi tiết của Ban QLDA Trung ương, 10 PPMU và 2 định chế tài chính (Phụ lục 6).

56. **Phân bổ lại nguồn vốn:** Với tiến độ thực hiện của Dự án và lợi ích dự kiến tạo ra từ việc xây dựng SBP và chuyển giao công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp được thực hiện theo phần 1 và phần 3 của Dự án, các khoản tiết kiệm từ hoạt động được phân bổ trong theo các hạng mục của Hiệp định vay được đề xuất phân bổ lại nhằm tăng kinh phí cho xây dựng SBP, thiết bị, dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp và chi phí quản lý dự án. Các điều chỉnh đã được thống nhất tại Phụ lục 7. Tuy nhiên, yêu cầu phân bổ lại sẽ được xử lý ngay sau khi số vốn giải ngân vượt quá số kinh phí được phân bổ.

57. **Báo cáo kiểm toán tài chính.** Các báo cáo về tài khoản dự án đã được kiểm toán, báo cáo kiểm toán dự án tài chính với 2 định chế tài chính và thư quản lý của kiểm toán cho năm tài chính 2015 đã được trình lên ADB vào ngày 29/6/2016. ADB đã góp ý vào ngày 12/9/2016 và yêu cầu Ban QLDA Trung ương và 2 định chế tài chính giải trình và gửi kế hoạch hành động với thời gian cụ thể trước ngày 30 tháng 9 năm 2016. Báo cáo Kiểm toán tiếp theo sẽ được thực hiện vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

58. **Kinh phí đối ứng.** Dự án báo cáo rằng kinh phí đối ứng đã được cung cấp đầy đủ cho năm 2016. Vốn đối ứng lũy kế cấp cho các tỉnh tính đến cuối tháng 8 năm 2016 là 1,129 triệu USD.

F. Điều tra cơ bản và Giám sát và đánh giá dự án

59. Một cuộc điều tra cơ bản dự án được hoàn thành vào tháng 7 năm 2016 và được sử dụng để chuẩn bị cho báo cáo đánh giá giữa kỳ. Các dữ liệu thu thập được điều tra cơ bản hiện đang được lưu kỹ thuật số và sẽ được đăng tải trên trang web của Dự án vào tháng 11/2016. Các số liệu cơ bản sẽ được sử dụng để theo dõi các chỉ số trong quá trình thực hiện dự án cũng như đánh giá sau dự án.

60. Tư vấn Giám sát và đánh giá quốc tế (M&E) thuộc LIC sẽ được huy động vào tháng 10/2016. Tư vấn này và tư vấn M&E trong nước sẽ đánh giá phương thức xây dựng hệ thống M&E cho Ban QLDA Trung ương và 10 PPMU dựa trên số liệu điều tra cơ bản. Kế hoạch mua sắm phần mềm giám sát đánh giá có thể được thực hiện nếu thấy cần thiết để hỗ trợ cho hệ thống M&E.

G. Tuân thủ các điều khoản Hiệp định vay

61. Đoàn đánh giá nhận thấy các điều khoản Hiệp định vay được tuân thủ và đang tuân thủ. Bản cập nhật về Tuân thủ các điều khoản Hiệp định vay tại Phụ lục 8.

D. Các vấn đề môi trường

62. **Các mục tiêu ban đầu.** Mục tiêu của Dự án là giảm ô nhiễm từ chất thải nông nghiệp bằng cách áp dụng ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp. Dự án hướng tới hỗ trợ chuyển hoá các chất thải nông nghiệp và sinh hoạt nông hộ thành năng lượng sạch và phân bón hữu cơ, và phổ biến, tăng cường, đa dạng hoá nền tảng kiến thức cho việc áp dụng ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp. Các hoạt động theo hợp phần từ 1-4 nhằm thực hiện mục tiêu trên. Đoạn 17 trên mô tả các hoạt động chi tiết liên quan đến giám sát môi trường. Dự án đặt mục tiêu giám sát môi trường ít nhất 5% các công trình KSH quy mô nhỏ.

63. **Tiến độ giữa kỳ.** Dự án đóng góp vào các tác động tích cực đối với môi trường, cải thiện vệ sinh môi trường ở quy mô gia đình và cộng đồng bằng cách giảm lượng nước thải

chăn nuôi thải ra nguồn nước, cải thiện các thói quen quản lý chất thải chăn nuôi, giảm các tác nhân gây ô nhiễm nông nghiệp và phát thải KNK. Dự án cũng góp phần nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực quản lý các loại chất thải nông nghiệp. Đoàn đánh giá nhận thấy Ban QLDA Trung ương/PPMU đã giám sát 3.006 công trình KSH quy mô nhỏ, tương đương 7,8%, vượt kế hoạch mục tiêu giám sát 5% các công trình.

64. **Các phát hiện.** Dự án đã góp phần cải thiện vệ sinh môi trường và tạo năng lượng sạch cũng như giảm phát thải KNK tại 10 tỉnh thông qua việc xây lắp thành công các công trình KSH quy mô nhỏ cấp nông hộ.

65. Tuy nhiên, những vấn đề môi trường dưới đây đã được phát hiện trong quá trình Đoàn đánh giá:

- (i) Việc giám sát chủ yếu tập trung vào kiểm tra (i) các hạng mục môi trường gắn với công trình KSH, (ii) công trình có vận hành tốt không, và (iii) người nông dân đã được đào tạo về vận hành công trình KSH hay chưa. Các phân tích về chỉ số môi trường không phải là một phần của hoạt động kiểm tra ngẫu nhiên này vì PPMU không có đủ các trang thiết bị cần thiết để giám sát môi trường.
- (ii) Một số hộ gia đình sử dụng khối lượng lớn nước để tắm cho lợn khiến công trình KSH xử lý nước thải không tốt.
- (iii) Quy trình đánh giá trong Khung giám sát môi trường (EARF) và những nội dung được nêu trong Báo cáo đánh giá môi trường ban đầu (IEE) về xây dựng các công trình KSH đã không được tuân thủ trong quá trình xây dựng các công trình KSH quy mô vừa tại tỉnh Phú Thọ và Hà Tĩnh. Kết quả là, kế hoạch quản lý môi trường (EMP) đã không được xây dựng để giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm năng đến môi trường (VD: phương pháp xả bỏ khí gas dư thừa) và điều này đã dẫn đến làm tăng lượng phát thải khí methane, và từ đó, ngăn cản Dự án đạt được mục tiêu giảm phát thải KNK.

66. Các vấn đề môi trường sau đây cũng được phát hiện:

- (i) Đơn vị quản lý môi trường tại cấp trung ương Ban QLDA Trung ương dựa trên Ban hỗ trợ kỹ thuật (TSU) không hỗ trợ hoạt động quản lý, giám sát/quan trắc, và báo cáo về môi trường tổng thể của Dự án. Chuyên gia môi trường của LIC được điều động quá muộn vào tháng 4/2016. Kết quả là PPMU không được hỗ trợ đầy đủ trong việc triển khai kế hoạch quản lý môi trường.
- (ii) Báo cáo giám sát môi trường nộp cho Đoàn đánh giá giữa kỳ cần phải được cải thiện để đáp ứng yêu cầu của EARF và IEE;
- (iii) Tại cấp trung ương, Bộ NN&PTNT đã phối hợp chặt chẽ với Bộ TN&MT để xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT: 2-16/BTNMT; Tại cấp tỉnh, Sở NN&PTNT và Sở TNMT đang hợp tác về thanh tra môi trường các trang trại chăn nuôi, Ban QLDA Trung ương và PPMU không trực tiếp phối hợp trực tiếp với Sở TNMT như đề xuất trong EARF và IEE.

67. **Kiến nghị thay đổi.** Như các đoạn trên, để giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với môi trường, mục tiêu xây dựng công trình KSH vừa của Dự án cần được xem xét lại để tiếp nhận

chuỗi giá trị KSH bao gồm các hạng mục bổ sung như máy phát điện hay máy tách phân nhằm sử dụng hiệu quả khí gas và chất thải từ các công trình KSH.

68. Cần thiết phải làm rõ hơn mục tiêu tăng cường năng lực cho các đơn vị liên quan nhằm chuyển giao giám sát/ quan trắc tất cả các công trình KSH đã xây dựng.

69. **Các hành động cần thiết.** Các hành động sửa chữa sau đây được đề xuất nhằm đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về an toàn môi trường và mục tiêu giảm phát thải KNK của Dự án.

- (i) Thiết lập Đơn vị quản lý/ quan trắc môi trường (EMU) ở cấp trung ương Ban QLDA Trung ương và chỉ định một đầu mối về môi trường ở từng PPMU để tăng cường đánh giá, giám sát môi trường, và báo cáo những tác động tích cực lẫn tiêu cực lên môi trường;
- (ii) Ban QLDA Trung ương với sự hỗ trợ của tư vấn chính sách an toàn hướng dẫn và đào tạo Ban QLDA các tỉnh/người dân về triển khai Kế hoạch giám sát môi trường EMP để đảm bảo các công trình KSH quy mô nhỏ được xây dựng và vận hành phù hợp với các chỉ số môi trường, VD: tiết kiệm nước trong việc vệ sinh chuồng trại và xử lý trước nước thải một cách hiệu quả.
- (iii) Đối với tất cả các công trình KSH quy mô vừa, các tác động môi trường cần được rà soát để tránh rơi vào loại A với các tác động lớn tới môi trường, và thực hiện Báo cáo đánh giá môi trường ban đầu IEE cho loại B bao gồm lập Kế hoạch giám sát môi trường (EMP) đối với các tác động tiêu cực tới môi trường, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến xả thải khí gas ra khí quyển và/ hoặc đốt bỏ khí gas thừa, và sử dụng chất thải chăn nuôi và chất thải công trình KSH. Các biện pháp giảm thiểu cần được đề xuất để đảm bảo Dự án đạt được các mục tiêu giảm phát thải KNK và cải thiện môi trường đã đề ra.

I. Các vấn đề chính sách an toàn xã hội

70. **Các mục tiêu ban đầu.** Theo DMF và Kế hoạch phát triển người bản địa (IPDP), ít nhất 5% trong số 36.000 công trình KSH cỡ nhỏ được xây dựng cho người dân từ các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) ở 3 tỉnh được lựa chọn, bao gồm Sơn La, Bắc Giang và Sóc Trăng.

71. **Tiến độ giữa kỳ.** Đến 31/08/2016, các kết quả mà dự án đã đạt được cho nhóm DTTS có thể tóm tắt và chi tiết tại Phụ lục 9.

72. Tại 3 tỉnh hỗ trợ DTTS mục tiêu của Dự án (Sơn La, Bắc Giang, và Sóc Trăng), Dự án đã hỗ trợ được 1.709 công trình KSH cỡ nhỏ cho người DTTS tại 3 tỉnh được lựa chọn (Sơn La, Bắc Giang và Sóc Trăng) tương đương với 4,4% tổng số công trình KSH cỡ nhỏ đã xây lắp. Ngoài 3 tỉnh này, Lào Cai cũng đã hỗ trợ xây dựng 519 công trình KSH cho người DTTS. Kết quả là Dự án đã hỗ trợ được 2.228 công trình KSH quy mô nhỏ cho người DTTS tương đương với 5,8% tổng số công trình quy mô nhỏ được xây dựng (38.478 công trình).

73. Dự án đã tổ chức rất nhiều các hoạt động tuyên truyền khác nhau để cung cấp thông tin về Dự án bao gồm những khuyến nghị chia sẻ các lợi ích của chuỗi giá trị KSH (năng lượng và phân bón hữu cơ) từ chủ công trình KSH cho người DTTS tại 04 tỉnh nêu trên. Tính đến 31/08/2016, để phục vụ mục đích thông tin tuyên truyền, tại 3 tỉnh được lựa chọn, Dự án đã xây dựng và tổ chức: 162 hội thảo truyền thông, 8 chương trình truyền hình, 5 chương trình truyền

thanh (có cả tiếng dân tộc); 11.150 bảng thông tin/ băng rôn/ poster; 41.000 tờ rơi; và 1 video clip. Tại Lào Cai cũng xây dựng và tổ chức 58 hội thảo truyền thông, 6 chương trình truyền hình, 3 chương trình truyền thanh (bằng cả tiếng dân tộc), và 10.000 tờ rơi.

74. Dự án đã tổ chức đào tạo về vận hành công trình KSH và ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp cho người những người tham gia để giúp họ quản lý chăn nuôi và chất thải. Tính đến 31 tháng 08 năm 2016, có 866 người DTTS trên tổng số 5.397 hộ dân đã được đào tạo về ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp tại 10 tỉnh (tương đương với 16,05% trên tổng số học viên ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp) và 538 người DTTS tại 3 tỉnh được lựa chọn đã được đào tạo về ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp (tương đương với 9,97% trên tổng số học viên ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp). 2.341 người DTTS tại 10 tỉnh (5,85% trên tổng số) đã được đào tạo về vận hành công trình KSH so với 1.462 người DTTS tại 3 tỉnh được lựa chọn (tương đương với 3,66%).

75. Dự án đã tổ chức 6 lớp tiểu giáo viên cho 236 cán bộ khuyến nông về ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp. Trong số đó, 26 là người DTTS (tương đương với 11% tổng số học viên).

76. Tính đến 31/08/2016, 2 định chế tài chính đã cấp tín dụng cho 277 người tham gia ở Bắc Giang, Lào Cai, và Bình Định; trong số đó 119 là người DTTS, tương đương với 42,96% tổng số. Trong số 3 tỉnh được lựa chọn, chỉ có duy nhất 4 người DTTS ở Bắc Giang (tương đương với 1,44% trên tổng số) tiếp cận được nguồn tiền này.

77. **Các phát hiện.** Các vấn đề sau đã đã được phát hiện trong quá trình đánh giá của Đoàn công tác: (i) các hoạt động thông tin tuyên truyền của Dự án chủ yếu được triển khai thông qua đài truyền hình tỉnh Bắc Giang và báo điện tử Bắc Giang, cán bộ khuyến nông và thợ xây. Bởi vậy, ở các xã thuộc huyện Lục Nam – nơi mà Đoàn đánh giá tham quan (xã Đông Hưng, Đông Phú, và Tam Vi), không phải tất cả người dân địa phương, chính quyền địa phương, và các tổ chức quần chúng được phỏng vấn đều biết rõ về Dự án; (ii) chuyên gia về Giới và DTTS hiện tại của LIC vẫn chưa hỗ trợ hiệu quả và kịp thời cho Ban QLDA Trung ương và Ban QLDA các tỉnh liên quan đến triển khai Kế hoạch phát triển người bản địa IPDP; (iii) việc Ban QLDA Trung ương, Ban QLDA các tỉnh chưa hiểu đầy đủ về những yêu cầu của IPDP cũng như sự thiếu hỗ trợ từ LIC dẫn đến thiếu báo cáo giám sát nội bộ về triển khai Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số EMDP; (iv) Các khoản tín dụng cấp cho các hộ DTTS vẫn còn chậm do quy trình cho vay phức tạp, trong đó yêu cầu thế chấp Sổ đỏ cho khoản tín dụng nhỏ. Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam đã được tất cả Ban QLDA các tỉnh, cơ quan chính quyền địa phương, các tổ chức quần chúng, và các hộ DTTS đề nghị tham gia.

78. **Kiến nghị thay đổi.** Giám sát triển khai IPDP và điều động đơn vị giám sát bên ngoài: Thông qua các chuyến đi thực địa và phỏng vấn những hộ dân thụ hưởng là DTTS, chính quyền địa phương, và Ban QLDA các tỉnh, Đoàn đánh giá nhận thấy Dự án có tác động tích cực đến cộng đồng và DTTS. PPMU của cả 3 tỉnh được lựa chọn trong IPDP đều nhận thức được yêu cầu khuyến khích người dân DTTS xây công trình KSH cỡ nhỏ và tham gia vào các khoá đào tạo liên quan ngay từ đầu Dự án. Người dân DTTS được tham gia vào mọi hoạt động của Dự án. Công tác thông tin tuyên truyền cho người DTTS ít hay nhiều cũng đã phù hợp với các tỉnh có người DTTS sinh sống. Trong quá trình làm việc của Đoàn đánh giá, đơn vị giám sát độc lập vẫn chưa được điều động như yêu cầu của IPDP. Sau khi trao đổi với Ban QLDA Trung ương, đôi bên đi đến thống nhất rằng Dự án sẽ không huy động dịch vụ tư vấn này do Dự án chỉ có tác động tích cực và được xếp loại B về người dân bản địa. Ngoài ra, do Dự án đã đi được một nửa thời gian và việc tuyển chọn đơn vị giám sát độc lập có thể mất khoảng 6 tháng hoặc hơn, lợi ích từ việc huy động này sẽ rất nhỏ.

79. Đoàn đánh giá kiến nghị những chỉ số giám sát về DTTS sau đây cần được đưa vào phạm vi công việc của dịch vụ tư vấn LIC: (i) các cộng đồng DTTS được lựa chọn có bắt đầu triển khai Kế hoạch phát triển DTTS như kế hoạch hay không; (ii) tổ chức đào tạo và các hoạt động khác đã thống nhất một cách kịp thời; (iii) cung cấp thông tin và giáo trình đào tạo dưới hình thức phù hợp và ngôn ngữ có thể hiểu được bởi người DTTS và ở trình độ đọc hiểu của họ; (iv) cơ chế khiếu nại trong đó bao gồm sử dụng cơ chế thực tiễn của địa phương; (v) dạy nghề để phục vụ cho sinh kế liên quan đến KSH và quản lý chuỗi giá trị; và (vi) cơ sở dữ liệu phân tách theo giới và dân tộc thiểu số. Dịch vụ tư vấn nêu trên cần giám sát những chỉ số này định kỳ 1 năm 2 lần và có báo cáo cho Ban QLDA Trung ương và ADB.

80. Sự cần thiết phải cập nhật Kế hoạch phát triển người bản địa - IPDP: Đoàn đánh giá nhận thấy tất cả các hoạt động cho người DTTS trong IPDP đều đã được lồng ghép vào các hoạt động Dự án. Ngay từ đầu Dự án, những hoạt động này đã và đang được triển khai cho người DTTS không chỉ tại 3 tỉnh được lựa chọn mà cả các tỉnh khác như Lào Cai, nơi phần lớn các nhóm DTTS sinh sống. Ngoài ra, mục tiêu xây dựng công trình KSH cho người DTTS với ít nhất 5% công trình KSH xây lắp quy định trong DMF căn bản đã gần đạt được tại 3 tỉnh được lựa chọn cùng với tỉnh Lào Cai. Sau khi cân nhắc đến việc DTTS là một trong những nhóm mục tiêu thuộc mục tiêu chính sửa về số công trình KSH quy mô nhỏ được xây đến cuối Dự án, Đoàn đánh giá và phía chính phủ đã thống nhất rằng những tỉnh khách có DTTS tương đối (Lào Cai, Bình Định, Phú Thọ, và Hà Tĩnh) cũng cần ưu tiên DTTS thuộc Dự án. Đoàn đánh giá cũng đồng ý với Ban QLDA Trung ương rằng IPDP sẽ không cập nhật bổ sung những tỉnh trên. Tuy nhiên, Ban QLDA các tỉnh của những tỉnh này cần thực hiện theo các yêu cầu chi tiết trong IPDP để khuyến khích người DTTS trong tỉnh tham gia vào các hoạt động IPDP.

81. Do hiệp hội KSH vẫn chưa được thành lập ở cấp Tỉnh, Huyện, và Xã, 2 hoạt động trong IPDP liên quan đến tổ chức này cũng được đề xuất bỏ, bao gồm: (i) khuyến khích DTTS tham gia và trao quyền cho hiệp hội KSH và các tổ chức khác; (ii) trao quyền các đại diện KSH tại vùng DTTS. (Xem Phụ lục 9).

82. **Các hành động cần thiết.** Ban QLDA Trung ương cần lập tức điều động và yêu cầu Tư vấn về Giới và DTTS thuộc LIC hỗ trợ kịp thời cho Ban QLDA Trung ương và PPMU để triển khai IPDP bao gồm các hoạt động báo cáo và giám sát hoạt động tại 3 tỉnh mục tiêu và 4 tỉnh bổ sung được nhắc trong đoạn 81 ở trên. Nếu chuyên gia về Giới và DTTS không thể hoàn thành công việc của mình trong thời gian cần thiết, cần phải xem xét thay thế.

83. Ngoài đơn vị giám sát bên ngoài, Ban QLDA Trung ương, LIC, và Ban QLDA các tỉnh cũng được yêu cầu phải tiến hành giám sát nội bộ về việc triển khai IPDP tại 7 tỉnh thuộc Dự án và cập nhật định kỳ vào hệ thống báo cáo hiện tại. Bảng giám sát triển khai IPDP cập nhật với những hoạt động được loại khỏi IPDP cần phải được sử dụng và chuẩn bị bởi Ban QLDA Trung ương, Ban QLDA các tỉnh và LIC cho những Đoàn đánh giá sau. Một báo cáo giám sát nội bộ về triển khai IPDP cần được chuẩn bị bởi Ban QLDA Trung ương hai lần một năm và trình cho ADB để công khai trên website ADB. Báo cáo giám sát nội bộ hai năm một lần về triển khai IPDP năm 2016 cần được trình lên ADB để công khai trước ngày 31 tháng 12 năm 2016.

84. Ban QLDA các tỉnh tại 7 tỉnh có nhóm DTTS được nhắc đến ở đoạn 80 cần tăng cường truyền thông thông tin về Dự án ở cấp làng, xã để lôi kéo sự tham gia của DTTS vào các hoạt động Dự án, đặc biệt là tăng số lượng công trình KSH quy mô nhỏ xây cho người DTTS, số lượng người DTTS tham gia các khoá đào tạo về vận hành công trình KSH quy mô nhỏ và ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp, số người DTTS tham gia vào các mô hình ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp.

J. Các vấn đề về Giới

85. **Các mục tiêu ban đầu.** Các mục tiêu chính của kế hoạch hành động Giới (phù hợp với Hiệp định vốn vay) bao gồm (i) Ít nhất 20% những người được đào tạo về quản lý công trình KSH và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; (ii) Ít nhất 20% người được đào tạo và cấp chứng chỉ làm thợ xây dựng công trình KSH cỡ nhỏ là phụ nữ và ít nhất 80% những người phụ nữ này tìm được việc; (iii) Ít nhất 50% những người được đào tạo sử dụng, vận hành và bảo dưỡng KSH là phụ nữ; (iv) Ít nhất 50% những người được đào tạo về quản lý trang trại và quản lý chất thải ở các trang trại là phụ nữ; (v) Ít nhất 30% nhân viên được đào tạo về các công trình KSH cỡ vừa và lớn là phụ nữ; (vi) Ít nhất 50% người nhận tín dụng từ các Định chế tài chính sẽ được đăng ký theo tài khoản chung vợ-chồng, hoặc phụ nữ đứng ra đại diện; (vii) ít nhất 50% đơn đăng ký chính thức của tất cả các công trình và công trình KSH thuộc Dự án dưới tài khoản chung vợ-chồng hoặc phụ nữ đứng tên; (viii) 30% các đề tài nghiên cứu liên quan đến vấn đề về Giới có kết nối với các công trình KSH; (ix) ít nhất 40% những người được lựa chọn để làm người đi đầu về nông nghiệp thông minh trong nghiên cứu và phổ biến các công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp là phụ nữ; (x) Tài liệu đào tạo về công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp và phương pháp truyền thông phải thân thuộc với phụ nữ và ít nhất 50% các hoạt động tuyên truyền và tham vấn chỉ dành riêng cho các nhóm phụ nữ; (xi) một cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số phân tách theo giới được thiết lập bởi Ban QLDA Trung ương như một phần của Hệ thống PPMS của Dự án; (xii) 30% số nhân viên của Ban QLDA Trung ương và Ban QLDA tỉnh là phụ nữ và Ban QLDA Trung ương và mỗi Ban QLDA tỉnh sẽ có một đầu mối/người đại diện về giới và các vấn đề dân tộc thiểu số; và (xiii) các chỉ số về Giới được đưa vào trong Khung giám sát và đánh giá tổng thể của Dự án.

86. **Tiến độ giữa kỳ. Triển khai Kế hoạch hành động giới (GAP):** Cần nỗ lực hơn nữa để đảm bảo các mục tiêu chính của GAP đạt được vào cuối Dự án. Các kết quả chính đến nay bao gồm: (i) 28 lớp đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật cho kỹ thuật viên tại 10 tỉnh (54 nữ /330 người tham gia (16,4%)) (dưới mục tiêu 20%)); (ii) 11 lớp đào tạo về xây công trình KSH quy mô nhỏ (17/ 321 nữ tham gia (5,3%)) (dưới mục tiêu 20%)⁷; (iii) 1.450 lớp đào tạo về sử dụng, vận hành, và bảo dưỡng KSH (13.957/39.905 nữ tham gia (35%) và 32.011 hộ gia đình được đào tạo tại nhà (21.393/32.461 nữ tham gia (65,9%) (mục tiêu là 50%); (iv) 162 lớp đào tạo về quản lý trang trại và quản lý chất thải ở trang trại cho người nông dân (2.068/5.397 nữ tham gia (38,7%) (dưới mục tiêu 50%)); (v) 2 lớp đào tạo về công trình KSH cỡ vừa và lớn cho kỹ sư và các đại diện từ 10 nhà thầu (4/46 nữ tham gia (8,7%) (dưới mục tiêu 30%); (vi) và (vii) 277 người nhận tín dụng từ các Định chế tài chính, trong đó 148 khoản (53,4%) được đăng ký do phụ nữ đứng tên (mục tiêu là 50%); (ix) 6 lớp đào tạo về nông nghiệp thông minh trong nghiên cứu và truyền thông công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp cho 236 cán bộ khuyến nông, trong đó 54 nữ (22,9%) (dưới mục tiêu 40%) ; (x) các tài liệu về công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp và phương pháp tuyên truyền thân thiện với phụ nữ. (xi) cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số có phân tách theo giới đã được lập bởi Ban QLDA Trung ương như một phần của PPMS của Dự án; (xii) trong số 127 cán bộ của Ban QLDA Trung ương và Ban QLDA các tỉnh có 58 cán bộ nữ (45,7%) (mục tiêu là 30%) và Ban QLDA Trung ương và mỗi PPMU đã có đầu mối về giới. Đầu mối về Giới được chỉ định vào năm 2016; và (xiii) 7 chỉ số và mục tiêu về Giới đã được đưa ra, tuy nhiên chất lượng báo cáo tổng thể vẫn còn hạn chế. (xiii) 2 hội thảo nhạy cảm về giới đã được triển khai cho các đầu mối về Giới của PPMU, cán bộ kỹ thuật và các bên liên quan với 96 người tham gia, trong đó 74 nữ (77,1%). (xem Phụ lục 10)

87. Ghi chép quan sát thực địa.

⁷ Tiền Giang, Sóc Trăng, Bình Định, Sơn La, Nam Định không có nữ học viên lớp xây công trình KSH quy mô nhỏ. Các tỉnh có nữ học viên thợ xây bao gồm: Lào Cai: 3/45; Phú Thọ: 6/55; Hà Tĩnh: 2/97, Bắc Giang: 1/19; Bến Tre: 5/28

- (i) Đoàn đánh giá nhận thấy có sự khác biệt về mức độ tự tin giữa những người nữ thụ thuộc được đào tạo trực tiếp và không trực tiếp bởi Dự án về cách dùng và bảo dưỡng các công trình KSH, theo đó những người được đào tạo trực tiếp có nhiều lợi thế hơn. Dựa trên thực tế rằng việc hiểu biết cách rửa sạch chuồng trại đúng cách (cho phép một tỷ lệ phù hợp nước và phân thải trong bể để tạo gas) và trong chăn nuôi, phụ nữ đóng vai trò thiết yếu trong chăn nuôi và rửa chuồng lợn, Dự án cấp thiết phải đảm bảo chủ động đạt mục tiêu về nữ tham gia vào các lớp đào tạo này từ giờ đến cuối Dự án. Việc này có thể được thực hiện bởi cán bộ Dự án phối hợp với Hội Phụ nữ trong việc tổ chức những khoá đào tạo này (ở cấp xã) và Dự án ghi chép cũng như hướng đến mục tiêu phụ nữ như những người thụ hưởng chính thống của công tác hỗ trợ công trình KSH (người nhận tiền hỗ trợ).
- (ii) Công tác báo cáo Giới chưa là một phần trong báo cáo định kỳ Ban QLDA Trung ương/ Ban QLDA các tỉnh gửi ADB. Hệ thống dữ liệu của Ban QLDA các tỉnh về các hoạt động Dự án vẫn chưa được phân tách theo giới một cách có hệ thống và sẵn sàng cho Đoàn đánh giá⁸.
- (iii) Đoàn công tác đánh giá khoá đào tạo về Giới cho các đầu mối về Giới của Ban QLDA các tỉnh và Hội phụ nữ địa phương, Ủy ban Dân tộc⁹ vẫn chưa đáp ứng đủ các yêu cầu của Dự án. Những cán bộ chính triển khai Dự án (phụ trách tổ chức đào tạo của PPMU), kỹ thuật viên Dự án (người đào tạo và hướng dẫn những người thụ hưởng nữ) vẫn chưa có hiểu biết đầy đủ về Giới.
- (iv) Tài liệu đào tạo về Giới: Tài liệu đào tạo về Giới tập trung vào giới thiệu Dự án, các khái niệm Giới, và Kế hoạch hành động Giới của Dự án. Học viên đã có phân tích thực tế về các chỉ số Giới trong GAP của Dự án và các biện pháp để đạt được những mục tiêu này.
- (v) Đầu mối về Giới của Ban QLDA các tỉnh mới được chỉ định từ tháng 7/2016 theo hướng dẫn của Ban QLDA Trung ương và đã tham gia vào hội thảo về Giới tổ chức vào tháng 8/2016 nhưng thiếu kinh nghiệm thực tế về lồng ghép giới. Những thành quả Dự án đạt được khi triển khai GAP vẫn còn hạn chế.

88. Kiến nghị thay đổi. Đoàn đánh giá đề xuất bỏ 2 mục tiêu: (i) ít nhất 20% thành viên của các hiệp hội tham gia (nông dân, khí sinh học, vv.) là phụ nữ; (ii) ít nhất 20% ban chấp hành của những hiệp hội này là nữ. Lý do được đưa ra là Dự án không có sự can thiệp liên quan hỗ trợ thành lập hiệp hội KSH và không có lợi ích/quyền lợi rõ ràng trong giai đoạn này giữa những thành viên tiềm năng (người dùng công trình KSH). Các hiệp hội khác (hội nông dân, hội phụ nữ đã tồn tại nhưng vượt ngoài tầm ảnh hưởng của Dự án trong việc cấu trúc tổ chức). **Ngoài ra, Đoàn đánh giá cũng đề xuất sửa lại các mục tiêu sau:** (i) giảm mục tiêu 20% học viên về xây dựng công trình KSH quy mô nhỏ xuống còn 7%. Lý do của việc giảm mục tiêu này là việc xây dựng các công trình KSH cần tiêu chuẩn kỹ năng và kỹ thuật thợ xây cao nhưng đây không phải là công việc công việc toàn thời gian. Bên cạnh đó, xây dựng là một công việc vất vả. Sẽ không thực tế nếu yêu cầu phụ nữ phải tham gia vào đào tạo chuyên sâu hoặc dành thời gian của họ vào công việc này trong khi đây chỉ là việc bán thời gian (4-7 ngày

⁸ Báo cáo từ Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng,

⁹ PPMU Tiền Giang báo cáo rằng 15 người của Tiền Giang đã tham gia vào đào tạo, trong đó 1 đầu mối giới và 14 thành viên khác từ Hội phụ nữ huyện; 15 người từ Bình Định tham gia vào đào tạo trong đó 1 đầu mối giới và 4 thành viên từ Ủy ban Dân tộc và 14 người khác từ Hội phụ nữ huyện; 15 người từ Sóc Trăng với 2 thành viên của PPMU, 5 của Ủy ban dân tộc và 8 thành viên khác từ Hội Phụ nữ huyện.

/tháng); (ii) giảm mục tiêu “ít nhất 30% người được đào tạo về công trình KSH quy mô vừa và lớn (cán bộ kỹ thuật/kỹ thuật viên/ kỹ sư và lao động trang trại) là phụ nữ” xuống còn 15%: Trên thực tế, có ít kỹ thuật viên nữ làm việc trong lĩnh vực này hơn nam giới, bởi vậy các khoá đào tạo kỹ thuật đối mặt với khó khăn trong việc đạt được tỷ lệ về nữ tham gia; (iii) giảm mục tiêu “ít nhất 50% các hoạt động tuyên truyền và tham vấn chỉ dành riêng cho các nhóm phụ nữ” xuống còn 30%” bởi các hoạt động tuyên truyền và tham vấn để giới thiệu về Dự án và chuyển giao công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp đã được triển khai từ đầu Dự án nhưng Tư vấn về Giới và đầu mối giới của PPMU chỉ mới được chỉ định từ giữa năm 2016; bởi vậy PPMU không được hướng dẫn về vấn đề này và rất khó để đạt được chỉ số 50% này; (iv) giảm mục tiêu “Lựa chọn và đào tạo ít nhất 40% phụ nữ như những người đi đầu về nông nghiệp thông minh trong nghiên cứu và phổ biến công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp” xuống còn 30% do thực tế là ít kỹ thuật viên nữ làm việc trong lĩnh vực này và các chủ hộ gia đình đa phần là nam giới, tỷ lệ nam giới thường sẽ cao hơn nữ khi tham gia vào đào tạo kỹ thuật.

89. Đoàn đánh giá khuyến nghị:

- (i) Ban QLDA Trung ương và Ban QLDA các tỉnh tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức về Giới và chỉ dẫn GAP cho cán bộ dự án chính (ít nhất là các điều phối viên, đầu mối về giới, cán bộ triển khai, kỹ thuật viên như là một phần của khoá tập huấn mới).
- (ii) Ban QLDA Trung ương/Ban QLDA các tỉnh giới thiệu lại những yêu cầu báo cáo (biểu mẫu, công cụ thu thập dữ liệu liên quan đến Giới để báo cáo GAP và các chỉ số liên quan đến giới trong DMF) và công tác báo cáo GAP cần thực hiện hàng quý như một phần của báo cáo tiến độ gửi cho ADB.
- (iii) Ban QLDA các tỉnh sẽ chủ động trong việc đưa phụ nữ tham gia vào các lớp đào tạo (và theo ghi chép các khoản trợ cấp của Dự án) và các hoạt động truyền thông, tham vấn; bao gồm cả tham vấn riêng dành riêng cho phụ nữ thông qua các cuộc họp Hội phụ nữ để đạt được các mục tiêu GAP (bao gồm cả những mục tiêu đã được sửa sau Đợt đánh giá giữa kỳ).
- (iv) Tư vấn về Giới của LIC sẽ hỗ trợ chặt chẽ cho Ban QLDA các tỉnh trong việc triển khai, giám sát, và báo cáo các mục tiêu liên quan đến GAP.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP THEO

90. Đoàn đánh giá nhắc lại sự quan tâm về tiến độ thực hiện dự án. Bảng sau trình bày các hoạt động được thống nhất thực hiện trước khi các Đoàn đánh giá tiếp theo

Bảng 8: Các hoạt động tiếp theo

TT	Nội dung	Các hoạt động thống nhất	Khung thời gian	Đơn vị thực hiện
1	Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi	(i) CPMU ước lượng số lượng thức ăn của đối tượng hưởng lợi cho khoản hỗ trợ ICMD bổ sung từ PPMU và xây dựng quy trình đánh giá tính hợp lệ (Đoạn 12).	Tháng 12/2016	CPMU
		(ii) Chính sửa các tiêu chí hợp lệ để nhận hỗ trợ ICMD cho công trình KSH quy mô vừa (Đoạn 13) và thông báo cho các PPMU quyết định ngừng hỗ trợ ICMD cho các công trình KSH quy mô lớn (Đoạn 14)	Tháng 3/2017	CPMU
		(iii) Phát triển mối liên kết giữa người hưởng lợi được hỗ trợ trong Hợp phần 1 và Hợp phần 3 (đoạn 13)	Tháng 3/2017	CPMU
		(iv) Hỗ trợ NBP đưa tín chỉ CER cho các công trình KSH được hỗ trợ bởi Dự án (Đoạn 23)	Tiếp tục thực hiện cho tới khi kết thúc Dự án	CPMU
		(v) Quy trình và mẫu kiểm tra ngẫu nhiên đối với công trình KSH bao gồm các chỉ tiêu đánh giá môi trường và báo cáo (Đoạn 19)	Tháng 3/2017	CPMU
2	Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học	(i) Yêu cầu Ngân hàng Nhà nước (SBV) đánh giá tính hợp lệ của Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP)	Tháng 10/2017	CPMU
		(ii) Theo dõi tiến độ đánh giá của Bộ tài chính (MOF) về báo cáo đánh giá của Ngân hàng nhà nước	Tháng 11/2016	CPMU
		(iii) Dự thảo hiệp định vay giữa ADB và VBSP	Tháng 12/2016	ADB
		(iv) Hiệp định vay lại giữa MOF và VBSP	Tháng 12/2016	CPMU
		(v) Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết khoản vay cho quý 2 và quý 3 năm 2017	Tháng 3/2017	FIs
3	Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp	(i) Không phản đối cho Đề trình 0 của các gói nghiên cứu	Tháng 9/2016	ADB
		(ii) Trao thầu các gói nghiên cứu	Tháng 7/2017	CPMU và ADB
		(iii) Giải trình các lợi ích tham gia các mô hình	Tháng 10/2016	CPMU, PPMU và LIC

TT	Nội dung	Các hoạt động tổng nhất	Khung thời gian	Đơn vị thực hiện
		(iv) Cập nhật kế hoạch đấu thầu điều chỉnh bao gồm rà soát lại các gói mô hình để cung cấp những biện pháp can thiệp phù hợp nhằm đảm bảo đây là những mô hình thực hành tốt về ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp	Tháng 11/2016	CPMU
		(v) Cập nhật kế hoạch đào tạo (và ngân sách tương ứng) để giải trình rõ sự cần thiết và mối liên hệ giữa nghiên cứu, mô hình và các hoạt động đào tạo.	Tháng 10/2016	CPMU, LIC
		(vi) Cập nhật kế hoạch đào tạo tổng thể chỉ rõ sự cần thiết của các hoạt động đào tạo, liên kết với nghiên cứu, mô hình và xác định nhóm mục tiêu và ngân sách tương ứng.	Tháng 12/2016	CPMU
4	Hợp phần 4: Quản lý Dự án	(i) Trả lời các góp ý của ADB về báo cáo kiểm toán và kế hoạch hoạt động	30/9/2016	CPMU
		(ii) Huy động tư vấn kiểm tra đánh giá chuỗi giá trị khí sinh học	Tháng 6 2017	CPMU và ADB
		(iii) Đăng tải cơ sở dữ liệu về điều tra cơ bản trên website của Dự án	Tháng 11/2016	CPMU
		(iv) Đánh giá nhu cầu mua sắm phần mềm M&E	Tháng 11/2016	LIC
		(v) Thiết lập hệ thống M&E sử dụng cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản	Tháng 1/2017	LIC
	Những khuyến nghị về an toàn môi trường	(i) Cải thiện chất lượng báo cáo về an toàn môi trường trong các báo cáo dự án định kỳ tiếp theo	Tháng 1/2017	CPMU/LIC
		(ii) Báo cáo giám sát nội bộ về an toàn môi trường được gửi ADB 2 lần/năm	Tháng 12/2016	CPMU/LIC
		(iii) Rà soát lại EMP với các biện pháp giảm thiểu cụ thể	Tháng 11/2016	LIC
		(iv) Chỉ định cán bộ đầu mối môi trường ở PPMU	Tháng 11/2016	CPMU
		(v) Thành lập bộ phận quản lý môi trường ở CPMU	Tháng 11/2016	CPMU
		(vi) Thực hiện đánh giá môi trường nhanh và kiểm tra môi trường cho MBPs và LBP để tránh những tác động tiêu cực đến môi trường	Tháng 12/2016	PPMU/LIC
		(vii) Thực hiện IEE cho các MBP/LBP thuộc hạng mục B với EMP cụ thể để giảm thiểu tác động	Tháng 12/2016	PPMU/LIC
		(viii) Tổ chức đào tạo cho PPMUs	Tháng	CPMU/LIC

TT	Nội dung	Các hoạt động tổng nhất	Khung thời gian	Đơn vị thực hiện
		về an toàn môi trường	10/2017	
	Những khuyến nghị về Dân tộc thiểu số	(i) Huy động tư vấn giới và DTTS thuộc LIC để hỗ trợ CPMU và PPMU thực hiện IPDP bao gồm các hoạt động giám sát và báo cáo	Tháng 10/2016	CPMU/LIC
		(ii) Báo cáo giám sát nội bộ 2 lần/năm về thực hiện IPDP trong năm 2016 sẽ được trình ADB và đăng tải trên website ADB	Tháng 12/2016	CPMU/LIC
		(iii) Tăng cường thông tin tuyên truyền tới các thôn bản để có sự tham gia sâu rộng hơn của người dân tộc thiểu số ở 7 tỉnh (Sơn La, Bắc Giang, Sóc Trăng, Lào Cai, Phú Thọ và Hà Tĩnh)	Tiếp tục thực hiện đến hết dự án	PPMUs
		(iv) CPMU và LIC giới thiệu lại các quy định trong IPDP tới 7 tỉnh nói trên (gồm cán bộ PPMU, cán bộ địa phương, các cơ quan đoàn thể) để thực hiện IPDP tại khu vực	Tháng 12/2016	CPMU/LIC
	Những khuyến nghị về Kế hoạch Hành động Giới (GAP)	(i) CPMU và PPMU tiến hành tập huấn nâng cao nhận thức về giới và tóm tắt GAP cho cán bộ chủ chốt của Dự án (ít nhất là điều phối viên, cán bộ đầu mối về giới, kỹ thuật viên như một hình thức đào tạo)	Tháng 12/2016	CPMU, PPMUs
		(ii) CPMU/PPMU hướng dẫn lại yêu cầu về báo cáo (biểu mẫu, công cụ để thu thập số liệu phân tách theo giới và các dữ liệu liên quan cho báo cáo về GAP và các chỉ số theo DMF) và báo cáo GAP được thực hiện hàng quý như một phần của báo cáo tiến độ dự án gửi ADB	Tháng 11/2016	CPMU, PPMUs
		(iii) PPMU sẽ chủ động tìm kiếm sự tham gia của phụ nữ trong các khóa đào tạo (đăng ký nhận hỗ trợ từ dự án) và thông tin, tư vấn gồm tư vấn cho các nhóm phụ nữ thông qua các cuộc họp của hội phụ nữ tại địa phương nhằm đạt được các mục tiêu về GAP (bao gồm các chỉ số điều chỉnh sau đánh giá giữa kỳ)	Tiếp tục thực hiện đến hết dự án	PPMUs
		(iv) Tư vấn giới của LIC sẽ hỗ trợ PPMUs thực hiện, giám sát và báo cáo về các chỉ số liên quan đến GAP	Tháng 10/2016	LIC, PPMUs
6	Đoàn đánh giá tiếp theo	Đoàn đánh giá tiếp theo	Tháng 11/2016	ADB

IV. LỜI CẢM ƠN

91. Đoàn đánh giá xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ NN&PTNT, BQL các Dự án Nông nghiệp và 12 đơn vị thực hiện vì đã hợp tác và giúp đỡ trong quá trình đánh giá. Đặc biệt, Đoàn đánh giá xin ghi nhận sự quan tâm của Thứ trưởng Lê Quốc Doanh đã có sự chỉ đạo cụ thể và kịp thời cho Dự án.

Ký tại Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2016

(Đã ký)

(Đã ký)

Ông. Trần Kim Long
Vụ Trưởng
Vụ Hợp tác Quốc tế
Bộ Nông nghiệp và PTNT

Ông. Sanath D.B. Ranawanna
Chuyên gia Kinh tế Tài nguyên Thiên nhiên
Phòng Nông nghiệp, Tài nguyên thiên
nhiên và Môi trường
Ngân hàng Phát triển Châu Á

Tài liệu đính kèm

Danh sách Phụ lục

STT	Tên phụ lục
1	Danh sách người tham gia
2	Tiến độ tổng thể dự án
3	Tiến độ Khung thiết kế và đánh giá dự án
4	Khung thiết kế và giám sát dự án được chỉnh sửa
5	Đánh giá Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam
6	Kế hoạch Trao thầu và Giải ngân
7	Bảng tái phân bổ vốn
8	Cam kết điều khoản vay của Dự án
9	Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số cập nhật
10	Bảng theo dõi kế hoạch hành động giới cập nhật

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH NGƯỜI THAM GIA HỢP

Họ và tên	Chức vụ	Email	Điện thoại
MARD			
Dinh Vu Thanh	Vụ Phó, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	thanhdv.khcn@mard.gov.vn	
Nguyen Xuan Khoi	Chuyên viên, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường		
Tran Kim Long	Vụ Trưởng, Vụ Hợp tác Quốc tế		
Le Minh Tuan	Chuyên viên, Vụ Hợp tác Quốc tế	tuanlm.htqt@mard.gov.vn	0981626888
Nguyen Van Hung	Chuyên viên, Vụ Tài chính		
Nguyen Quynh Hoa	Cục Chăn nuôi		0915222899
Tong Xuan Chinh	Cục Chăn nuôi		0912491494
Nguyen Thi Lien Huong	Cán bộ, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia		
Ta Huu Nghia	Cán bộ, Cục Kinh tế Hợp tác		
Nguyen Thanh Trung	Cán bộ, Viện Chăn nuôi		
Pham Viet Anh	Phó phòng Kế hoạch, APMB		
Duong Thi Phuong Thuy	Cán bộ, APMB		
Nhu Van Thu	Viện Công nghệ		
Các bộ ngành khác			
Hoang Hai	Phó Cục trưởng, Cục Quản lý nợ và Tài chính Đối ngoại	hoanghai@mof.gov.vn	04 – 22208126
Pham Van Anh	Chuyên viên, Cục Quản lý nợ và Tài chính Đối ngoại, Bộ Tài Chính	phamvanhanh@mof.gov.vn	0906263770
Do Hong Hai	Phó Phòng ADB, Vụ Hợp tác Quốc tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	dohonghai1975@yahoo.com	0988335577
Nguyen Hoang Phuong	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
Central Project Management Unit			
Nguyen The Hinh	Giám đốc Dự án	nguyenthe.hinh@gmail.com	
Hoang Thai Ninh	PGĐ Dự án	hoangthaininh@gmail.com	
Vu Tien Dung	PGĐ Dự án		

Pham Thi Thuy Linh	Cán bộ Dự án		
Pham Viet Anh	Cán bộ Dự án	phamvietanh.bnn@gmail.com	
Nguyen Minh Huong	Cán bộ Dự án		
Phan Thuy Linh	Cán bộ Dự án		
Nguyen Van Chung	Cán bộ Dự án	chungnguyenvanhd@yahoo.com	
Trinh Thi Thuy Hoi	Cán bộ Dự án		
Nguyen Thai Son	Cán bộ Dự án		
Bui Thuy Linh	Cán bộ Dự án		
Nguyen Thi Thanh Nga	Cán bộ Dự án		
Duong Thi Diem Hang	Cán bộ Dự án		
Nguyen Thi Ngoc Lan	Cán bộ Dự án		
Nguyen Thi Minh Huong	Cán bộ Dự án		
Pham Thi Tra Vinh	Cán bộ Dự án		
Do Ngoc Diep	Cán bộ Dự án		
Luong Huy Hoang	Cán bộ Dự án		
Nguyen Thi Thanh	Cán bộ Dự án		
Hoang Thi Thu Hang	Cán bộ Dự án		
Do Thanh Huong	Cán bộ Dự án		
Vu Hong Hai	Cán bộ Dự án		
Tư vấn thực hiện dự án			
Manohar Sreshtha	Tư vấn Trưởng	manoharshrestha28@gmail.com	
Ho Thi Lan Huong	Tư vấn Phó		
Nguyen Van Bo	Tư vấn		
Bui Van Chinh	Tư vấn (công nghệ KSH)		
Pham Thi Vuong	Tư vấn		
Nguyen Thi Bich Hanh	Tư vấn Kinh tế độc lập		

Nguyen Ngoc Long	Tư vấn Mua sắm		0983024607
Tran Thi Luong	Phiên dịch	tranluong79@gmail.com	0904158419
Bui The Hung	Tư vấn Bắc Giang	hungtbu@gmail.com	0904159576
Dang Thi Phuong Lan	Tư vấn Lào Cai	orchidiac@gmail.com	0903238258
Bui Thi Lan Huong	Tư vấn Tiền Giang	builanhuongvdt@yahoo.com.vn	01687626068
Tong Khiem	Tư vấn Nam Định	tongkhiemvtc@gmail.com	0976284559
Bui Thi Phuong Loan	Tư vấn Bến Tre	Buiphuongloan.iae@gmail.com	0978494172
Le Ngoc Hung	Tư vấn Bình Định	Ngochung05@gmail.com	0907414278
Nguyen Dinh Vinh	Tư vấn Phú Thọ	ndvinh@vnua.edu.vn	0913270655
Dao Van Thong	Tư vấn Sóc Trăng	thongvasi@gmail.com	0988084366
Các Định chế Tài chính			
Le Thu Ha	Chuyên viên, Ngân hàng Hợp tác	lethuha262@gmail.com	0904983367
Nguyen Thanh Hanh	Trưởng chi nhánh, Ngân hàng Hợp tác		0912399699
Ngo Thanh Loan	Cán bộ, Ngân hàng Hợp tác		
Do Hong Hai	Chuyên viên, Ngân hàng NN&PTNT		
Le Dieu Linh	Chuyên viên, Ngân hàng NN&PTNT		
Ho Thi Kim Thanh	Chuyên viên, Ngân hàng NN&PTNT	thanhhothikim@Ngân hàng NN&PTNT.com.vn	0913207917
Phan Cu Nhan	Trưởng Phòng Hợp tác Quốc tế, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam	nhanphancu@gmail.com	0975347021
Hoang Thi Chuong	Phó Phòng Hợp tác Quốc tế, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam		
Tang Thi Hoa	Chuyên viên, Phòng Hợp tác Quốc tế, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam		0936935789
To Van Vinh	PGĐ, Ngân hàng Hợp tác Bình Định		0979846251
Nguyen Thi Thuy	Trưởng phòng Tín dụng, Ngân Hàng Hợp tác Bình Định		0935289727
Nguyen Van Vu	Trưởng phòng Tín dụng, Ngân Hàng Hợp tác Nam Định		0948135764

Pham Thi Thu Hien	Ngân Hàng Hợp tác Phú Thọ		0989138979
Các chương trình Khí sinh học			
Nguyen Xuan Anh Tuan	PGĐ, Lifsap (được Ngân hàng Thế giới tài trợ)		0983922877
Steven Von Eije	Giám đốc Chương trình, SNV		01696540648
Tiền Giang			
Nguyen Thanh Can	Giám đốc dự án, PPMU		0913962338
Tran Thanh Phong	PGĐ Dự án, PPMU		0918287639
Nguyen Thi Hoang Ngan	Kế toán, PPMU		0983238890
Nguyen Thi Huynh	Cán bộ (Giới, Dân tộc Thiểu số), PPMU		0975171825
Huynh Thanh Nong	Cán bộ kỹ thuật, PPMU		0983801049
Le Khanh Duc	Cán bộ kỹ thuật, PPMU		
Nguyen Thi Hoa	Kế toán, PPMU		
Vo Thi My	Nông dân (Q. Đạo Thành, TP. Mỹ Tho)		
Nguyen Thi Ngoc Tuyen	Chủ tịch UBND xã (Xã Đạo Thành, TP. Mỹ Tho)		
Nguyen Thi Diem	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ (Xã Đạo Thành, TP. Mỹ Tho)		
Tran Cong Len	Chủ tịch Hội làm vườn (Xã Đạo Thành, TP. Mỹ Tho)		
Trieu Thi Thuan	Người dân địa phương- CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Đạo Thành, TP. Mỹ Tho)		
Nguyen Van Lich	Người dân địa phương- CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Đạo Thành, TP. Mỹ Tho)		
Le Thi My Le	Người dân địa phương- CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Đạo Thành, TP. Mỹ Tho)		0124415298
Le Thi Lieng	Người dân địa phương- CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Mỹ Phong, TP. Mỹ Tho)		
Le Thi Tuoi	Người dân địa phương- CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Mỹ Phong, TP. Mỹ Tho)		
Vo Thien Nghe	Thợ xây được chứng nhận, (Xã Đạo Thành, TP. Mỹ Tho)		
Nguyen Ngoc Ngan	Bên hưởng lợi tiềm năng (làng Long Hòa B, Xã Đạo Thành, TP. Mỹ Tho)		
Tran Thi Thuy	Kỹ thuật viên (H.Gò Công Đông)		0939942936

Bến Tre			
Phan Thu Suong	Giám đốc Dự án, PPMU		0918330169
Nguyen The Nghia	Điều phối viên dự án , PPMU		01699073793
Nguyen Chanh Binh	Cán bộ Kỹ thuật, PPMU	Ncbinh.knkn@yahoo.com.vn	0919240240
Phan Thi Mai	Kế toán, PPMU	Pthimai81@gmail.com	0988458482
Sóc Trăng			
Quach Van Tay	Giám đốc Dự án, PPMU	taycctyst@gmail.com	0913708736
Le Van Quang	Điều phối viên dự án cum Cán bộ kỹ thuật, PPMU	Levanquang68@gmail.com	0918573883
Tran Thuy Trang	Kế toán, PPMU	Trangthuy6801@yahoo.com	0978599238
Bình Định			
Dao Van Hung	Giám đốc Dự án, PPMU	lcaspbinhdin@gmail.com	056. 3946771
Huynh Ngoc Diep	Phó Giám đốc Dự án, PPMU		
Le Ngoc Hung	Điều phối viên dự án , PPMU		
Tran Thi Thu	Kế toán trưởng, PPMU		
Ho Thi Giac Ngan	Kế toán, PPMU		
Le Thanh Vien	Cán bộ kỹ thuật, PPMU		
Vo Hoang Hiep	Cán bộ kỹ thuật, PPMU		
Phanh Thanh Gian	Cán bộ kỹ thuật (GS&ĐG) , PPMU		
Huynh Thi Thao	Cán bộ Hành chính, PPMU		
Nguyen Tien Lam	Lái xe, PPMU		
Duong Dinh Chien	Nông dân (Xã Nhơn Lộc, thị trấn An Nhơn)		
Le Van Thinh	Nông dân (Xã Nhơn Lộc, thị trấn An Nhơn)		
Luu Tran Dinh Chau	Nông dân (Xã Nhơn Lộc, thị trấn An Nhơn)		
Dao Thanh Lap	Nông dân (Xã Nhơn Lộc, thị trấn An Nhơn)		
Pham Anh Tuan	Cán bộ kỹ thuật, Sở NN&PTNT thị trấn An Nhơn		
Huynh Van Thanh	Cán bộ kỹ thuật, Sở NN&PTNT thị trấn An Nhơn		

Nguyen Huu Do	Cán bộ Thú y, Sở NN&PTNT thị trấn An Nhơn		
Pham Thuy Mai	Phó chủ nhiệm trang trại Nhất Vinh (xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát)		
Tran Thi Chau	Người dân địa phương– CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Hoài Mỹ - huyện Hoài Nhơn)		
Ho Thi Tham	Người dân địa phương– LBP (Xã Hoài Mỹ - huyện Hoài Nhơn)		
Dang Quoc Bao	Phó chủ tịch UBND(Xã Hoài Mỹ - huyện Hoài Nhơn)		
Phan Thi My Trang	Chủ tịch Hội Phụ nữ(Xã Hoài Mỹ - huyện Hoài Nhơn)		
Tran Thi Anh	Người hưởng lợi (Xã Hoài Mỹ - huyện Hoài Nhơn)		
Tran Van Hong	Người hưởng lợi tiềm năng cho hầm vừa (Xã Hoài Mỹ - huyện Hoài Nhơn)		
Nam Định			
Hoang Thi To Nga	Giám đốc Dự án, PPMU	Ngasam67@gmail.com	0918951967
Ninh Van Hieu	Phó Giám đốc Dự án, PPMU	Hieuty15@yahoo.com	0912850210
Vu Duc Luu	Kế toán trưởng, PPMU		0976724647
Dang Ngoc Quang	Kế toán, PPMU	dangngocquangsnn@gmail.com	0915300469
Nguyen Trong Tan	Điều phối viên dự án , PPMU	Trongtan78@gmail.com	0913472700
Le Thi Thao	Cán bộ hành chính, PPMU	lethaosnnd@gmail.com	0912333031
Luong Thanh Tung	Cán bộ kỹ thuật, PPMU	Luongthanhtungty44a@gmail.com	0977751856
Dinh Van Ngo	Cán bộ kỹ thuật, PPMU	ngoknnd@gmail.com	0982686225
Cao Xuan Thang	Cán bộ kỹ thuật, PPMU	thangttgnd@gmail.com	0912138067
Nguyen Thi Nhan	Cán bộ kỹ thuật, PPMU	nhannguyensnnd@gmail.com	0986586496
Nguyen T. Minh Giang	Cán bộ kỹ thuật, PPMU (Gender)	Minhgiang170@gmail.com	0988910407
Nguyen Duc Lam Nghiep	Cán bộ kỹ thuật, PPMU	micronghiep@yahoo.com	0915055627
Tran Thi Hieu	Cán bộ hành chính, PPMU	tranhieunguyenthang@gmail.com	0948027663
Ha Danh Thao	Chủ trang trại(Xã Mỹ Tiến, Huyện Mỹ Lợi)		
Le Thi Oanh	Nông dân (Xã Mỹ Thịnh, Huyện Mỹ Lợi)		

Luong Thanh Chien	Phó Chủ tịch UBND (Xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Hưng)		
Tran Thi Bich	Chủ tịch Hội Nông dân(Xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Hưng)		
Nguyen Thi Vui	Cán bộ khuyến nông(Huyện Nghĩa Hưng)		
Ms. Dan	Chủ tịch Hội Phụ nữ (Xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Hưng)		
Nguyen Van Tho	Người dân địa phương– LBP (Nong Truong Rang Dong town, Huyện Nghĩa Hưng)		
Lai Thi Thim	Người dân địa phương– CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Hưng)		
Vu Thi Lien	Người dân địa phương– CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Hưng)		
Vu Thi Tha	Người dân địa phương (Xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Hưng)		
Lào Cai			
Pham Thi Hoa	Phó Giám đốc Dự án, PPMU	phamhoalc@gmail.com	0919706042
Cao Hoa Binh	Cán bộ dự án, PPMU	choabinh@gmail.com	0984667817
Hoang Manh Thang	Cán bộ dự án, PPMU	mthangbio@gmail.com	0969134154
Nguyen Thi Ngoc Anh	Kế toán dự án, PPMU	anhnn137@gmail.com	0904705590
Sơn La			
Le Van Thanh	Giám đốc Dự án, PPMU		0904109456
Lo Thanh Bang	Điều phối viên dự án , PPMU	Banglothanh75@gmail.com	0988432886
Nguyen Huu Thuong	Cán bộ dự án, PPMU	timbanthatkho@gmail.com	0975113688
Phú Thọ			
Tu Anh Son	Phó Giám đốc Sở- Giám đốc Dự án, PPMU	tusonpt@gmail.com	0989149457
Tran Thi Thanh Thuy	Trưởng phòng Trồng trọt, Sở NN&PTNT – Phó Giám đốc Dự án, PPMU	Thuy.trongtrot@gmail.com	0982765215
Le Toan	Trung tâm xúc tiến nông nghiệp - Cán bộ dự án, PPMU	toanknpt@gmail.com	0982542151
Le Thi Ha	Phòng chăn nuôi, Sở NN&PTNT - Cán bộ dự án, PPMU	lethihachannuoi@gmail.com	0985830883

Hoang Manh Thong	Phòng chăn nuôi, Sở NN&PTNT - Cán bộ dự án, PPMU (CB giới và DTTS)	Hoangmanhthong1985@gmail.com	01685627899
Nguyen Thi Kim Thoa	Kế toán	Nguyenthikimthoa243@gmail.com	01675700098
Ha Trong Tai	Thợ xây (Xã xuân lộc, huyện Thanh Thủy)		
Nguyen Thu Hoai	Kỹ thuật viên (Xã xuân lộc, huyện Thanh Thủy)		
Nguyen Thi Minh	Nông dân (Xã xuân lộc, huyện Thanh Thủy)		
Pham Thi Kim Xung	Nông dân (Xã xuân lộc, huyện Thanh Thủy)		
Ha Tien Dung	Nông dân (Xã xuân lộc, huyện Thanh Thủy)		
Nguyen Quoc Loi	Nông dân (Xã xuân lộc, huyện Thanh Thủy)		
Nguyen Duc Thu	Chủ trang trại (Công ty TNHH Hoàng Kim)		
Nguyen Tien Phuc	Chủ tịch UBND (huyện Hạ Hòa)		
Ha Thi Kim Thanh	Người dân địa phương- CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Ý Sơn, huyện Hạ Hòa)		
Chu Thi Hanh	Người dân địa phương- CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Ý Sơn, huyện Hạ Hòa)		
Nguyen Duc Xuong	Thợ xây(Xã Ý Sơn, huyện Hạ Hòa)		
Tran Trong Nghia	Người dân địa phương- CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Ý Sơn, huyện Hạ Hòa)		
Hà Tĩnh			
Nguyen Xuan Hoan	Giám đốc Dự án, PPMU	xuanhoansnn@gmail.com	0944667999
Nguyen Xuan Liem	Kế toán trưởng, PPMU	liemhoi@gmail.com	0913350842
Dinh Ngoc Duc	Cán bộ kỹ thuật, PPMU	Dinhngocduc50dhv@gmail.com	0911095586
Dang Oanh Khanh	Cán bộ kỹ thuật, PPMU	Danhkhanh.xda@gmail.com	0918477011
Bắc Giang			
Dao Xuan Vinh	Điều phối viên dự án, PPMU	daoxuanvinhbg@gmail.com	0983015971
Duong The Khoa	Cán bộ kỹ thuật, PPMU		
Le Trung Kien	Phó Giám đốc Dự án, PPMU		
Luu Thi Phuong Dung	Cán bộ đầu mối về giới và DTTS, PPMU		

Luong Van Sau	Thợ xây (Xã Đông Hưng, huyện Lục Nam)		
Ha Thi Mai	Người dân tộc thiểu số địa phương – CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Đông Hưng, huyện Lục Nam)		
Luong Khanh Thanh	Người dân tộc thiểu số địa phương – CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Đông Hưng, huyện Lục Nam)		
Nguyen Van Che	Người dân địa phương(Xã Đông Hưng, huyện Lục Nam)		
Dang Thi Dong	Người dân địa phương(Xã Đông Hưng, huyện Lục Nam)		
Duong Van Linh	Người dân tộc thiểu số địa phương – CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Tam Dị, huyện Lục Nam)		
Ly Thi Ha	Người dân tộc thiểu số địa phương – CTKSH QUY MÔ NHỎ (Xã Tam Dị, huyện Lục Nam)		
Hoang Van Dung	Phó Chủ tịch UBND(Xã Đông Phú, huyện Lục Nam)		
Nguyen Thi Nhi	Chủ tịch Hội Phụ nữ (Xã Đông Phú, huyện Lục Nam)		
Nguyen Duc Bay	Chủ tịch Hội Nông dân (Xã Đông Phú, huyện Lục Nam)		

PHỤ LỤC 2. TIẾN ĐỘ HOẠT ĐỘNG TỔNG THỂ DỰ ÁN

STT	Hợp phần/Hoạt động	Trọng số	Tiến độ (0 - 100)	Tiến độ đánh trọng số
	Hợp phần 1: Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi			
	Tiêu chuẩn hóa và phổ biến gói thiết kế cho chuỗi khí sinh học	5.24%	27	1.43%
	Tăng cường năng lực cho các cơ quan có liên quan nhằm chuyển giao việc giám sát các công trình khí sinh học đã xây dựng; và Giám sát, đảm bảo sử dụng công trình cùng các hạng mục môi trường hiệu quả	3.32%	39	1.30%
	Giám sát giải ngân các khoản trợ cấp cho người thụ hưởng như là một khuyến khích tài chính để triển khai các tiểu dự án	11.48%	58	6.61%
	Xây dựng các mô đun đào tạo, tập huấn về ứng dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp và tổ chức đào tạo cho những người giám sát, vận hành chuỗi giá trị khí sinh học và các bên liên quan để áp dụng và lồng ghép trong các tỉnh dự án	1.35%	42	0.56%
	Giám sát lượng giảm phát thải khí CO ₂ hàng năm và thu nhập từ chứng nhận giảm phát thải các bon; và Xây dựng năng lực cho các cán bộ chính phủ và các cơ quan có liên quan nhằm tiếp tục quản lý phát triển khí sinh học	0.28%	61	0.17%
	Hợp phần 2: Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học			
	Các Định chế tài chính cấp tín dụng cho người thụ hưởng hợp lệ để đầu tư cho Chuỗi giá trị KSH và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác phù hợp với Tiêu chí lựa chọn tiểu dự án	51.74%	1	0.62%
	Hợp phần 3: Tăng cường chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp			
	Sử dụng các nghiên cứu dựa vào nông dân bao gồm than sinh học và các chất thải nông nghiệp các bon như phân bón hữu cơ; áp dụng các ứng dụng nông nghiệp phát thải KNK thấp tạo ra năng lượng sinh học, quản lý xử lý chất thải thủy sản và các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác (CSAWMP)	9.06%	0	0.03%
	Xây dựng các mô hình quản lý chất thải chăn nuôi để sản xuất nông nghiệp và giảm phát thải KNK	5.03%	8	0.41%
	Hỗ trợ các cán bộ đào tạo và nghiên cứu về các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp hiệu quả, bao gồm tổ chức các chuyến thăm quan; Xây dựng chương trình, giáo trình, đề cương bài giảng về các công nghệ CSAWMP phù hợp và đào tạo nghề cho nông dân; và Đào tạo cán bộ khuyến nông và nông dân về các công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp để thúc đẩy ứng dụng các công nghệ này vào sản xuất nông nghiệp.	2.27%	23	0.52%
	Thiết lập một hệ thống thông tin (thư viện điện tử, báo chí, và cơ sở dữ liệu) để chia sẻ và đào tạo về các công nghệ CSAWMP; Nâng cấp bộ bản đồ CSAWMP cho 7 vùng sinh thái nông nghiệp để dự báo tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu và hỗ trợ lên kế hoạch nông nghiệp.	1.54%	9	0.14%
	Hợp phần 4: Quản lý dự án hiệu quả			
	Thành lập Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh để hoạt động; Tổ chức hội thảo nâng cao nhận thức về Giới cho các Ban QLDA	3.68%	99	3.65%
	Tuyển tư vấn khởi động, kiểm toán, xây dựng PPMU với dữ liệu phân tách theo giới và DTTS và bao gồm cả giám sát kế hoạch hành động về Giới; Tiến hành điều tra cơ bản trên các tỉnh dự án trong đó thu thập và phân tích dữ liệu theo Giới và DTTS; Chuẩn bị báo cáo tiến độ và trình lên ADB định kỳ.	5.02%	19	0.96%
	Tổng	100.00%		16.40%

PHỤ LỤC 3. TIẾN ĐỘ THEO KHUNG GIÁM SÁT VÀ THIẾT KẾ DỰ ÁN

Tóm tắt thiết kế	Mục tiêu hoạt động và các chỉ số đi kèm dữ liệu cơ sở	Các vấn đề, tiến độ và chú ý khác
1. Tác động		
Giảm ô nhiễm liên quan đến sản xuất nông nghiệp	<p>Đến năm 2024 (so với dữ liệu cơ sở năm 2013), tại các địa bàn tham gia Dự án được lựa chọn:</p> <p>(i) Nước thải chăn nuôi đổ ra nguồn nước giảm ít nhất 50%.</p> <p>(ii) Phát thải KNK giảm tương đương với khoảng 0.2 tấn CO₂ hàng năm trên một đơn vị thể tích mét khối của các công trình KSH.</p>	<p>(i) Nước thải chăn nuôi đổ ra nguồn nước giảm ít nhất 69,4% (COD giảm xuống từ 1848,3 xuống còn 564,6 tại các hộ gia đình sử dụng công trình KSH của LCASP.</p> <p>(ii) Lượng phát thải CO₂ trên 1m³ của công trình KSH LCASP là 0,54 tấn, gấp 2 lần tiêu chuẩn mục tiêu của DMF.</p>
2. Kết quả		
Tăng hấp thu các công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)	<p>Đến năm 2018 (so với dữ liệu cơ sở năm 2013), tại địa bàn Dự án:</p> <p>(i) Ít nhất 70% chất thải (bio-slurry) được chuyển thành phân bón hữu cơ.</p> <p>(ii) Ít nhất 80% năng lượng sản xuất ra từ các công trình KSH được sử dụng.</p> <p>(iii) Khối lượng công việc hàng ngày của phụ nữ và trẻ em giảm trung bình 1,8 - 2 giờ.</p>	<p>(i) Chỉ 10% chất thải (bio-slurry) được chuyển thành phân bón hữu cơ</p> <p>(ii) Ít nhất 88,4% năng lượng sản xuất từ các công trình KSH được sử dụng</p> <p>(iii) Khối lượng công việc hàng ngày của phụ nữ và trẻ em giảm 2,85 giờ.</p>
3. Hợp phần/ Đầu ra		
Đầu ra 1: Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi	<p>(i) Đến năm 2018, có 36.000 công trình KSH quy mô nhỏ, 40 công trình KSH quy mô vừa, và 10 công trình KSH quy mô lớn cùng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị đi kèm được xây dựng và đưa vào hoạt động. Ít nhất 5% trong tổng số công trình KSH quy mô nhỏ được xây dựng cho đồng bào dân tộc thiểu số tại ba tỉnh dự án được lựa chọn.</p> <p>(ii) 36.000 người sử dụng công trình KSH quy mô nhỏ, 500 thợ xây, 160 kỹ thuật viên, 10 kỹ sư và 10 nhà thầu được đào tạo và đăng ký tại các hiệp hội KSH đến năm 2018. Có ít nhất 50% học viên về sử dụng KSH là nữ giới; 20% học viên về xây dựng công trình KSH quy mô nhỏ, và 20% trong số đó được đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật là nữ giới.</p> <p>(iii) Cơ sở dữ liệu công trình KSH được quản lý hiệu quả đến năm 2014, trong đó lưu tên của cả vợ và chồng.</p>	<p>Tới ngày 31/8/2016, có tổng số 38.478 công trình KSH quy mô nhỏ và 07 công trình KSH quy mô vừa được xây dựng bởi các hộ chăn nuôi, trong đó 1.709 công trình KSH quy mô nhỏ (4.44%) được xây dựng cho các hộ dân tộc thiểu số tại 3 tỉnh được lựa chọn. 2 công trình KSH quy mô vừa và 2 công trình KSH quy mô lớn đã được xây dựng sau ngày 31/8/2016.</p> <p>Tính tới ngày 31/8/2016, 39.905 người sử dụng công trình KSH quy mô nhỏ, 321 thợ xây, 330 kỹ thuật viên, 28 kỹ sư và 10 nhà thầu được đào tạo; 13.957 (34,98%) học viên về sử dụng KSH là nữ giới; 17 (5,30%) học viên về xây dựng công trình KSH quy mô nhỏ là nữ giới; 54 (16,36%) học viên về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật là nữ giới.</p> <p>Cơ sở dữ liệu KSH quốc gia được thiết lập, phần mềm hợp nhất dữ liệu các công trình KSH đã được mua sắm.</p>
Đầu ra 2: Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học và đầu tư quản lý chất thải sử	<p>(i) Đến năm 2018, 50% tín dụng sẽ thuộc tài khoản do phụ nữ đứng tên hoặc đồng đứng tên.</p>	<p>Tính tới ngày 31/8/2016, 277 khoản vay phụ đã được giải ngân với tổng số tiền 16.191 triệu VND (8.599 triệu VND nguồn vốn ADB, tương đương 0,391 triệu USD), trong đó 148 (53,43%) khoản tín dụng đứng tên phụ nữ.</p>

Tóm tắt thiết kế	Mục tiêu hoạt động và các chỉ số đi kèm dữ liệu cơ sở	Các vấn đề, tiến độ và chú ý khác
dụng trong nông nghiệp thông minh ứng phó với khí hậu khác	(ii) Sản phẩm tín dụng cho cơ sở hạ tầng cho chuỗi giá trị KSH được đưa vào trong hoạt động của hai định chế tài chính đến năm 2018.	Hai định chế tài chính tham gia Dự án bao gồm Ngân hàng NN&PTNT (VBARD) và Ngân hàng Hợp tác xã (Coopbank).
	(iii) Đến năm 2017, Quỹ khuyến khích tài chính của ICMD được chuyển đầy đủ vào 36,050 tài khoản của người hưởng lợi.	Tính tới ngày 31/8/2016, quỹ ICMD (tiền tài trợ) được chuyển đầy đủ tới 29.487 tài khoản của các đối tượng hưởng lợi
Đầu ra 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)	(i) Đến năm 2016, các mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP) có kết quả tốt được phổ biến tại 10 tỉnh tham gia dự án	Tính tới ngày 31/8/2016, các gói thầu của 7 mô hình CSAWMP cho 10 tỉnh tham gia Dự án đã được cập nhật vào kế hoạch đấu thầu tổng thể.
	(ii) Đến năm 2014, một chiến lược dài hạn về nghiên cứu và chuyển giao công nghệ CSAWMP dựa vào cộng đồng được lập, trong đó bao gồm các kế hoạch lồng ghép, thông tin, tuyên truyền.	Tính tới ngày 31/8/2016, 5.397 nông dân (2.086 phụ nữ, 38,65%) và 236 cán bộ khuyến nông (54 phụ nữ, 22,88%) được đào tạo về các công nghệ CSAWMP.
	(iii) Đến năm 2018, các lỗ hổng kiến thức CSAWMP lớn được xác định và có ít nhất 21 mô hình thí điểm và nhân rộng có lồng ghép được triển khai dựa trên danh sách ưu tiên. Đến năm 2016, 30% mô hình thí điểm có lồng ghép vấn đề về giới.	Tính tới ngày 31/8/2016, chiến lược nghiên cứu CSAWMP được xây dựng và các nghiên cứu ứng dụng về 6 đề tài CSAWMP đang được tiến hành mua sắm đấu thầu (Submission 0 đã được nộp cho ADB).
Đầu ra 4: Quản lý dự án hiệu quả	(i) Đến quý 1 năm 2013, một CPMU và 10 PPMU được thành lập và hoạt động với đầy đủ cán bộ có kỹ năng và trang thiết bị thuộc Bộ NN & PTNT. Đến năm 2014, ít nhất 30% cán bộ là nữ giới và một đầu mối về giới sẽ được bổ nhiệm.	CPMU và 10 PPMU đã được thành lập vào quý II/2013. Tính tới ngày 31/8/2016, 55 trong số 120 cán bộ là nữ giới, tương đương 45,83%. Các cán bộ đầu mối về giới đã được bổ nhiệm vào năm 2016.
	(ii) Đến năm 2015, hệ thống quản lý thực hiện dự án (PPMS) hoạt động có hiệu quả tại 10 tỉnh, trong đó hệ thống này thu thập và báo cáo cả dữ liệu về dân tộc và phân tách theo giới.	Tính tới ngày 31/8/2016, PPMS với dữ liệu phân tách giới và dân tộc được thu thập và báo cáo hoạt động tại 10 tỉnh.
	(iii) Điều phối viên thị trường carbon và 36.000 chủ đầu tư KSH được tham gia vào các hiệp hội đến năm 2014.	Chưa thực hiện

ADB = Ngân hàng phát triển Châu Á, BVC = chuỗi giá trị KSH, CO2 = các bon dioxide, CPMU = Ban QLDA TW, CSAWMP = các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp, GHG = khí nhà kính, ICMD = khuyến khích phát triển thị trường các bon (tiền hỗ trợ), LBP = công trình KSH quy mô lớn, MARD = Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, MBP = công trình KSH quy mô vừa, MONRE = Bộ Tài nguyên và Môi trường, PPMS = hệ thống quản lý thực hiện dự án, PPMU = Ban QLDA tỉnh, SBP = công trình KSH quy mô nhỏ.

PHỤ LỤC 4. KHUNG THIẾT KẾ VÀ GIÁM SÁT DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH

Tóm tắt thiết kế	Mục tiêu/ Chỉ số	Hoạt động tương ứng
1. Tác động		
Giảm ô nhiễm liên quan đến sản xuất nông nghiệp	<p>Đến năm 2024 (so với dữ liệu cơ sở năm 2013), tại các địa bàn tham gia Dự án được lựa chọn:</p> <p>(i) Nước thải chăn nuôi đổ ra nguồn nước giảm ít nhất 50%.</p> <p>(ii) Phát thải KNK giảm tương đương với khoảng 0.2 tấn CO₂ hàng năm trên một đơn vị thể tích mét khối của các công trình KSH.</p>	
2. Kết quả		
Tăng hấp thu các công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)	<p>Đến năm 2018 (so với dữ liệu cơ sở năm 2013), tại địa bàn Dự án:</p> <p>(i) Ít nhất 70% chất thải (bio-slurry) được chuyển thành phân bón hữu cơ.</p> <p>(ii) Ít nhất 80% năng lượng sản xuất ra từ các công trình KSH được sử dụng.</p> <p>(iii) Khối lượng công việc hàng ngày của phụ nữ và trẻ em giảm trung bình 1,8 - 2 giờ.</p>	
3. Các hợp phần/ đầu ra		
Đầu ra 1: Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi	(i) 65.000 công trình KSH quy mô nhỏ, 40 công trình KSH quy mô vừa, và 2 công trình KSH quy mô lớn cùng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị đi kèm được xây dựng và đưa vào hoạt động đến tháng 6/2019. Ít nhất 5% trong tổng số công trình KSH quy mô nhỏ được xây dựng cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các tỉnh của Dự án.	1.1, 1.2
	(ii) Quỹ khuyến khích tài chính của ICMD được chuyển đầy đủ vào 65,042 tài khoản của người hưởng lợi đến tháng 6/2019.	1.3
	(iii) 65.000 người sử dụng công trình KSH quy mô nhỏ, 500 thợ xây, 500 kỹ thuật viên, 28 kỹ sư và 10 nhà thầu xây dựng được đào tạo tập huấn đến tháng 6/2019. Ít nhất 50% học viên về sử dụng KSH là nữ, 7% học viên về xây công trình SKH quy mô nhỏ là nữ, và 20% học viên về quản lý và kỹ thuật KSH là nữ.	1.4
	(iv) Một cơ sở dữ liệu các công trình KSH duy nhất được quản lý một cách hiệu quả đến năm 2017, trong đó lưu tên của cả vợ và chồng.	1.5
Đầu ra 2: Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác	(i) 50% tín dụng sẽ thuộc tài khoản do phụ nữ đứng tên hoặc đồng đứng tên đến tháng 6/2019.	2.1
	(ii) Ít nhất 15.000 hộ chăn nuôi tiếp cận được tín dụng cho chuỗi giá trị KSH và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác từ các Định chế tài chính tham gia Dự án đến tháng 6/2019.	

Tóm tắt thiết kế	Mục tiêu/ Chỉ số	Hoạt động tương ứng
Đầu ra 3: Tăng cường chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)	(i) Chiến lược nghiên cứu CSAWMP được xây dựng và nghiên cứu ứng dụng của ít nhất 6 đề tài được triển khai đến tháng 6/2019. Ít nhất 2 đề tài nghiên cứu sẽ lồng ghép vấn đề về Giới.	3.1
	(ii) Ít nhất 7 mô hình CSAWMP trình diễn và phổ biến hiệu quả tại 10 tỉnh tham gia đến tháng 6/2019.	3.2
	(iii) Ít nhất 7.000 nông dân, 700 cán bộ khuyến nông, và 200 nhà nghiên cứu được đào tạo về CSAMWP đến tháng 6/2019. Ít nhất 50% nông dân và 30% cán bộ khuyến nông được đào tạo là phụ nữ.	3.3, 3.4
Đầu ra 4: Quản lý dự án hiệu quả	(i) Đến quý 1/2013, Một CPMU và 10 PPMU được thành lập và hoạt động với đầy đủ cán bộ có kỹ năng và trang thiết bị thuộc Bộ NN & PTNT. Đến 2014, ít nhất 30% cán bộ là phụ nữ và một đầu mối về giới sẽ được bổ nhiệm.	4.1, 4.2
	(ii) Đến 2015, hệ thống quản lý thực hiện dự án (PPMS) hoạt động có hiệu quả tại 10 tỉnh.	4.3, 4.4, 4.5

STT	Các hoạt động với mốc thời gian	Vốn ADB đề xuất
1	Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi	
1.1	Tiêu chuẩn hóa và phổ biến gói thiết kế cho chuỗi khí sinh học đến 2017	2,500,000
1.2	Tăng cường năng lực cho các cơ quan có liên quan nhằm chuyển giao và giám sát các công trình khí sinh học đã xây dựng đến tháng 6/2019	2,459,300
1.3	Giám sát giải ngân các khoản trợ cấp cho người thụ hưởng như là một khuyến khích tài chính để triển khai các tiểu dự án đến tháng 6/2019	10,485,455
1.4	Nâng cao năng lực về thiết kế, xây dựng, và giám sát các công trình KSH đến tháng 6/2019.	1,209,726
1.5	Tăng cường năng lực và cung cấp trang thiết bị cho các đơn vị liên quan để quản lý cơ sở dữ liệu KSH quốc gia đến 2017	343,682
2	Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác	
2.1	Các Định chế tài chính cấp tín dụng cho người thụ hưởng hợp lệ để đầu tư cho Chuỗi giá trị KSH và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác phù hợp với Tiêu chí lựa chọn tiểu dự án đến tháng 6/2019	29,817,452
3	Tăng cường chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp	
3.1	Sử dụng các nghiên cứu dựa vào nông dân bao gồm than sinh học và các chất thải nông nghiệp các như phân bón hữu cơ; áp dụng các ứng dụng nông nghiệp phát thải KNK thấp tạo ra năng lượng sinh học, quản lý xử lý chất thải thủy sản và các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác (CSAWMP) đến tháng 6/2019	5,637,583
3.2	Xây dựng các mô hình quản lý chất chăn nuôi để sản xuất nông nghiệp và giảm phát thải KNK đến 2018	4,306,732
3.3	Tăng cường năng lực các cán bộ nghiên cứu, cán bộ khuyến nông và nông dân, bao gồm chương trình đào tạo dạy nghề, các gói đào tạo tập huấn, và thăm quan học tập về CSAWMP đến tháng 6/2019.	1,206,182

3.4	Thiết lập một hệ thống thông tin (thư viện điện tử, bộ bản đồ các vùng sinh thái nông nghiệp và hệ thống học tập từ xa) để phổ biến kiến thức và nhận thức về CSAWMP đến tháng 6/2019	790,000
4	Quản lý dự án hiệu quả	
4.1	Đến năm 2013, thành lập Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh để hoạt động.	3,973,767
4.2	Đến năm 2016, tổ chức hội thảo nâng cao nhận thức về Giới cho các Ban QLDA.	
4.3	Đến năm 2015, tuyển tư vấn khởi động, kiểm toán, xây dựng PPMU với dữ liệu phân tách theo giới và DTTS và bao gồm cả giám sát kế hoạch hành động về Giới.	2,986,820
4.4	Đến năm 2016, tiến hành điều tra cơ bản trên các tỉnh dự án trong đó thu thập và phân tích dữ liệu theo Giới và DTTS.	
4.5	Chuẩn bị báo cáo tiến độ và trình lên ADB định kỳ đến năm 2018.	
	Lãi suất	2,203,242
	Tổng	67,919,941

ADB = Ngân hàng phát triển Châu Á, BVC = chuỗi giá trị KSH, CO2 = các bon dioxide, CPMU = Ban QLDA TW, CSAWMP = các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp, GHG = khí nhà kính, ICMD = khuyến khích phát triển thị trường các bon (tiền hỗ trợ), LBP = công trình KSH quy mô lớn, MARD = Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, MBP = công trình KSH quy mô vừa, MONRE = Bộ Tài nguyên và Môi trường, PPMS = hệ thống quản lý thực hiện dự án, PPMU = Ban QLDA tỉnh, SBP = công trình KSH quy mô nhỏ.

PHỤ LỤC 5. ĐÁNH GIÁ KẾT LUẬN CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VỀ VIỆC ĐƯA NGÂN HÀNG SÁCH XÃ HỘI VIỆT NAM (VBSP) LÀM MỘT ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

A. Tính phù hợp tổng thể của Ngân hàng Chính sách Xã hội

1. Các trang trại quy mô vừa và lớn xây dựng công trình khí sinh học tuân thủ các quy định về môi trường. Các trang trại này bị hạn chế trong việc tiếp cận công nghệ và các hỗ trợ tài chính để sử dụng hiệu quả nguồn khí sinh học. Hậu quả là, một phần đáng kể của nguồn khí sinh học bị xả vào không khí, làm ảnh hưởng tiêu cực đến các lợi ích về môi trường của việc sản xuất khí sinh học.
2. Ngược lại, các trang trại quy mô nhỏ có thể sử dụng nguồn khí sinh học một cách hiệu quả thông qua việc đun nấu, tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí nhiên liệu. Các trang trại quy mô nhỏ được khảo sát đã báo cáo về khoản chi phí nhiên liệu tiết kiệm được vào khoảng 2,4 triệu VND mỗi năm, so với chi phí đầu tư ban đầu cho một công trình KSH quy mô nhỏ là 13 triệu VND. Thời gian của phụ nữ trong việc chuẩn bị bữa ăn gia đình mất khoảng 30 đến 40 phút cho mỗi bữa. Tuy nhiên, lượng bùn thải giàu chất dinh dưỡng chưa được sử dụng như phân bón mà lại bị xả ra ngoài môi trường thông qua đường thấm thấu từ các ao thu gom. Theo quan điểm này, Hợp phần 2 nên hướng tới các trang trại quy mô nhỏ nhằm tối đa hoá việc giảm phát thải khí nhà kính. Lượng cầu thực tế đối với nguồn tín dụng cho công trình KSH quy mô vừa và lớn nên phát triển một cách tự nhiên khi các công nghệ quản lý chất thải (VD: máy phát điện, máy tách phân, sản xuất phân bón) được thể hiện thông qua hợp phần 3 của Dự án một cách thiết thực và tiết kiệm.
3. Ngân hàng Chính sách Xã hội đặc biệt phù hợp cho các khoản giao dịch cho vay nhỏ do có mạng lưới tiếp cận cộng đồng rộng lớn. Mô hình kinh doanh của ngân hàng dựa trên các tổ chức đoàn thể địa phương như hội phụ nữ và hội nông dân nhằm tạo điều kiện cho việc xin vay vốn, rà soát các đối tượng xin vay vốn và thu hồi nợ. Để chi trả cho các dịch vụ này, các tổ chức đoàn thể nhận khoản phí hoa hồng khoảng 0,36%-0,60% mỗi năm cho các khoản vay thực hiện được. Chi phí hoa hồng chiếm khoảng 20% tổng thu nhập từ lãi suất cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội. Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách Xã hội còn cử các điểm giao dịch di động tới 11.000 xã vào những ngày cố định trong tháng nhằm cung cấp các dịch vụ ngân hàng tại trụ sở UBND xã. Mỗi chi nhánh thuộc 613 huyện được trang bị 2 điểm giao dịch như vậy, tương đương tổng số có 1.226 điểm giao dịch di động. Tại đây, tất cả các chương trình cho vay và lãi suất cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội đều được công khai để người dân được biết. Trong khi đó, cả hai định chế tài chính hiện tại đều chỉ có mức độ thâm nhập sâu nhất là cấp huyện. Ngân hàng Chính sách Xã hội là một giải pháp phù hợp cho Hợp phần 2 do các đặc thù về giao dịch các khoản vay nhỏ và mạng lưới.

B. Rà soát đặc biệt về tài chính đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội

4. Trước đây, Ngân hàng Chính sách Xã hội hoạt động như một cơ quan của chính phủ với nhiệm vụ thực thi các chính sách xã hội. Trong một số chương trình, Ngân hàng Chính sách Xã hội huy động nguồn vốn từ các thị trường vốn nhưng lại cho vay ở lãi suất dưới chi phí phục hồi. Chính phủ cung cấp các khoản trợ cấp để thanh toán cho các chi phí hoạt động. Trong quá trình sàng lọc các định chế tài chính ban đầu, Ngân hàng Chính sách Xã hội đã được cân nhắc đến nhưng cuối cùng không được lựa chọn do được chính phủ trợ cấp đáng kể.¹⁰
5. Tuy nhiên, kể từ thời điểm sàng lọc ban đầu, Ngân hàng Chính sách Xã hội đã chuyển hướng cho vay dựa trên thị trường. Các chương trình cho vay dựa trên thị trường bao gồm 19% (20,1 tỷ VND) trên tổng danh mục đầu tư trong năm 2011, và tăng 47% (66,9 tỷ VND) trong năm 2015. Trị giá lãi suất đã giảm đáng kể từ 3.034 tỷ VND trong năm 2011 xuống còn 750 tỷ trong năm 2015, như được phản ánh trong báo cáo thu nhập của Ngân hàng Chính sách Xã hội (Bảng 2).

Bảng 1: Bảng tóm tắt các chương trình cho vay dựa trên cơ chế thị trường và phi thị trường của Ngân hàng Chính sách Xã hội

¹⁰ “Đánh giá các dòng tài chính và định chế tài chính”, tài liệu Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp các bon thấp.

	2011			2015		
	Vốn vay (tỷ tỷ VBN)	Vốn đầu tư (%)	Lãi suất cho vay bình quân gia quyền (% p.a.)	Vốn vay (tỷ tỷ VBN)	Vốn đầu tư (%)	Lãi suất cho vay bình quân gia quyền (% p.a.)
Cho vay thị trường	20,1	19,3%	10,8%	66,9	47,0%	8,5%
Cho vay phi thị trường	83,7	80,7%	7,5%	75,5	53,0%	6,4%
Tổng cho vay	103,7	100,0%	8,1%	142,4	100,0%	7,4%

6. Một số quan sát trên báo cáo thu nhập đã chỉ ra một số vấn đề đáng lưu ý. Thứ nhất, Ngân hàng Chính sách Xã hội đã thể hiện sự tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015. Trong năm 2015, lãi suất cho vay bình quân gia quyền là 7,9% và lãi suất huy động vốn bình quân là 4,3%.¹¹ Tỷ lệ chênh lệch lãi suất bình quân là khoảng 3,6%, vẫn thấp hơn một chút so với sự chênh lệch thu hồi chi phí là 3,9%.
7. Thứ hai, Ngân hàng Chính sách Xã hội đã thể hiện sự phát triển ổn định. Cơ cấu chi phí nhìn chung là ổn định. Khoản mục chi phí duy nhất tăng đáng kể là phí hoa hồng trả cho các tổ chức quản chúng, với khoảng cố định 20% lãi suất thu nhập. Trong khi đó, thu nhập lãi từ các hoạt động cho vay tăng 85% từ năm 2011 đến năm 2015, tổng chi phí hoạt động biến đổi (tổng chi phí hoa hồng, chi phí cho nhân viên, các chi phí quản lý và vận hành) chỉ tăng khoảng 52%. Một phần do sự tăng lên của tỷ trọng cho vay dựa trên thị trường, xu hướng này cho thấy việc kinh doanh đang phát triển – hoặc do khách hàng vay vốn cao hơn, hoặc do Ngân hàng Chính sách Xã hội đã tiếp cận được nhiều khách hàng hơn.
8. Ngân hàng Chính sách Xã hội nhắm tới mục đích ngừng hoàn toàn việc trợ cấp cho tới năm 2020 bằng hình thức trợ cấp chéo giữa các chương trình cho vay dựa trên thị trường và phi thị trường. Với vai trò là một cơ quan thuộc chính phủ, Ngân hàng Chính sách Xã hội có thể sẽ không đạt được sự độc lập hoàn toàn về tài chính như kế hoạch, nhưng ngân hàng đang phấn đấu đi theo định hướng này. Các yếu tố cần nhắc về Ngân hàng Chính sách Xã hội đã trở nên kém tính quyết định.
9. Kể từ khi chương trình KSH đạt lãi suất gần với thị trường,¹² danh mục đầu tư dựa trên thị trường của Ngân hàng Chính sách Xã hội cũng sẽ được tăng cường. Hoạt động của Ngân hàng Chính sách Xã hội đang ngày càng hướng tới cho vay dựa trên thị trường, và thu nhập từ lãi cũng đang tăng nhanh hơn chi phí hoạt động. Nếu Ngân hàng Chính sách Xã hội chứng minh thành công trong việc thu hút được người vay và đảm bảo trả nợ đúng hạn, Ngân hàng Chính sách Xã hội nên được đưa vào làm một định chế tài chính tham gia Hợp phần 2.
10. Theo định nghĩa hện về nợ xấu (NPL) của Ngân hàng Chính sách Xã hội, tỷ lệ nợ xấu được báo cáo là 1% trên tổng dư nợ cho vay.¹³ Ngoài ra, khoản dự phòng rủi ro được đặt ở mức 0,05% trên tổng số dư nợ nhằm giảm thiểu sự rút vốn của chính phủ, cổ đông duy nhất của Ngân hàng Chính sách Xã hội. Do đó, bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập có thể không cung cấp được các thông tin đáng tin cậy về thu hồi nợ. Do mục đích này, hai chương trình cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội đã được kiểm tra chặt chẽ hơn. Các chương trình này, một chương trình dựa trên thị trường và một chương trình phi thị trường, được lựa chọn do tỷ trọng đóng góp lớn của các chương trình đó trên tổng danh mục đầu tư.

**Bảng 2: Báo cáo thu nhập của Ngân hàng Chính sách Xã hội
Giai đoạn 2011 – 2015 (tỷ VND)**

	T12/ 2011	T12/ 2012	T12/ 2013	T12/ 2014	T12/ 2015
Tổng tài sản có	103.097	113.167	120.417	127.708	140.652

¹¹ Lãi suất cho vay trung bình được tính theo công thức chia thu nhập lãi của tổng số cho vay bình quân; và tính lãi suất huy động bằng cách chia các chi phí huy động vốn cho tổng vay nợ bình quân.

¹² Đối với hai định chế tài chính hiện tại, lãi suất cho vay là 10% thấp hơn lãi suất hiện hành trên thị trường.

¹³ Chỉ khi người vay qua đời hoặc mất tích, hoặc khi khoản vay không được sử dụng đúng với mục đích đã dự định, khoản vay sẽ được đánh giá là không được thực hiện. Ngược lại, các khoản vay quá hạn sẽ được phân loại cho gia hạn (tính phí lãi vay) hoặc đóng băng (không lãi suất).

Tổng tài sản nợ	82.237	92.889	93.900	141.202	126.121
A. Thu nhập	9.900	11.262	12.226	12.145	11.854
- Thu nhập từ lãi thông qua hoạt động cho vay	5.709	7.364	8.755	9.778	10.591
- Thu nhập khác thông qua hoạt động tín dụng	673	132.8	38	58	60
- Thu nhập từ lãi thông qua tiền gửi	319	214.9	127	89	150
- Thu nhập từ hoạt động thanh toán	0	0	0	0	0
- Thu nhập từ hoạt động ngân quỹ	0	0	0	0	0
- Thu nhập từ các hoạt động khác	147	191.4	217	258.8	296
- Trợ cấp từ ngân sách nhà nước cho chi phí vận hành trừ và chênh lệch lãi suất	3.034	3.341	3.079	1.937	750
- Các thu nhập khác	16	17	10	26	7
B. Chi phí	9.498	10.592	12.050	11.781	11.462
- Chi phí huy động vốn	5.146	6.338	6.653	6.167	5.723
- Chi phí liên quan đến thanh toán và hoạt động ngân quỹ	23	21	30	37	42
- Phí phải trả cho các dịch vụ cho vay ủy thác	1.243	1.412	1.862	2.065	2.131
- Chi phí tài sản	315	361	351	357	383
- Chi phí nhân viên	1.699	2.093	2.135	2.346	2.379
- Chi phí quản lý và vận hành	284	307	359	360	395
- Dự phòng	784	54	651	439	401
- Các chi phí khác	5	5	10	9	8
C. Thu nhập	401	670	176	365	392

C. Các chương trình cho vay hiện tại của Ngân hàng Chính sách Xã hội

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:** đây là chương trình cho vay dựa trên thị trường và giống với các mục đích cho vay đối với chương trình cho vay khí sinh học được đề xuất. Chương trình được thành lập vào năm 2004 nhằm hỗ trợ tài chính cho các hộ gia đình xây dựng nhà vệ sinh và cơ sở vật chất liên quan, bao gồm một công trình khí sinh học cỡ nhỏ. Tính cho đến tháng 12 năm 2015, chương trình này chiếm 14,1% (20.096 tỷ VND) tổng danh mục đầu tư của Ngân hàng Chính sách Xã hội, tương đương 30,0% danh mục đầu tư dựa trên thị trường của ngân hàng.
- Tiến độ thực hiện chương trình này được trình bày tại Bảng 3. Thu hồi nợ hàng năm ở mức ổn định khoảng 20% so với mức dư nợ của năm trước. Trong các cuộc họp, các câu hỏi liên quan đến khả năng tiến hành các khoản vay mới để trang trả các khoản vay chưa đáo hạn đã được đặt ra. Đại diện của Ngân hàng Chính sách Xã hội đã trả lời rằng việc trả nợ được thực hiện theo từng đợt chứ không phải trọn gói (trả một lần). Hơn nữa, nếu phát hiện ra khoản vay được sử dụng cho mục đích khác với mục đích đã khai báo trong đơn xin vay vốn, khoản vay đấy sẽ lập tức bị đánh giá là không được thực hiện phải thu hồi. Việc giám sát trả nợ cần được thực hiện một cách đáng tin cậy
- Hiện nay, chương trình này có lãi suất hàng năm là 9%, với kỳ hạn vay là 5 năm. Trong năm 2015, chương trình đã cho 716.000 hộ gia đình vay mới, và trung bình khoản vay là 11,2 triệu VND. Điều khoản hỗ trợ tài chính của Ngân hàng Chính sách Xã hội có thể so sánh với chương trình tín dụng khí sinh học đề xuất (xem Phần E). Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, số lượng người vay vốn đã tăng đều đặn nhưng trung bình khoảng nửa triệu người mỗi năm .
- Chương trình cho vay hộ nghèo:** Đây là chương trình cho vay cho vay phi thị trường với mức lãi suất hàng năm là 6,6% và chiếm 25,5% (36.384 tỷ VND) trên tổng danh mục đầu tư cho tới năm 2015. Quá trình trả nợ tương tự cũng cần được giám sát.
- Tóm lại, tỷ lệ trả nợ ổn định và cơ sở khách hàng rộng lớn mà những chương trình này được hưởng sẽ thể hiện khả năng của Ngân hàng Chính sách Xã hội trong việc tham gia thực hiện chương trình khí sinh học .

Bảng 3: Thu hồi nợ và phân loại nợ của Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Ngân hàng Chính sách Xã hội giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (tỷ VND)

Năm	Doanh thu từ cho vay	Nợ thu hồi được	Nợ có khả năng mất vốn	Nợ cần chú ý	Phân loại nợ			Người vay mới
					Nợ đến hạn phải trả	Nợ quá hạn	Nợ đóng băng	
2011	2.961	1.377	0	8.540	8.499	41	0	420.502
2012	3.821	1.729	0	10.631	10.584	47	0	530.994
2013	3.523	2.035	3	12.116	12.069	44	3	482.491
2014	6.071	2.800	2	15.386	15.341	33	13	622.130
2015	8.026	3.313	3	20.096	20.053	28	15	716.307

Bảng 4: Thu hồi nợ và phân loại nợ của Chương trình cho vay hộ nghèo Ngân hàng Chính sách Xã hội Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (tỷ VND)

Năm	Doanh thu từ cho vay	Nợ thu hồi được	Nợ có khả năng mất vốn	Nợ cần chú ý	Phân loại nợ			Người vay mới
					Nợ đến hạn phải trả	Nợ quá hạn	Nợ đóng băng	
2011	11.218	8.900	0	38.482	37.804	572	106	841.539
2012	13.482	10.383	22	41.560	40.835	580	146	864.831
2013	11.471	11.295	93	41.650	40.965	452	234	621.669
2014	9.805	12.097	106	39.252	38.661	226	364	444.995
2015	10.038	12.872	34	36.384	35.815	193	376	392.554

D. Rà soát đặc biệt về tài chính đối với Chương trình khí sinh học đề xuất của Ngân hàng Chính sách Xã hội

16. Đối với chương trình khí sinh học dự kiến, Ngân hàng Chính sách đã ước tính tổng khoản vay 878 tỷ VND (40 triệu USD), trong đó 746 tỷ VND (85%, tương đương 34 triệu USD) từ nguồn vốn ADB thông qua Hợp phần 2 của Dự án, và đối ứng 132 tỷ VND (15%, tương đương 6 triệu USD) bằng nguồn vốn tự có.¹⁴ Điều khoản hỗ trợ tài chính tương tự với Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của Ngân hàng Chính sách Xã hội như sau:

- a. Mức vay trung bình từ 20 triệu VND cho tới tối đa là 50 triệu VND;
- b. Lãi suất cho vay dự kiến là 9% một năm;
- c. Kỳ hạn cho vay lên tới 5 năm với thời gian ân hạn là 6 tháng.

17. Do đầu tư xây dựng công trình khí sinh học không tạo như nhập, vậy nên cần phải tiến hành điều tra các điều khoản này có phù hợp với các nông trại quy mô nhỏ hay không. Trong quá trình đi thực địa, các hộ nông dân đã báo cáo về mức tiết kiệm chi phí nhiên liệu trung bình hàng năm là 2,4-3 triệu VND so với mức đầu tư ban đầu là 13 triệu VND. Chi phí đầu tư có thể được hoàn lại trong vòng 5 to 6 năm, và số tiền tiết kiệm từ chi phí nhiên liệu có thể chi trả cho khoản tiền đã vay. Một khoản vay với kỳ hạn 5 năm là hợp lý, do thông thường một khoản vay 50 triệu VND có kỳ hạn 18 đến 24 tháng.

18. Các điều khoản hỗ trợ tài chính có thể thu hút các trang trại nhỏ. Thủ tục cho vay đơn giản, mức độ tiếp cận các dịch vụ ngân hàng tốt, và quan trọng nhất là không cần yêu cầu tài sản thế chấp sẽ tăng cường mức độ hấp dẫn của khoản vay. Do các lý do trên, các điều khoản hỗ trợ tài chính sẽ ảnh hưởng nhiều đến việc cân nhắc quyết định vay vốn của người dân.

19. Bảng 6 trình bày kế hoạch giải ngân của Ngân hàng Chính sách Xã hội đối với chương trình khí sinh học. Mục tiêu này được đánh giá là thực tế, so với kết quả đã thực hiện được trong chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

¹⁴ Cần lưu ý rằng 877,7 tỷ VND chỉ là một phần rất nhỏ trong số vốn cho vay là 142.400 tỷ VND của NHCSXH.

Bảng 6: Kế hoạch giải ngân cho Chương trình khí sinh học

Thời gian thực hiện	Số người vay	Tổng vốn vay (tỷ VND)
Năm 1 (2017)		
Quý 1	2.194	43,9
Quý 2	4.389	87,8
Quý 3	6.583	131,7
Quý 4	6.583	131,7
Tổng năm 1	19.749	395,0
Năm 2 (2018)		
Quý 1	6.583	131,7
Quý 2	6.583	131,7
Quý 3	6.583	131,7
Quý 4	4.389	87,8
Tổng năm 2	24.138	483,8
Tổng	43.887	877,7

PHỤ LỤC 6. TỔNG HỢP TRAO THẦU VỐN ADB

STT	CPMU/PPMU	Dự kiến trao thầu của dự án (triệu đồng)												
		2016		2017				2018				2019		
		Q III	Q IV	Q I	Q II	Q III	Q IV	Q I	Q II	Q III	Q IV	Q I	Q II	Q III
*	CPMU	2,503	3,722	4,229	10,921	9,532	51,267	32,571	33,756	32,362	4,320	13,120	2,143	2,143
1	Binh Dinh	163	1,898	7,215	2,639	2,590	9,924	1,855	334	425	334	192	163	0
2	Bac Giang	392	2,261	8,631	2,239	2,906	1,319	331	331	331	331	331	333	237
3	Ben Tre	259	3,063	7,707	3,196	2,678	4,106	483	485	407	259	259	259	259
4	Ha Tinh	297	2,984	2,593	9,153	4,397	1,930	5,606	572	571	571	488	297	297
5	Lao Cai	1,411	2,950	981	5,461	1,120	773	431	3,273	273	273	273	270	204
6	Nam Dinh	479	2,560	8,511	1,952	5,268	1,068	329	279	379	383	279	279	283
7	Phu Tho	1,160	3,330	16,207	2,472	2,629	2,128	2,047	610	611	660	160	160	160
8	Soc Trang	264	3,649	1,875	4,212	2,155	1,740	6,651	582	582	343	299	299	264
9	Son La	570	2,756	5,825	733	870	2,850	247	247	412	1,619	430	247	247
10	Tien Giang	791	1,856	1,112	6,350	1,024	881	2,719	488	417	295	295	295	295
Tổng (triệu đồng)		8,289	31,029	64,886	49,326	35,169	77,986	53,270	40,958	36,771	9,389	16,127	4,746	4,390
Tổng (triệu USD)		0.372	1.392	2.911	2.213	1.578	3.498	2.390	1.837	1.649	0.421	0.723	2.413	4.597
Tín dụng		0	0	0.5	0.5	0.5	0.5	1	1	1	5	2	5	12.947
Tổng cộng		0.372	1.392	3.411	2.713	2.078	3.998	3.390	2.837	2.649	5.421	2.723	7.413	17.544

PHỤ LỤC 7. BẢNG TÁI PHÂN BỐ VỐN (Tính đến 31/8/2016)

STT	Hạng mục	Phân bổ hiện tại	Đã giải ngân	Điều chỉnh	Vốn phân bổ được duyệt
		(USD)	(USD)	(USD)	(USD)
1	QUẢN LÝ CHUỖI GIÁ TRỊ SINH HỌC VÀ CÔNG TRÌNH XÂY LẮP THEO CÔNG NGHỆ CSAWMP	4.839.298	27.316	(631.382)	4.207.916
2	TÍN DỤNG CHO VIỆC XÂY DỰNG QUẢN LÝ CHUỖI GIÁ TRỊ SINH HỌC THÔNG QUA CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH	32.583.010	110.094	(2.765.558)	29.817.452
3	KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁC BÓN	7.642.266	3.307.644	2.843.189	10.485.455
4	THIẾT BỊ	929.690	218.841	429.504	1.359.194
5	XE CỘ	395.890	395.789	(101)	395.789
6	TẬP HUẤN VÀ HỘI THẢO	2.815.959	867.716	313.631	3.129.590
7	DỊCH VỤ TƯ VẤN	2.697.191	509.557	539.629	3.236.820
8	NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN	5.704.982	0	(67.399)	5.637.583
9	TỔ CHỨC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ CSAWMP	3.165.851	0	1.140.881	4.306.732
10	CHI PHÍ VẬN HÀNH GIA TĂNG	2.181.390	1.000.047	952.978	3.134.368
11	CHI PHÍ LÃI SUẤT	2.203.242	181.959	0	2.203.242
12	CHƯA PHÂN BỐ	2.748.039	0	(2.748.039)	0
99	TÀI KHOẢN TẠM ỨNG_CPMU	-1.612	3.436.959	1.612	0
99A	TÀI KHOẢN TẠM ỨNG_VBARD	8.301	1.700.000	(8.301)	0
99B	TÀI KHOẢN TẠM ỨNG_COOPBANK	644	1.700.000	(644)	0
	Tổng cộng	67.914.141	13.455.922	0	67.914.141

PHỤ LỤC 8: CAM KẾT CỤ THỂ CỦA DỰ ÁN - THEO HIỆP ĐỊNH

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Điều 4	1	(b) Trong quá trình thực hiện dự án và vận hành các phương tiện của Dự án, Bên vay phải thực hiện hoặc buộc phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ được quy định trong Phụ lục 5 của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 4	1	(a) Bên vay sẽ giao cho các ĐCTC thực hiện dự án với trách nhiệm và hiệu quả phù hợp với các ứng dụng phát triển, kinh doanh, tài chính, kỹ thuật có thể áp dụng.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	1	Bên vay phải đảm bảo dự án được thực hiện phù hợp với các thoả thuận chi tiết được quy định trong PAM. Bất kỳ thay đổi tiếp theo với PAM sẽ có hiệu lực chỉ sau khi phê duyệt thay đổi đó bằng Bên vay và ADB. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa PAM và Hiệp định này cho vay, các quy định của Hiệp định vay này sẽ được áp dụng.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 3	1	Bên vay sẽ sử dụng số vốn vay để tài trợ cho các chi tiêu của dự án phù hợp với các điều khoản của Hiệp định vay này và Hiệp định dự án.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	2	Bên vay sẽ ký kết Hiệp định vốn vay phụ với mỗi FI, cung cấp các khoản vay lại là một phần trong tiền vốn vay không vượt quá Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi chín nghìn Quyền rút vốn đặc biệt (SDR 23.239.000) tập hợp với tất cả FIs, việc thực hiện các hoạt động dự án của các FIs được mô tả chi tiết tại Phần 1 (ii) của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này, và quyền của bên Vay và ADB. Hiệp định vốn vay phụ sẽ bao gồm các điều khoản, điều kiện được ADB chấp thuận, và sẽ không ảnh hưởng, không giới hạn đến nghĩa vụ của Bên vay trong Hiệp định vay này.	Đã tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	2	(a) Bên vay sẽ (i) duy trì các tài khoản riêng biệt và lưu trữ cho Dự án; (ii) chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo các nguyên tắc kế toán được ADB chấp nhận; (iii) các báo cáo tài chính này được kiểm toán hàng năm bởi các kiểm toán viên độc lập có trình độ, kinh nghiệm và các điều khoản tham chiếu được ADB chấp thuận, phù hợp với tiêu chuẩn kiểm toán trong và ngoài nước được ADB chấp thuận; (iv) như là một phần của kiểm toán, các kiểm toán viên chuẩn bị báo cáo (bao gồm cả các ý kiến của các kiểm toán viên về việc sử dụng vốn vay và tuân thủ các thủ tục của tài khoản tạm ứng và bản sao kê chi tiêu) và thư quản lý (đưa ra các thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ của dự án đã được xác định trong quá trình kiểm toán nếu có.); và (v) cung cấp cho ADB không muộn hơn 6 tháng sau khi kết thúc năm tài chính các bản sao sao kê tài chính đã kiểm toán, báo cáo kiểm toán và thư quản lý, tất cả đều bằng tiếng Anh, và các thông tin khác liên quan đến các tài liệu này và việc kiểm toán khi ADB yêu cầu một cách thích hợp tại từng thời điểm.	Đang tuân thủ.	Tài chính
			(b) ADB sẽ công bố Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo trên website của ADB.	Đang tiến hành.	
			(c) Bên vay sẽ tạo điều kiện cho ADB, theo yêu cầu của ADB, thảo luận với các kiểm toán viên về các báo cáo tài chính và các vấn đề tài chính liên quan đến Dự án theo mục (a)(iii) và sẽ ủy quyền và yêu cầu bất cứ đại diện nào của các nhà kiểm toán này tham gia vào bất cứ cuộc thảo	Đang tuân thủ.	

			luận nào do ADB yêu cầu. Trừ khi Bên vay có thỏa thuận khác đi thì các cuộc thảo luận sẽ chỉ được tiến hành với sự có mặt của cán bộ có thẩm quyền của Bên vay.		
Khoản vay 2968	Chương 5	2	(a) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Hiệp định vay có hiệu lực, Bên vay phải nộp bằng chứng bằng văn bản thỏa đáng cho ADB cho thấy một đơn vị hỗ trợ kỹ thuật (TSU) đã được thành lập dưới CPMU để thực hiện các hoạt động tư vấn của dự án đã được miêu tả trong PAM.	Đã tuân thủ.	Khác
			(b) Minh chứng được chuyển giao theo khoản (a) nói trên sẽ bao gồm: (i) Cung cấp tên của các cán bộ hợp tác của các cơ quan nhà nước đã được miêu tả trong PAM cùng nhau tham gia vào TSU; và (ii) Cung cấp tên của người đứng đầu TSU, là người sẽ được xác định trong quá trình thực hiện dự án.	Đã tuân thủ.	
			(c) Bên vay phải đảm bảo hoặc buộc CPMU đảm bảo rằng không có số tiền nào được gửi vào tài khoản phụ của TSU trừ khi và cho đến khi Bên vay đã tuân thủ khoản (a) và (b) trên và điều khoản tham chiếu của mỗi thành viên trong TSU được ADB chấp thuận. Mỗi điều khoản tham chiếu sẽ phản ánh vai trò kỹ thuật và tư vấn của TSU và sẽ không bao gồm bất cứ hoạt động nào có liên quan đến quản lý hoặc thực hiện dự án mà chỉ được thực hiện bởi đơn vị thực hiện dự án và IAs.	Đã tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	3	Bên vay có trách nhiệm đảm bảo rằng mỗi khoản vay phụ, trừ phi được đồng ý của ADB: (i) là bằng Đồng; (ii) có một khoảng thời gian ân hạn, và tỷ lệ lãi suất được xác định bởi Bên vay phù hợp với thực tiễn cho vay của Bên vay áp dụng đối với cho vay lại nguồn vốn bên ngoài được vay của Bên vay; và (iii) được thực hiện theo các điều khoản và điều kiện khác do ADB chấp nhận.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	4	Bên vay sẽ giao cho các ĐCTC cho vay lại nguồn vốn từ Vốn vay phụ cho Bên hưởng lợi hợp lệ theo Thỏa thuận cho vay lại, Phần 2 của đoạn 2 của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này và phù hợp với các quy định của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	3	Ngoài các báo cáo và thông tin được quy định tại mục 6,05 của Quy chế vay, Bên vay phải cung cấp, hoặc buộc phải cung cấp cho ADB tất cả các báo cáo và thông tin theo yêu cầu của ADB một cách hợp lý liên quan đến (a) bên hưởng lợi hợp lệ, Tiểu dự án hợp lệ và các khoản vay phụ; và (b) điều kiện quản lý, hoạt động và tài chính của mỗi ĐCTC.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	4	Bên vay phải tạo điều kiện cho các đại diện của ADB kiểm tra Dự án, Hàng hóa và Công trình, bất kỳ bên hưởng lợi hợp lệ, Tiểu dự án hợp lệ và bất kỳ sổ sách và tài liệu liên quan.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 3	5	Số vốn vay sẽ được phân bổ và rút vốn phù hợp với các quy định tại Phụ lục 3 của Hiệp định vay này, Phụ lục này có thể được sửa đổi theo thỏa thuận giữa Bên Vay và ADB theo từng thời điểm.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	4	Đối với mỗi dự án xây dựng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học được tài trợ bởi một khoản vay phụ theo Phần 1 (ii) của Phụ lục 1 trong Hiệp định vay này, Bên vay có trách nhiệm đôn đốc các ĐCTC liên quan để đảm bảo rằng: (i) khoản vay phụ chỉ được thực hiện cho những người hưởng lợi đủ điều kiện cho các tiểu dự án đủ điều kiện; (ii) Công trình khí sinh học được xây dựng bởi các thợ xây có chứng nhận hoặc các nhà thầu tuân thủ với các tiêu chuẩn về kỹ thuật và môi trường có liên quan được chỉ rõ trong Tiêu chí tiểu dự án hợp lệ (iii) Tiêu chí tiểu dự án hợp lệ được thêm vào các tiêu chí đủ điều kiện vốn vay tiêu chuẩn của các ĐCTC để đảm bảo các khách hàng mục tiêu của Dự án đạt được.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay	Điều 3	3	Trừ khi ADB có thỏa thuận khác, số tiền vốn vay phụ sẽ chỉ được sử dụng Khoản vay phụ cho	Đang tuân	Tài chính

2968			Bên hưởng lợi hợp lệ cho Tiểu dự án hợp lệ và sẽ được áp dụng riêng cho chi phí về Hàng hóa, xây lắp và các khoản chi tiêu khác cần thiết để thực hiện từng Tiểu dự án hợp lệ.	thủ.	
Khoản vay 2968	Điều 4	5	Bên vay phải hành động kịp thời các hoạt động bao gồm cung cấp kinh phí, cơ sở vật chất, dịch vụ và các nguồn lực khác cần thiết để tạo điều kiện cho các ĐCTC thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hiệp định dự án, và sẽ không thực hiện hoặc cho phép bất kỳ hành động nào ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ đó.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	5	Đối với mỗi cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học vừa và lớn được tài trợ bởi một khoản vay phụ trong phần 2 đoạn 2 của Phụ lục 1 Hiệp định này, bên vay sẽ ưu tiên xây dựng công trình trong một CLZ.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	6	Bên vay phải đảm bảo rằng: (i) các ĐCTC cùng nhau cung cấp tài chính vốn đối ứng với một số tiền không ít hơn \$ 6.300.000 gắn với tài trợ cho các hoạt động dự án được mô tả trong Phần 2 đoạn 2 của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này; (ii) mỗi khoản vay phụ có mức lãi suất theo thỏa thuận của Bộ Tài chính và ĐCTC liên quan trong Hiệp định vốn vay phụ liên quan, (iii) tỷ lệ cho lãi suất cho mỗi khoản vay phụ được xác định dựa trên lãi suất và nhu cầu thị trường, và (iv) mỗi khoản vay phụ có các điều khoản, điều kiện khác cũng như các ĐCTC liên quan có thể có các khoản vay thêm cho khách hàng theo thời gian trong các hoạt động kinh doanh thông thường. Trong khi xác định lãi suất áp dụng và các điều khoản và điều kiện cho một khoản vay phụ, bên vay và các ĐCTC sẽ xem xét, và do đó đảm bảo rằng những người hưởng lợi có thể truy cập các nguồn tài chính chấp nhận được để xây dựng các công trình khí sinh học và bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không chỉnh sửa, miễn trừ, bổ sung hoặc các sửa đổi khác được thực hiện với các điều khoản và điều kiện của bất kỳ khoản vay phụ nào đó mà có thể gây nguy hiểm cho nguyên tắc này.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	6	Trừ khi ADB có thỏa thuận khác, Bên vay sẽ thực hiện việc mua sắm, buộc phải thực hiện các khoản chi tiêu được tài trợ bằng tiền của khoản vay phù hợp với các điều khoản nêu tại Phụ lục 4 của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 4	6	(a) Bên vay sẽ thực hiện các quyền của mình theo các Thỏa thuận vốn vay bổ sung để bảo vệ lợi ích của Bên vay và ADB và để thực hiện được mục đích của Khoản vay.	Đang tuân thủ.	Tài chính
			(b) Quyền hoặc nghĩa vụ theo các hiệp định vay phụ sẽ không được chỉ định, sửa đổi, bãi bỏ hoặc hủy bỏ mà không có sự nhất trí trước đó của ADB.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Điều 3	7	Các lần rút vốn từ Tài khoản vay cho mua sắm Hàng hóa, xây lắp và Dịch vụ tư vấn sẽ chỉ được thực hiện cho các khoản chi tiêu có liên quan tới:		Khác
			(a) Xây lắp được thực hiện tại và cung cấp từ/và Dịch vụ tư vấn và xây lắp, được cung cấp từ các nước thành viên của ADB do ADB quy định cụ thể theo từng thời điểm được coi là nguồn mua sắm hợp lệ, và	Đang tuân thủ.	
			(b) Các dịch vụ Hàng hóa, Xây lắp và tư vấn đáp ứng các yêu cầu hợp lệ khác sẽ do ADB quy định cụ thể tại từng thời điểm.	Đang tuân thủ.	

Khoản vay 2968	Chương 5	7	Bên vay sẽ phân bổ một nguồn quỹ cho những người hưởng lợi đủ điều kiện như là một khuyến khích tài chính để thực hiện các tiểu dự án hợp lệ và hỗ trợ phát triển thị trường các bon. Các khoản kinh phí phân bổ sẽ được thực hiện đúng theo PAM.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	8	Trong khía cạnh của một tiểu dự án khả thi, bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc CPMU, các PPMU và các ĐCTC để đảm bảo rằng kinh phí phân bổ không được chuyển vào tài khoản của người hưởng lợi có đủ điều kiện liên quan cho đến khi PPMU phối hợp với tiểu dự án khả thi đã xác nhận với ĐCTC liên quan và ADB theo đó điều tra nợ và thanh tra vật chất và sự chứng nhận theo yêu cầu của đoạn 4 (ii) ở trên, mà tiểu dự án đủ điều kiện như vậy và sự xác nhận đã tuân thủ tất cả các yêu cầu kỹ thuật, xây dựng, môi trường và các yêu cầu khác và biện pháp bảo vệ thiết lập trong Tiêu chuẩn điều kiện của tiểu dự án.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	9	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc CPMU, các PPMU và các ĐCTC để đảm bảo rằng các tiêu chí Tiểu dự án đủ điều kiện không được sửa đổi, bổ sung, miễn, hoãn lại hoặc nếu không sửa đổi trong bất kỳ cách nào mà không có sự đồng ý trước của ADB.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	10	Bên vay phải đảm bảo rằng danh mục đầu tư của các khoản vay phụ được hạch toán và báo cáo một cách riêng biệt bởi các ĐCTC theo mẫu và ở tần số nhất định và có thể được yêu cầu bởi ADB.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	11	Bên vay ngay lập tức thông báo cho ADB bất cứ lúc nào nếu nhận được thông tin từ một ĐCTC rằng: (A) tỷ lệ phần trăm vốn vay phụ không hoạt động được tài trợ bởi ĐCTC đó có khả năng vượt quá 5% của tổng số tiền chưa chi trả của tất cả các khoản vay phụ của ĐCTC đó tại thời điểm đó, và (B) tỷ lệ phần trăm của các khoản vay phụ không hoạt động tài trợ bởi ĐCTC đó có khả năng vượt quá 10% của tổng số tiền chưa chi trả của tất cả các khoản vay phụ của ĐCTC đó tại thời điểm đó ("Giới hạn NPL"). Nếu, vào bất kỳ thời điểm nào mà nhận được thông tin từ một ĐCTC rằng giới hạn NPL đã bị vượt quá, cho đến khi có thông báo mới của ADB, Bên vay sẽ ngay lập tức chấm dứt xử lý bất kỳ hoạt động rút tiền nào tại thời điểm đó hoặc đang diễn ra ở ĐCTC đó và sẽ tạm thời đình chỉ tất cả các quá trình giải ngân trong hiệp định vốn vay phụ ở ĐCTC đó.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	12	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không có các tiểu dự án liên quan đến bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện, môi trường hay tác động đến người dân bản địa hoặc các nhóm dân tộc thiểu số mà có thể được phân loại như Thể loại A, trong nội dung của Báo cáo chính sách an toàn.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	13	Bên vay phải đảm bảo rằng: (i) Dự án không có bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện trong nghĩa của Báo cáo chính sách an toàn, và (ii) các khu vực được lựa chọn cho bất kỳ tiểu dự án sẽ được nằm trên đất đã thuộc sở hữu của những người hưởng lợi đủ điều kiện do đó đảm bảo rằng các tiểu dự án sẽ không đòi hỏi bất kỳ việc thu hồi đất nào. Trong trường hợp dự án không có bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện, bên vay phải thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng dự án phù hợp với các luật và quy định của Bên vay và với Báo cáo chính sách an toàn.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	14	Bên vay phải bảo đảm hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng việc chuẩn bị, thiết kế, xây dựng, thực hiện, hoạt động và không sử dụng của mỗi tiểu dự án đủ điều kiện và các cơ sở dự án tất cả được thực hiện theo quy định: (i) tất cả các luật và quy định của Bên vay liên quan	Đang tuân thủ.	An toàn

			đến sức khỏe, môi trường, và an toàn; (ii) bảo vệ môi trường, (iii) EARF, và (iv) tất cả các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong IEE và EMP tương ứng, và bất kỳ hành động khắc phục hoặc phòng ngừa nào được nêu trong Báo cáo giám sát môi trường.		
Khoản vay 2968	Chương 5	15	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng việc chuẩn bị, thiết kế, thực hiện, xây dựng và hoạt động của mỗi tiểu dự án đủ điều kiện phù hợp với (i) tất cả các luật và quy định của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; (ii) biện pháp bảo vệ người bản địa, và (iii) tất cả các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong EMDP và bất kỳ hành động khắc phục hoặc phòng ngừa được nêu trong Báo cáo giám sát môi trường.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	16	Bên vay phải đảm bảo rằng các EMDP chuẩn bị cho dự án và được đồng ý với ADB được cập nhật và thực hiện đầy đủ một cách kịp thời, và có đủ nguồn lực được phân bổ cho mục đích này.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	17	17. Bên vay phải làm hoặc chỉ đạo các ĐCTC làm như sau:		An toàn
			(a) trình báo cáo giám sát môi trường định kỳ nửa năm cho ADB;	Đang tuân thủ.	
			(b) nếu bất kỳ tác động và rủi ro xã hội hoặc môi trường bất ngờ nào phát sinh trong quá trình thực hiện tiểu dự án đủ điều kiện thì phải kịp thời thông báo cho ADB sự xuất hiện của những rủi ro hoặc tác động đó, với mô tả chi tiết các sự kiện và đề xuất kế hoạch hành động khắc phục;	Đang tuân thủ.	
			(c) báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm thực tế hoặc tiềm năng của việc tuân thủ các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong EARF và bất kỳ EMP hoặc EMDP sau khi nhận thức được hành vi vi phạm.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	18	Bên vay phải chỉ đạo Cơ quan chủ quản dự án để đảm bảo rằng: (i) các hợp đồng cho các công việc liên quan có quy định cấm sử dụng lao động trẻ em và sự khác biệt về tiền lương giữa lao động nam và nữ cho công việc có giá trị như nhau, theo quy định của pháp luật và các quy định có liên quan của Bên vay; (ii) hợp đồng này cũng bao gồm các quy định bắt buộc về y tế, vệ sinh, môi trường và điều kiện làm việc thích hợp, và (iii) các nhà thầu và công nhân của họ quan sát các giao thức địa phương liên quan đến hành vi chấp nhận được đối với người dân địa phương.	Đang tuân thủ.	Xã hội
Khoản vay 2968	Chương 5	19	Bên vay phải đảm bảo rằng kế hoạch hành động về giới chuẩn bị cho dự án và được đồng ý từ ADB, được thực hiện đầy đủ một cách kịp thời, và có đủ nguồn lực được phân bổ cho mục đích này. Kế hoạch hành động về giới cho dự án đảm bảo rằng: (i) ít nhất 20% những người được đào tạo các vấn đề về quản lý khí sinh học và kỹ thuật là phụ nữ, (ii) ít nhất 20% những người được đào tạo và cấp giấy chứng nhận thợ xây dựng các công trình khí sinh học cỡ nhỏ là phụ nữ và ít nhất 80% trong số họ tìm được việc làm (iii) ít nhất 50% những người được đào tạo về việc sử dụng công nghệ khí sinh học, vận hành và bảo dưỡng là phụ nữ, (iv) ít nhất 50% những người được đào tạo về quản lý nông trại và quản lý chất thải là phụ nữ (v) ít nhất 30% công nhân được đào tạo về công trình khí sinh học cỡ vừa và lớn là phụ nữ, (vi) ít nhất 50%	Đang tuân thủ.	Xã hội

			những người nhận khoản vay phụ từ các ĐCTC sẽ đăng ký đứng tên cả vợ và chồng hoặc phụ nữ đứng tên, (vii) ít nhất 50% những bản đăng ký chính thức mua sắm các hạng mục liên quan đến công trình khí sinh học thuộc dự án sẽ đứng tên cả vợ và chồng hoặc đứng tên người phụ nữ, (viii) 30% các đề tài nghiên cứu được thực hiện dưới phần 3, đoạn 2 của Phụ lục 1 Hiệp định vay này liên quan đến vấn đề giới kết hợp với công trình khí sinh học, (ix) ít nhất 40% trong số được chọn là những người giỏi nhất trong nghiên cứu và phổ biến các công nghệ CSAWMP là phụ nữ; (x) các tài liệu tập huấn về công nghệ và phương pháp phổ biến CSAWMP sẽ ưu tiên về giới và ít nhất 50% các sự kiện phổ biến và tham khảo ý kiến sẽ liên quan đến các nhóm chỉ có phụ nữ, (xi) một cơ sở dữ liệu về dân tộc thiểu số và phân biệt giới được thành lập như là một phần của việc thực hiện dự án và hệ thống giám sát được thiết lập bởi CPMU; (xii) 30% nhân viên của CPMU và PPMU là phụ nữ và CPMU và mỗi PPMU có một điểm đầu mối về giới; và (xiii) chỉ số về giới được bao gồm trong khung giám sát và đánh giá tổng thể của dự án.		
Khoản vay 2968	Chương 5	20	Bên vay phải đảm bảo rằng trong tất cả các tỉnh dự án, phổ biến thông tin, giáo dục và các hoạt động truyền thông đại chúng được thực hiện một cách kịp thời để thúc đẩy việc nhân rộng ứng dụng và sử dụng công nghệ biogas.	Đang tiến hành.	Xã hội
Khoản vay 2968	Chương 5	21	21. Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không có tiền của khoản vay nào được sử dụng để tài trợ cho bất kỳ hoạt động nào bao gồm cả trong danh sách bị cấm hoạt động đầu tư quy định tại Phụ lục 5 của Báo cáo chính sách an toàn.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	22	Bên vay phải thực hiện theo quy định và đôn đốc các Cơ quan chủ quản dự án, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC tuân thủ các chính sách chống tham nhũng của ADB (1998, được sửa đổi đến nay). Bên vay: (i) thừa nhận rằng ADB bảo vệ quyền điều tra trực tiếp, hoặc thông qua các văn phòng, bất kỳ bị cáo buộc tham nhũng, gian lận, thực hành cấu kết liên quan đến dự án, và (ii) đồng ý hợp tác với, và đôn đốc Cơ quan chủ quản, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC hợp tác đầy đủ với các cuộc điều tra và mở rộng tới các hỗ trợ cần thiết, bao gồm cả việc cung cấp quyền truy cập vào tất cả các sách và các hồ sơ có liên quan, có thể cần thiết để hoàn thành thỏa đáng điều tra đó và sẽ cho phép, và đôn đốc Cơ quan chủ quản dự án, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC để cho phép, ADB để điều tra hành vi vi phạm hoặc vi phạm tiềm năng của các chủ trương.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	23	Không giới hạn tính tổng quát của các khoản trên, Bên vay phải: (i) đảm bảo rằng Cơ quan chủ quản dự án và mỗi IA tiến hành kiểm tra định kỳ về hoạt động của nhà thầu liên quan đến rút tiền tài trợ và các khu định cư, và (ii) đảm bảo và đôn đốc Cơ quan chủ quản dự án và mỗi IA để đảm bảo rằng tất cả các hợp đồng tài trợ của ADB trong kết nối với dự án bao gồm các điều khoản quy định cụ thể quyền của ADB để kiểm toán và kiểm tra các hồ sơ và tài khoản của các nhà thầu, nhà cung cấp, tư vấn, và các nhà cung cấp dịch vụ khác có liên quan đến dự án.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	24	Nếu Bên vay hoặc ADB là hoặc nhận thức hoặc có một sự nghi ngờ hợp lý rằng bất kỳ thành viên nào của Cơ quan chủ quản Dự án, TSU, bất kỳ IA hoặc ĐCTC đã tham gia thực hiện tham nhũng hoặc gian lận (như được định nghĩa trong chính sách chống tham nhũng của ADB (1998 như sửa đổi cho đến nay)) dưới hoặc trong kết nối với dự án hoặc vốn vay, Bên vay sẽ có những hành động kịp thời và thỏa đáng cho ADB để điều tra và / hoặc khắc phục tình hình, kể cả trong trường hợp hành vi tham nhũng hoặc gian lận của một ĐCTC, yêu cầu trả nợ ngay lập tức hoặc nếu không phục hồi bất kỳ phần nào của các khoản vay phụ liên quan, trả nợ, phục hồi	Đang tuân thủ.	Khác

			được thanh toán kịp thời với ADB để trả lại vốn vay. Nếu Bên vay không thực hiện hành động điều tra và / hoặc khắc phục hậu quả sự hài lòng của ADB, ADB có thể tuyên bố các ĐCTC có liên quan không đủ điều kiện, vĩnh viễn hoặc trong một thời gian quy định, được xem xét như là một nhà cung cấp tài chính trung gian hoặc bất kỳ công cụ tài chính nào khác cho các dự án tương lai của ADB.		
Khoản vay 2968	Chương 5	25	25. Ngoài các yêu cầu này, để ngăn chặn tham nhũng và tăng tính minh bạch, Bên vay có trách nhiệm tạo một trang web dự án trong vòng 5 tháng kể từ ngày có hiệu lực, có thể truy cập bởi công chúng, để đưa những thông tin khác nhau liên quan đến dự án bao gồm thông tin chung về dự án, mua sắm công liên quan đến dự án, tiến độ dự án và các chi tiết liên lạc bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trang web cũng sẽ cung cấp một liên kết đến ADB's Integrity Unit (http://www.adb.org/Integrity/complaint.asp) để báo cáo bất kỳ khiếu nại hoặc tố cáo các hành vi tham nhũng phát sinh từ các hoạt động của dự án. Mỗi hợp đồng, trang web bao gồm các thông tin, danh sách nhà thầu tham gia, tên của đơn vị trúng thầu, chi tiết cơ bản về thủ tục đấu thầu thông qua, số lượng hợp đồng trao giải thưởng, và danh sách hàng hoá / dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn, mua sắm. Bên vay phải đôn đốc Cơ quan Chủ quản Dự án để cho phép bất kỳ nhà thầu nào yêu cầu giải thích lý do tại sao không thành công và hoặc Cơ quan Chủ quản Dự án phải trả lời trong vòng 20 ngày làm việc. Trang web này sẽ được cập nhật kịp thời và thường xuyên sau mỗi hợp đồng được trao thầu (i) mỗi giải thưởng của hợp đồng, (ii) nộp Báo cáo giám sát môi trường hàng năm cho ADB. Ngoài việc đưa trên web, các bên liên quan, bao gồm các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức phi chính phủ, được cung cấp bởi Bên vay với thông tin chi tiết về mua sắm trên các bảng thông báo công khai trong các vùng tương ứng đó.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	26	26. Bên vay có trách nhiệm và chịu trách nhiệm đảm bảo rằng Cơ quan Chủ quản Dự án, mỗi IA và mỗi ĐCTC tuân theo: (i) chính sách của ADB liên quan đến Tăng cường Vai trò của Ngân hàng Phát triển châu Á trong việc chống rửa tiền và tài trợ của khủng bố (2003); và (ii) pháp luật và quy định của Bên vay về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và vốn vay không được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp, trong hoạt động rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	27	Bên vay phải đảm bảo rằng mỗi ĐCTC lập và thực hiện các thủ tục kiểm soát nội bộ, bao gồm cả thủ tục thẩm định khách hàng, để ngăn chặn hành vi vi phạm trên đoạn 26.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	28	28. Bên vay phải đảm bảo mỗi ĐCTC kịp thời thông báo cho Bên vay và ADB nếu có bất kỳ vi phạm hoặc vi phạm tiềm năng trên đoạn 26. Trong trường hợp mà ADB thông báo một ĐCTC quan ngại của mình rằng đã có một hành động bị cáo buộc là vi phạm như vậy, thì ĐCTC có trách nhiệm: (i) hợp tác trung thực cao với ADB và các đại diện của ADB để ADB có thể xác định hành vi vi phạm như vậy đã xảy ra, (ii) đáp ứng kịp thời và chi tiết hợp lý cho bất kỳ truy vấn từ ADB, và (iii) cung cấp hỗ trợ tài liệu để đáp ứng theo yêu cầu của ADB.	Đang tuân thủ.	Khác

PHỤ LỤC 9. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ CẬP NHẬT

Dự án: Khoản vay 2968-VIE : Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp

Trưởng đoàn đánh giá: Ông Sanath Ranawana

Ngày cập nhật: 31/08/2016

STT	HOẠT ĐỘNG	TÌNH TRẠNG	KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	ĐỀ XUẤT
I	Quản lý chất thải chăn nuôi			
I.1	Quản lý chuỗi giá trị công trình KSH			
1	Bản đồ thống kê DTTS trong ba tỉnh tham gia điều tra, sinh kế của người DTTS và liên kết tiềm năng tới chuỗi giá trị công trình KSH .	Đang triển khai	Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu cho hầm KSH theo gói thầu số 13, bao gồm thống kê DTTS trong các tỉnh có DTTS, đã được triển khai và cập nhật 27,847 hầm KSH. Số liệu hầm KSH được xây trong thời gian sắp tới sẽ được cập nhật liên tục cho tới cuối dự án	
2	Đánh giá nguồn lực và khó khăn đối với DTTS trong xây dựng Công trình KSH	Đã triển khai được 1 phần	Phần đánh giá đã được thực hiện trong giai đoạn thiết kế và được cung cấp trong Kế hoạch phát triển Người bản địa. Tuy nhiên đánh giá trong thời gian thực hiện dự án chưa được triển khai. Tư vấn về Giới và DTTS sẽ thực hiện công tác này.	
3	Construction of SBPs for EMs	Đang triển khai	Tính đến 31/08/2016, Dự án đã xây dựng và nghiệm thu tổng số hầm KSH cỡ nhỏ là 2 288 hầm cho DTTS trên 10 tỉnh của dự án (tương đương với 5,95% tổng số hầm KSH cỡ nhỏ đã xây) và 1709 hầm KSH cỡ nhỏ cho DTTS trong 3 tỉnh được lựa chọn (tương đương 4,44% tổng số hầm KSH cỡ nhỏ đã xây). Số liệu chi tiết của 3 tỉnh này như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Sơn La: 577/1571 - Bắc Giang: 327/5440 - Sóc Trăng: 805/2066 Ngoài 3 tỉnh được lựa chọn trên, tỉnh Lào cai cũng đang triển khai xây dựng hầm KSH cho DTTS. Tính đến 31/8/2016 tỉnh đã xây dựng và nghiệm thu 519 hầm KSH cho DTTS trên tổng số 1825 hầm KSH	

4	Tổ chức chia sẻ lợi ích của chuỗi giá trị công trình KSH từ người làm chủ công trình KSH cho cộng đồng DTTS	Đang triển khai	<p>Dự án tổ chức các hoạt động phổ biến thông tin dự án khác nhau bao gồm về</p> <p>Dự án tổ chức các hoạt động tuyên truyền khác nhau để cung cấp thông tin dự án bao gồm các đề nghị chia sẻ lợi ích chuỗi giá trị chuỗi KSH (năng lượng và phân bón hữu cơ) từ chủ công trình KSH. Tính đến 31/08/2016, về mục đích tuyên truyền thông tin trong khu vực DTTS, tổng cộng đã triển khai và tổ chức được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 162 hội thảo tuyên truyền - 8 chương trình TV - 5 chương trình đài PT - 11.150 bảng tin và áp phích - 41.000 tờ rơi - 1 video clip. <p>Ngoài 3 tỉnh được lựa chọn, tỉnh Lào Cai đã triển khai và tổ chức 58 hội thảo tuyên truyền, 6 chương trình TV, 3 chương trình đài PT và 10000 tờ rơi</p>	
5	Giám sát quản lý chuỗi giá trị công trình KSH trong cộng đồng DTTS	Đang triển khai	Tất cả 2.288 hầm KSH cỡ nhỏ của DTTS được nghiệm thu đều đã được giám sát và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật về quản lý chuỗi giá trị KSH của dự án	
1.2	Tiếp cận thị trường các bon			
1	Đánh giá các khoản đầu tư hướng tới DTTS có thể liên quan tới việc phát thải khí carbon	Đang triển khai	Tất các cơ sở dữ liệu về hầm KSH DTTS sẽ cung cấp cho Chương trình KSH Quốc gia để hỗ trợ cho chương trình tín dụng các bon	
2	Đào tạo các DTTS về thực hành quản lý chất thải sử dụng trong nông nghiệp thông minh ứng phó với khí hậu (CSAWMP) có liên quan tới thị trường khí carbon	Đang triển khai	Tính đến 31/08/2016, 866 người DTTS đã được đào tạo về CSAWMP trên 10 tỉnh (tương đương với 16.05% tổng số người được đào tạo về CSAWMP) và 538 người DTTS trong 3 tỉnh được chọn được đào tạo về CSAWMP (tương đương với 9.97% tổng số người được đào tạo về CSAWMP).	
3	Tiếp cận các Định chế tài chính phù hợp để DTTS tiếp cận khoản	Đang triển khai	Tiến độ giải ngân của hai định chế tài chính bao gồm Ngân hàng NNPTNT và HTX rất chậm và không hiệu quả	Đề xuất bổ sung Ngân hàng CSVN là định chế tài chính thích hợp để xúc tiến cho DTTS tiếp cận các khoản vay

	vay			
I.3	Duy trì bền vững chuỗi giá trị KSH			
1	Đào tạo DTTS về chăn nuôi và quản lý chất thải	Đang triển khai	<p>Dự án cung cấp các khóa đào tạo về vận hành hầm KSH và CSAWMP cho người tham gia quản lý chăn nuôi và chất thải chăn nuôi. Tính đến 31/09/2016, 2,341 người DTTS trong 10 tỉnh (chiếm 5.85% tổng số) đã được đào tạo về vận hành hầm KSH trong đó có 1462 DTTS của 3 tỉnh được chọn (tương đương với 3.66%).</p> <p>866 người DTTS được đào tạo về CSAWMP trong 10 tỉnh (tương đương 16.05% tổng số) và 538 DTTS của 3 tỉnh được chọn đã được đào tạo về CSAWMP (tương đương với 9.97% của tổng số người được đào tạo)</p>	
2	Khuyến khích sự tham gia của DTTS bằng cách phát huy quyền hạn của các hiệp hội KSH và tổ chức liên quan khác	Hủy bỏ	Các hiệp hội KSH chưa được thành lập tại các tỉnh, vì vậy không có DTTS nào tham gia hiệp hội	Đề xuất hủy bỏ hoạt động này.
3	Tạo điều kiện để DTTS tiếp cận tín dụng	Đang triển khai	Tính đến 31/08/2016, 2 định chế tài chính đã cung cấp tín dụng cho 277 người tham gia tại tỉnh Bắc Giang, Lào Cai, Bình Định trong số đó có 119 DTTS tương đương với 42,96% tổng số người tham gia. Trong 3 tỉnh được lựa chọn, chỉ có tỉnh Bắc Giang tiếp cận nguồn tín dụng này với 4 DTTS (tương đương với 1,44% tổng số)	Đề xuất sử dụng Ngân hàng chính sách xã hội là định chế tài chính thích hợp cho tín dụng của DTTS để có thể tăng phần trăm DTTS tiếp cận chuỗi tín dụng
II	Chuyển giao Công nghệ CSAWMP			
II.1	Phát triển CSAWMP:			
1	Đảm bảo rằng các vùng DTTS có trong hệ thống bản đồ khí hậu nông nghiệp chi tiết của Dự án	Đang triển khai	Việc đưa các khu vực DTTS vào bản đồ khí hậu nông nghiệp của dự án đang được triển khai 11/04/2016	
2	Phổ biến kiến thức về	Đang triển khai	Gói thầu thư viện điện tử đang triển khai TOR	CPMU cần đẩy nhanh tiến độ gói thầu này

	CSAWMP thông qua thư viện điện tử để nâng cao kỹ năng và kiến thức cho DTTS		cho đơn vị cung cấp tư vấn thiết kế	
3	Đảm bảo bùn sinh học được chế biến thành phân bón hữu cơ phân phối tại vùng DTTS	Đang triển khai	Tất cả các DTTS tham gia được trang bị một bí quyết sản xuất phân bón hữu cơ từ sinh học bùn và sử dụng phân bón hữu cơ. Việc sử dụng phân bón hữu cơ trong khu vực DTTS sẽ được tích hợp trong gói có liên quan đến sản xuất phân bón hữu cơ	Đề xuất triển khai gói thầu này càng sớm càng tốt
4	Đảm bảo DTTS nằm trong nhóm cộng đồng thực hiện quản lý chất thải chăn nuôi	Đang triển khai	DTTS cũng tham gia các khóa đào tạo về quản lý chất thải chăn nuôi do CPMU và PPMU tổ chức. Hiện đang triển khai TOR cho gói nghiên cứu. Theo những gói thầu này, có khuyến nghị bao gồm cả DTTS	
5	Khuyến khích ít nhất 60 % số người tham gia chương trình phát triển CSAWMP thuộc các DTTS là phụ nữ	Đang triển khai	Dự án đã thực hiện 6 ToT cho 236 cán bộ khuyến nông về CSAWMP. Trong số 26 người DTTS được đào tạo có 6 phụ nữ (tương đương 2.54 tổng số người được đào tạo). 866 DTTS được đào tạo về CSAWMP trong 10 tỉnh (chiếm 16.05% tổng số) và 538 DTTS ở 3 tỉnh được chọn được đào tạo về CSAWMP (tương đương 9.97% tổng số người được đào tạo). Số liệu DTTS là phụ nữ được đào tạo về CSAWMP sẽ được cập nhật trong Đoàn đánh giá tiếp theo	Đề xuất giảm mục tiêu xuống 30%.
II.2	Mô hình CSAWMP / Chuyển giao Phát triển Công nghệ			
1	Đảm bảo rằng các nhà nghiên cứu và cán bộ khuyến nông đào tạo đúng theo tiến độ và tài liệu về CSAWMP đối với DTTS	Chưa đến hạn		Hoạt động này sẽ được phản ánh trong hồ sơ các gói thầu nghiên cứu
2	Phổ biến kỹ năng và	Đang triển khai	Tính đến 31/08/2016, 866 DTTS được đào tạo	

	kiến thức về CSAWMP cho những người chủ công trình KSH và những người nông dân trong vùng DTTS		về CSAWMP trong 10 tỉnh (chiếm 17.64% tổng số) và 538 DTTS ở 3 tỉnh được chọn được đào tạo về CSAWMP. Hoạt động này sẽ được kết hợp trong thời gian thực hiện gói thầu nghiên cứu	
			Tính đến 31/08/2016, 1,339 người trong khu vực DTTS (Bắc Giang, Sơn La, và Sóc Trăng) đã được đào tạo về CSAWMP với số liệu cụ thể như sau: - Sơn La: chưa thực hiện - Bắc Giang: 337 người - Sóc Trăng: 1002 người Ngoài 3 tỉnh được chọn này, tỉnh Lào Cai cũng đã thực hiện các khóa đào tạo CSAWMP cho DTTS. Tính đến 31/08/2016, tỉnh đã đào tạo cho 328 DTTS về CSAWMP trong tổng số 555.	
II.3 Mô hình Chuỗi giá trị công trình KSH				
1	Đánh giá giá trị thặng dư của khí, điện, bùn sinh học thu được từ các công trình KSH phân phối đến các DTTS	Chưa đến hạn	Hoạt động này sẽ được cung cấp trong các gói thầu nghiên cứu Ngoài ra CPMU/PPMU và LIC sẽ báo cáo về hoạt động này trong các báo cáo bán niên của họ	Đánh giá giá trị thặng dư của khí, điện, bùn sinh học thu được từ các công trình KSH sẽ mang tính chất định tính, mô tả và đưa vào báo cáo của các chuyên gia tư vấn thuộc LIC hoặc CPMU/PPMU.
2	Quản lý khí, điện và phân bón hữu cơ từ công trình KSH cho các DTTS	Đang triển khai	100% DTTS được đào tạo và hướng dẫn về việc sử dụng hết khí ga, điện năng và phân hữu cơ từ hầm KSH. Dựa trên kết quả khảo sát dữ liệu cơ sở năm 2016 và các chuyến thăm thực địa của Chuyên gia Tư vấn Môi trường của LIC, các hộ tham gia dự án sử dụng chất thải sau KSH làm phân hữu cơ tưới cây cho vườn và trang trại của mình; hoặc chia sẻ với các hộ dân xung quanh. Về mặt quản lý khí ga, khí ga được dùng để nấu ăn, làm nóng nước, làm ấm chuồng gia súc hoặc chia sẻ với hàng xóm. Trong trường hợp thừa khí ga chủ hầm KSH đã đốt chúng chứ không xả trực tiếp ra môi trường.	

3	Trao quyền cho đại diện KSH trong vùng DTTS	Hủy bỏ		Đề xuất bỏ hoạt động này
III.	Quản lý Dự án			
1	Thiết lập các chỉ số hướng mục tiêu tới các DTTS trên địa bàn tỉnh	Chưa đến hạn	Chuyên gia về Giới và DTTS sẽ thực hiện công việc này	Mục tiêu về DTTS sẽ tập trung vào hoạt động đào tạo
2	Đảm bảo nhân viên an sinh xã hội đưa vào đó cả kế hoạch làm việc hỗ trợ cho DTTS	Chưa đến hạn	Chuyên gia về Giới và DTTS sẽ hỗ trợ nhân viên an toàn xã hội của tỉnh để hoàn thành công việc này	
3	Đảm bảo 2 định chế trung gian tài chính hỗ trợ DTTS	Đang triển khai	Tính đến 31/08/2016, 2 định chế tài chính đã cung cấp tín dụng cho 277 hộ tại tỉnh Bắc Giang, Lào Cai và Bình Định, trong số đó có 119 DTTS tương đương với 42,96% tổng số. Trong số 3 tỉnh được chọn chỉ có tỉnh Bắc Giang là tiếp cận được nguồn vay này với 4 DTTS (tương đương với 1.44% tổng số)	Đề xuất bỏ CME

PHỤ LỤC 10. BẢNG THEO DÕI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIỚI CẬP NHẬT

Dự án: Khoản vay 2968-VIE : Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp
 Trưởng đoàn đánh giá: Ông Sanath Ranawana
 Ngày cập nhật: 26 tháng 9 năm 2016

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ (lũy kế đến ngày)	Các vấn đề/thách thức gặp phải trong thời gian thực hiện / Đề xuất giải quyết
1. Cơ sở hạ tầng quản lý chất thải chăn nuôi mở rộng	<ul style="list-style-type: none"> Ít nhất 20% số người được đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ 	<ul style="list-style-type: none"> Đang triển khai: đã tổ chức 28 khóa đào tạo cho công nhân kỹ thuật về quản lý và kỹ thuật KSH. Trong số 330 người tham gia có 54 phụ nữ (16.4%) - Phần trăm phụ nữ tham gia/tổng số người tham gia của mỗi tỉnh như sau: Sơn La (SL): 2/13 (15.4%) ; Lào Cai (LC): 6/33 (18.2%); Tiền Giang (TG): 2/15 (13.3%); Sóc Trăng (ST): 1/71 (1.4%); Bình Định (BD): 7/47 (14.9%); Nam Định (ND): 4/11 (36.4%); Bắc Giang (BG): 3/15 (20%); Phú Thọ (PT): 13/46 (28.2%); Hà Tĩnh (HT): 14/56 (25%) 	<ul style="list-style-type: none"> - Các PPMU dường như không nắm được mục tiêu này - Các PPMU sẽ nắm rõ hơn và nỗ lực để đào tạo nhiều phụ nữ làm kỹ thuật viên trong tương lai (SL,LC,TG, ST, BD)
	<ul style="list-style-type: none"> Ít nhất 50% số người dùng được đào tạo về công nghệ KSH và O&M là phụ nữ. 	<ul style="list-style-type: none"> Đang triển khai: Đã tổ chức 1.450 khóa đào tạo về sử dụng công nghệ KSH, vận hành và bảo dưỡng cho 13.957 phụ nữ/ 39,905 tổng số người tham gia (35%). Phần trăm phụ nữ tham gia/tổng số người tham gia của mỗi tỉnh như sau: SL: 308/1212 (25.4%); LC: 411/1835 (38.3%); BT: 1499/5074 (29.5%); ND: 1060/2897 (36.6%); ST: 570/2383 (23.9%) ; TG: 966/2226 (43.4%); BG: 1247/5720 (21.8%); PT: 2828/7228 (39.1%) ; BD: 2768/6143 (45.1%); HT: 2300/5187 (44.3%) Đào tạo công nhân kỹ thuật tại nhà cho 32,461 hộ tham gia với 21,393 phụ nữ (65.9%). 	<ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu với những người được đào tạo là một thành viên trong hộ gia đình đăng ký nhận hỗ trợ của dự án.=> PPMU cần chủ động đặt mục tiêu là thành viên là nữ trong hộ gia đình đăng ký nhận hỗ trợ từ dự án và được đào tạo trực tiếp Mục tiêu 50% có thể đạt được
	<ul style="list-style-type: none"> Ít nhất 20% người đào tạo về các vấn đề xây dựng hầm KSH cỡ nhỏ là nữ 	<ul style="list-style-type: none"> Đang triển khai: Đã tổ chức 11 khóa đào tạo về xây dựng hầm KSH cỡ nhỏ; trong số 321 người tham gia có 17 phụ nữ (5.3%). TG, ST, BD, SL, ND, SL: không có phụ nữ tham gia đào tạo xây dựng hầm KSH cỡ nhỏ. Các tỉnh có phụ nữ được đào tạo làm thợ xây 	<ul style="list-style-type: none"> - Thợ xây hầm KSH thường là các thợ chuyên nghiệp và lành nghề và được đào tạo chuyên sâu về hầm KSH, đây là nghề đòi hỏi có tay nghề cao nhưng lại không toàn thời gian nên rất khó khăn cho phụ nữ để được đào tạo và trở thành thợ xây

		là: LC: 3/43; PT: 6/51; HT: 2/97, BG: 1/17; BT: 5/26	⇒ Các PPMU của các tỉnh có đào tạo phụ nữ làm thợ xây cần chủ động tuyển và đào tạo thêm phụ nữ làm thợ xây ⇒ Mục tiêu được điều chỉnh xuống 10% ¹⁵
	• Ít nhất 20% số thành viên của các hiệp hội (hiệp hội nông dân, hiệp hội KSH v.v) là phụ nữ	Chưa thực hiện	-Đã có các câu lạc bộ khuyến nông trong khu vực dự án và các cuộc họp câu lạc bộ về các vấn đề KSH. Không có ý định thành lập hiệp hội mới và cũ (hội nông dân, hội phụ nữ đã có) ngoài tầm ảnh hưởng của dự án về nhân sự/thành viên ->Đề xuất bỏ mục tiêu này
	• Ít nhất 20% số người trong các ban chỉ đạo là phụ nữ.	Chưa thực hiện	-> Đề xuất bỏ mục tiêu này
	• Ít nhất 50% là phụ nữ được đào tạo về kỹ năng quản lý trang trại và quản lý chất thải tại các trang trại	• Đang triển khai: Các PPMU đã tổ chức 162 khóa đào tạo về quản lý trang trại và chất thải cho nông dân cho phụ nữ 2,086/5,397 (38.7%); Phần trăm phụ nữ tham gia/tổng số người tham gia của mỗi tỉnh như sau: LC:211/555(38%) ; BT: 60/322 (18.6%); ND: 363/829 (43.8%) ; ST: 338/1002 (33.7%); TG:58/172 (33.7%); BG: 234/337 (69.4%); PT: 504/789 (63.2%); BD:167/1021 (16.4%); HT: 151/361 (41.8%)	Các PPMU không nắm được đầy đủ mục tiêu này. => - Các PPMU sẽ nắm rõ hơn và nỗ lực để đào tạo nhiều phụ nữ về quản lý trang trại và chất thải cho nông dân trong tương lai (50% có thể đạt được – TG, ST, BT,BD, HT, ND., LC) -
	• Ít nhất 30% công nhân được đào tạo tại MBP và LBP là phụ nữ.	• Đang triển khai: Tổ chức 2 khóa đào tạo về hàm KSH cỡ vừa và lớn cho 46 học viên bao gồm 4 phụ nữ (8.7%) (28 kỹ sư và 18 đại diện của 10 nhà thầu)	Có ít kỹ thuật viên là phụ nữ, vì vậy việc đào tạo gặp khó khăn để đảm bảo sự tham gia của phụ nữ ->Điều chỉnh mục tiêu xuống 15% ¹⁶
2. Các khoản tín dụng đầu tư cho cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị KSH	• Ít nhất 50% người nhận tín dụng được đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc đăng ký dưới tên của phụ nữ.	• Đang triển khai: đã có 148 người nhận tín dụng đăng ký dưới tên của phụ nữ (53.43%) trong số 277 người nhận tín dụng	• 2 định chế tài chính không tổ chức các sự kiện tuyên truyền cho dự án. Vấn đề thế chấp để vay vốn cũng là một cản trở (TG, BT, ST, PT, SL, ND).==> Đề xuất bổ xung Ngân hàng CSVN vì ngân hàng này có thể cung cấp dịch vụ không cần thế chấp để có thể giải quyết vấn đề này ¹⁷

¹⁵ PPMU của tỉnh Phú Thọ, Lào Cai, Sơn La, Nam Định, Bắc Giang, Hà Tĩnh đề xuất giảm mục tiêu thợ xây là phụ nữ xuống 5% bỏ mục tiêu này

¹⁶ PPMU của tỉnh Hà Tĩnh, Bắc Giang, Nam Định, Lào Cai

¹⁷ Bà. Ha Thi Kim Thanh – xã Ý Sơn (huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ): có mong muốn tham gia dự án xây dựng hầm KSH cỡ nhỏ, nhưng lại không đủ tiền để xây dựng và cũng không có khả năng vay mượn từ ngân hàng NNPTNT vì số đồ đã bị cầm cố trong lần vay trước.

PPMU của tỉnh Hà Tĩnh, Sơn La, Nam Định, Lào Cai và Ông Nguyễn Tiến Phúc – Chủ tịch UBND xã Ý Sơn (Phú Thọ); Ông Lương Thanh Chiến – Phó CT UBND xã và Bà Trần Thị Bích – Chủ tịch hội phụ nữ - xã Nghĩa Tân (tỉnh Nam Định) đề xuất ADB tăng số trợ cấp của dự án cho hàm KSH cỡ nhỏ từ 3 triệu lên 5 triệu đồng theo Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 50/2014/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ để tăng cường hiệu quả trong chăn nuôi hộ gia đình năm cho giai đoạn 2015 – 2020

			-Mục tiêu có thể đạt được nếu dự án cũng coi mục tiêu phụ nữ là người đăng ký chính thức đồng thời cho khoản trợ cấp và khoản vay
	<ul style="list-style-type: none"> Tất cả các công trình, đơn vị KSH được mua trong khuôn khổ dự án sẽ được hỗ trợ việc đăng ký chính thức. Ít nhất 50% số giao dịch đó sẽ đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng, hoặc đăng ký dưới tên phụ nữ 	<ul style="list-style-type: none"> Đang triển khai: 148 người nhận tín dụng đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc dưới tên phụ nữ (53.43%) trong số 277 tổng số người nhận. 	.
3. Tăng cường chuyển giao công nghệ nông nghiệp ứng phó CSAWMP	<ul style="list-style-type: none"> Chiến lược nghiên cứu mức độ nhạy cảm về giới được chuẩn bị 	<ul style="list-style-type: none"> Chưa thực hiện 	Chiến lược nghiên cứu được soạn thảo vào năm 2017
	Các tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP và cách thức tuyên truyền phải thân thiện với phụ nữ (tránh những định kiến về giới và sử dụng những hình ảnh minh họa thích hợp)	<ul style="list-style-type: none"> Đạt được: Các tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP sử dụng hình ảnh và các dẫn chứng thích hợp vì vậy phụ nữ có thể hiểu và áp dụng dễ dàng vào thực tế¹⁸. 	
	<ul style="list-style-type: none"> ít nhất 50% hoạt động tuyên truyền và tư vấn chỉ dành riêng cho phụ nữ (ví dụ các hoạt động được tổ chức trong các cuộc họp của hội phụ nữ xã). 	Chưa thực hiện	Tổ chức tư vấn chỉ dành riêng cho phụ nữ => PPMU thực hiện các sự kiện tuyên truyền và các buổi tư vấn cho riêng các nhóm phụ nữ thông qua các buổi Imaf việc với hội phụ nữ conduct dissemination events and để thông báo về dự án và công nghệ CSAWMP → Điều chỉnh mục tiêu xuống 30%
	<ul style="list-style-type: none"> 30% các đề tài dự án nghiên cứu liên quan đến các vấn đề về giới/ các khía cạnh của công trình KSH như là cải thiện bếp nấu, cải thiện hệ thống nước nóng của hộ gia đình, các dụng cụ chế biến sau thu hoạch sử dụng nguyên liệu KSH thân thiện 	<ul style="list-style-type: none"> Chưa thực hiện 	Chiến lược nghiên cứu công nghệ CSAWMP đã được thực hiện và nghiên cứu ứng dụng trên 6 chủ đề về CSAWMP hiện đang được đầu thầu; danh sách 6 gói chủ đề nghiên cứu như sau: - Nghiên cứu sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học theo chuỗi giá trị - Nghiên cứu cải tiến công nghệ khí sinh học

¹⁸ Bà Le Thi Chung – xã Ý Sơn (huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ) tham dự 2 khóa đào tạo (về sử dụng KSH và quản lý chăn nuôi và chất thải) và bà Vũ Thị Liên xã Nghĩa Tân (huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định) tham gia các khóa đào tạo về sử dụng KSH đã cho biết các tài liệu đào tạo được giảng dạy tốt và dễ thực hiện.

	với phụ nữ.		theo chuỗi giá trị và sử dụng hiệu quả khí sinh học - Nghiên cứu công nghệ chăn nuôi lợn tiết kiệm nước - Nghiên cứu sử dụng hiệu quả phế phụ phẩm trồng trọt theo chuỗi giá trị - Nghiên cứu xử lý chất thải nuôi tôm - Nghiên cứu giải pháp chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả và kỹ thuật canh tác giảm phát thải khí nhà kính theo chuỗi giá trị.
	<ul style="list-style-type: none"> • Lựa chọn và đào tạo ít nhất 40% phụ nữ trở thành những nhà nông giỏi trong nghiên cứu và tuyên truyền công nghệ nông nghiệp ứng phó CSAWMP 	Đang triển khai: CPMU đã tổ chức 6 khóa đào tạo (TOT) cho cán bộ khuyến nông. Trong số 236 người tham gia có 54 phụ nữ (22.9%)	<ul style="list-style-type: none"> - CPMU cần tổ chức các khóa đào tạo cho nông dân trở thành nông dân giỏi (khuyến khích là phụ nữ) về nghiên cứu và tuyên truyền công nghệ ứng phó CSAWMP. -> Điều chỉnh mục tiêu xuống 30%
	• Tuân thủ luật pháp (ví dụ như hợp đồng lao động) và hỗ trợ thủ lao cho các nhà nông giỏi	Đang triển khai: Tất cả cán bộ khuyến nông tham dự các khóa đào tạo TOT đều đã được hỗ trợ công tác phí và phát chứng chỉ	.
	30% nhân viên làm việc trong các cơ sở đào tạo về O&M của các thiết bị nghiên cứu là phụ nữ are women.	• Chưa thực hiện	• CPMU sẽ đệ trình hồ sơ mời thầu cho gói 14 vào Tháng 9/2016 để ADB chấp thuận
4. Quản lý dự án hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ quản lý dự án: CPMU và PPMU phải cử ra một cán bộ làm đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến giới và dân tộc thiểu số. 	• Đạt được: CPMU và từng PPMU cử ra cán bộ làm đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến giới và DTTS. Cán bộ đầu mối về giới đã được bổ nhiệm năm 2016	Cán bộ đầu mối về giới của các PPMU mới được bổ nhiệm tháng 7/2016 theo hướng dẫn của CPMU và họ đã tham gia các hội thảo về Giới vào tháng 8 2016 vì vậy đã có hiểu biết về GAP và không có nhắc đến công tác thực hiện --> Chuyên gia tư vấn giới cần hướng dẫn các cán bộ về mục tiêu của GAP và phương pháp để triển khai GAP
	• Các hội thảo về tính nhạy cảm giới dành cho tất cả nhân viên dự án, nhà thầu, cán bộ khuyến nông và thú y, ban chỉ đạo của các tổ chức liên quan sẽ được tổ chức ở các cấp tỉnh, huyện và xã là một phần trong	• Đang triển khai: Đã tổ chức 2 khóa đào tạo nâng cao nhận thức về giới và DTTS ở Cần Thơ, Bình Định và tháng 8 2016 cho cán bộ dự án và đối tác. Trong số 96 người tham gia có 74 phụ nữ (77.1%)	Phần lớn phụ nữ tham gia là từ hội phụ nữ có vai trò không nhiều trong dự án => Tóm tắt về Giới và mục tiêu của GAP cho các cán bộ đầu mối và cán bộ PPMU (điều phối viên, cán bộ đào tạo, cán bộ M&E, giám đốc/phó giám đốc dự án) để hỗ trợ cho công tác thực hiện

	<p>chương trình định hướng của dự án</p>		
	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng và nâng cấp dữ liệu về phân tách giới và dân tộc thiểu số là một phần trong hệ thống báo cáo và công tác giám sát, đánh giá dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> • Đang triển khai: <ul style="list-style-type: none"> (i) Chuyên gia tư vấn về M&E đã triển khai hệ thống M&E và các mẫu dữ liệu về phân tách giới và dân tộc thiểu số. (ii) Cơ sở dữ liệu về các hàm KSH được chuyển vào một phần mềm quản lý dữ liệu và sẽ được cập nhật theo tiến độ xây dựng hàm cùng với số liệu phân tách giới 	<ul style="list-style-type: none"> (i) Chuyên gia tư vấn về giới cần thảo luận với tư vấn M&E để hoàn thành bản mẫu cho M&E về các hoạt động liên quan đến giới và DTTS và cung cấp mẫu báo cáo theo đó . (ii) Chuyên gia tư vấn đã được huy động nhưng không có mặt trong suốt thời gian đoàn đánh giá làm việc (iii) Hỗ trợ của Tư vấn về giới cho công tác thực hiện GAP là rất lớn
	<ul style="list-style-type: none"> • 30% cán bộ của CPMU và PPMU là phụ nữ.. 	<ul style="list-style-type: none"> • Đạt được: Đã thành lập một CPMU và 10 PPMU vào quý 2 năm 2013. Tính đến 31 /8/2016 58 trên tổng số 127 nhân viên là phụ nữ tương đương với 45.7%. Số nhân viên là phụ nữ/tổng số nhân viên là như sau: CPMU: 17/24 ; LC: 4/11; SL:2/6; PT:5/8; BG:3/11; ND:5/14; HT:6/15; BD: 3/10; BT: 3/7; TG: 5/8; ST: 5/13 	